

Cùng quý độc giả thân mến,

Hằng năm vào ngày rằm trăng tròn tháng tư âm lịch, toàn thể Phật giáo đồ trên khắp năm châu bốn biển đều nhứt loạt cử hành đại lễ Phật Đản, vì đó là ngày trọng đại thiêng liêng trong lịch sử nhơn loại. Đó cũng còn là một lễ hội lớn tạo điều kiện cho người con Phật gặp nhau để trao đổi học hỏi trong tinh thần cầu tiến hướng thượng.

Hòa nhịp trong niềm hân hoan trân kính mừng ngày đức Thế Tôn giáng thế, Đặc San Phước Huệ xin chân thành kính chúc chư Tôn Đức Tăng, Ni và quý đồng hương Phật tử lời chúc nguyện an lành vạn sự tùy tâm mãn nguyện.

Tưởng niệm Phật Đản là tưởng niệm đến một bậc siêu nhân, một con Người đã dám hy sinh từ bỏ tất cả để hoàn thành tâm nguyện cứu độ chúng sinh. Chúng ta quy hướng về Ngài không phải chỉ quy hướng bằng những lễ nghi hình thức hay bằng những lời ca tụng tán dương suông, mà chúng ta cần phải thiết thiết thật hành qua những gì mà Ngài đã chỉ dạy. Có thế, thì việc tưởng niệm của chúng ta mới có đầy đủ ý nghĩa và lợi lạc thiết thực.

Dù trải qua thời gian rất lâu xa, nhưng những lời giáo huấn của Ngài hiện vẫn còn đó. Những thông điệp: "Từ bi, bình đẳng, vị tha, nhân ái v.v..." mà Ngài đã trân kính gửi đến cho nhơn loại, như một sự nhắc nhở con người phải luôn yêu thương, hòa ái, tương kính tôn trọng lẫn nhau và đừng bao giờ làm khổ đau cho nhau. Hãy xóa tan mọi hận thù tranh chấp, vì còn nuôi dưỡng hận thù là còn nuôi dưỡng mầm mống gây ra thảm họa chiến tranh. Cả một cuộc đời thuyết giáo của đức Phật không ngoài mục đích là "*Chuy-n mê khai ng*" cho hết thấy chúng sinh. Tuy những lời dạy vàng ngọc quý báu của Đức Phật vẫn còn đó, nhưng rất tiếc người ta lại thờ ơ quên lãng không quan tâm đến những gì mà Ngài đã tha thiết chỉ dạy. Từ đó, mới có những khổ đau hệ lụy do chính con người vô ý thức tạo ra. Con người luôn sống trong sự mâu thuẫn: một mặt thì cũng muốn sống chung hòa bình; một mặt thì lại muốn gây hấn chiến tranh. Như thế, thì thử hỏi làm sao nhơn loại có một cuộc sống an



Lá Thư Toà Soạn

ổn hòa bình cho được?!

Mùa Phật Đản cũng là dịp để chúng ta phẩm định lại nhơn cách và lối sống của chúng ta. Một lối sống làm sao cho phù hợp với đạo đức nhân bản. Có đạo đức nhân bản thì con người mới có thể mở rộng cõi lòng, biết yêu thương chính mình và yêu thương tôn trọng giá trị mạng sống kẻ khác. Bởi những chất liệu từ bi, vị tha, nhân ái vốn tiềm tàng trong mỗi cá thể. Nói rõ ra là mỗi người đều sẵn có Phật chất. Chỉ cần quán chiếu tu tập theo đúng lộ trình chân lý thì mọi người sẽ có được hạnh phúc an lạc. Tuy nhiên, trước tiên, là mỗi người cần phải nỗ lực quán chiếu ở nơi tự thân. Phải hằng quán chiếu gạn lọc vô minh phiền não, như đức Phật đã từng tư duy quán chiếu ở cội Bồ đề trước khi Ngài thành đạo. Đó là con đường tiến đến đạo lý giác ngộ và giải thoát.

Như bao mùa Phật Đản qua, Đặc San Phước Huệ vẫn không quên chân thành tri ân chư tôn đức Tăng, Ni, quý cộng tác viên, quý độc giả thân thương và quý ân nhân mạnh thường quân, những vị đã hằng quan tâm chiếu cố nhiệt tình đóng góp tịnh tài và bài vở để nuôi dưỡng cho tờ báo được sống còn. Với ý hướng đầy chân tình yêu thương đóng góp đó, một lần nữa, nhân mùa Phật Đản lần thứ 2638, tòa soạn xin chân thành kính chúc chư Tôn liệt vị luôn được hanh thông an bình trong nếp sống và luôn gặt hái nhiều thành quả tốt đẹp trong mọi lĩnh vực như ý nguyện.

Trân Trọng

Ban Biên Tập



THE VIETNAMESE BUDDHIST PHUOC HUE TEMPLE

TỔ ĐÌNH PHƯỚC HUỆ

365 Victoria Street, Wetherill Park N.S.W. 2164 Australia
Tel: (02) 9725 2324 Fax: (02) 9725 5385 Email: phuochue@phuochue.org

THÔNG BẠCH ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN PHẬT LỊCH 2558

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch: Chư tôn Hòa thượng, chư Thượng tọa, Đại đức tăng, ni.

Kính thưa: Quý vị lãnh đạo tinh thần

Quý Giáo hội, Hội Phật giáo, tự viện,

Kính thưa: Chư Phật tử và quý đồng hương,

Thay mặt Phước Huệ Sơn Môn Học Phái, chúng tôi trân trọng kính gọi đến chư tôn Hòa thượng, chư Thượng tọa, Đại đức tăng, ni, quý vị lãnh đạo tinh thần quý Giáo hội, Hội Phật giáo, tự viện và chư Phật tử, đồng hương lời chào mừng nồng hậu trong ánh hào quang của đức Bổn sư Thế tôn.

Hôm nay hàng Phật tử chúng ta và nhơn loại khắp nơi trên thế giới hân hoan thành kính chào mừng đức Phật đản sanh lần thứ 2638 Phật lịch 2558 nhằm tưởng niệm và tán dương đức đại từ đại bi, đại hi đại xả mà Ngài đã thương xót dẫn dắt cứu vớt muôn loài. Kính ngưỡng nhơn cách giác ngộ, lời dạy nhân bản mà đức Phật đã đem lại niềm an lạc cho nhơn loại.

Nhơn loại đã trải qua và đang tiếp tục gánh chịu sự xung đột, chiến tranh, khủng bố, sát hại và sự thống trị chuyên chế, độc tài, áp bức, bất công..., bởi các thế lực mạnh động bạo ngược, tham vọng hận thù; không có lòng nhơn ái, không có lòng thương yêu đồng loại, không tôn trọng sự sống và quyền sống giữa đồng loại với nhau.

Nhìn thảm họa, nổi thống khổ mà con người phải chịu đựng, chiêm nghiệm thực trạng, chúng ta nhận thức rõ ràng lời Phật dạy, giáo pháp Ngài thuyết minh, và giá trị tuyệt đối của con đường giải thoát mà đức Phật là vị đạo sư mở đường hướng dẫn muôn loài vượt qua đêm dài tăm tối, nổi khổ đau do ba độc tố tham lam, sân hận, si mê gây nên.

Trong hoàn cảnh hiểm nguy, họa hoạn mà nhơn loại phải gánh chịu ngày càng chồng chất, mỗi người trong chúng ta hãy nên mở rộng lòng thương yêu, từ bỏ hận thù, từ bỏ tham vọng, hướng vào nội tâm và nhơn cách, hướng đến nền nhân bản; hay nói theo thuật ngữ Phật học là mỗi người trong chúng ta hãy cố gắng sống bằng tâm niệm từ bi hỉ xả và tinh thần thiếu dục tri túc, trau dồi huệ giác, làm lợi ích cho người và vật. Đây là con đường duy nhất để tự cứu lấy mình và giúp người thoát khỏi hiểm họa khôn cùng, thoát khỏi sự đắm chìm trong biển nghiệp như lời dạy của đức Phật.

Trong giờ phút trang nghiêm long trọng cử hành đại lễ khánh đản hôm nay, toàn thể pháp chúng dành một phút thành kính tưởng niệm đức cố Tông trưởng, Tổ sư khai sơn Phước Huệ Sơn Môn Học Phái, khai Tổ Phật giáo Việt Nam Úc châu, Thượng nhơn thượng Phước hạ Huệ Trưởng lão Hòa thượng Đại Sư; đồng thời nhứt tâm cầu nguyện chư tiên linh đã bỏ mình vì những bất hạnh, sớm được tiêu điều tự tại và người hiện tiền, an cư lạc nghiệp.

Kính nguyện đức Bổn sư Thế Tôn thù từ gia hộ chư tôn đức và toàn thể liệt vị vô lượng kiết tường.

Trân trọng – Trân trọng

Phước Huệ Sơn Môn Học Phái

Hòa thượng Thích Phước Bổn

Tông Trưởng

Hương về Phật Đản



Tịnh Đức

Hàng năm, cứ đến ngày rằm trăng tròn tháng tư âm lịch, là ngày kỷ niệm đánh dấu đức Phật ra đời. Đây là ngày lễ trọng đại có một không hai trong lịch sử nhân loại. Vì thế mà hầu hết người Phật tử trên khắp năm châu bốn biển đều hướng lòng về bậc Đại Giác để thiết lễ kỷ niệm. Phần nhiều những ngôi chùa lớn đều có thiết trí lễ đài ở trước sân chùa để hành lễ. Chung quanh chùa nơi đâu cũng có treo cờ Phật giáo lớn nhỏ. Thậm chí tại tư gia của những Phật tử người ta cũng thấy có treo cờ. Cái không khí của mùa Phật đản như tràn ngập niềm vui rộng mở, bởi đó là một ngày lễ hội lớn của người con Phật. Ngày này mọi người đều về chùa dâng hương lễ Phật. Vì vậy mà khói hương lúc nào cũng bay nghi ngút quyện tỏa khắp nơi. Ngoài ra có chùa còn cử hành lễ tắm Phật. Tắm Phật là một lễ đã trở thành truyền thống từ xưa, mà người Phật tử mong chờ đến ngày đó để về chùa làm lễ. Buổi lễ tắm Phật diễn ra trong chùa thật là đông đảo. Ngày xưa, các chùa ở thôn quê thường cử hành lễ tắm Phật vào ngày mùng tám tháng tư âm lịch. Cho đến nay, có một số chùa vẫn còn giữ lệ thường tắm Phật của ngày này.

Phật giáo ở hải ngoại, tại những ngôi chùa lớn nhỏ đều có cử hành Đại lễ Phật đản trọng thể. Tuy nhiên, thời gian tổ chức ở một số chùa phần nhiều đều có sự chênh lệch khác nhau. Thứ nhất là không muốn có sự trùng hợp, vì như thế sẽ bị phân tán lực lượng Phật tử. Thứ hai là chỉ tổ chức được vào ngày chủ nhật cuối tuần mà thôi. Vì ngày đó Phật tử nghỉ việc nên mới có cơ hội để cùng nhau về chùa tham dự đông đảo. Nói các chùa lớn là vì những ngôi chùa này có được giấy phép xây cất hẳn hoi nên mọi tiện nghi hoạt động đều thích hợp rộng rãi. Nhất là chỗ đậu xe không bị trở

ngại cho lắm. Đây là những ngôi chùa tương đối khá khang trang rộng lớn có thể dung chứa hàng ngàn người dự lễ. Tiêu biểu như ngôi chùa Quang Minh tại Melbourne thuộc tiểu bang Victoria chẳng hạn. Ngoài ra, đa số là các chùa cải gia vi tự. Nghĩa là chur Tăng, Ni mua nhà sửa lại làm chùa. Vì thế nên sự sinh hoạt lễ lộc có phần giới hạn không được tiện nghi thoải mái như các chùa lớn. Ngoài cái không gian chật hẹp ra, còn có một trở ngại lớn như đó là chỗ đậu xe. Nếu khách thập phương đậu xe bừa bãi thì cư dân sống quanh vùng gần chùa, họ thừa kiện thì sẽ gây ra rắc rối cho chùa và không khéo chùa sẽ có nguy cơ bị đóng cửa. Tình trạng này thường hay xảy ra không thể tránh khỏi. Nhất là vào những ngày lễ lớn như đại lễ Phật Đản, Vu Lan và Tết Nguyên Đán.

Điểm đặc biệt hơn nữa, trong những năm gần đây, sau khi được Liên Hiệp Quốc đồng thuận chấp nhận ngày Đại lễ Phật đản là ngày Vesak thì các hệ phái Phật giáo Nam, Bắc tông ở các chùa trong tiểu bang Victoria đều liên hợp để tổ chức một ngày Đại lễ trọng đại chung cho mọi người, mọi giới tham dự. Theo Thượng tọa Thích Phước Tấn, trụ trì chùa Quang Minh, cho biết, sở dĩ có tổ chức này là do thầy đề nghị khởi xướng và bảo trợ. Bởi thầy là phó chủ tịch của Hội Liên Hữu Phật Giáo Thế Giới. Hiện nay đã có hơn 15 ngôi chùa ghi tên làm hội viên và có hơn 10 chùa khác kết hợp để đứng ra tổ chức. Ngày giờ và địa điểm hành lễ đều do Ban tổ chức quyết định. Như Phật đản năm nay, sẽ tổ chức vào ngày 24/5/2014. Địa điểm hành lễ tại Melbourne Townhall. Đây là dịp để cho các hàng Phật tử của các hệ phái và các sắc tộc theo Phật giáo có đủ cơ duyên tham dự.

Phật giáo ở Việt Nam, tương đối việc tổ chức lễ Phật đản rất dễ dàng không có gì trở ngại như một số chùa nhỏ ở hải ngoại. Bởi những ngôi chùa trong thành phố hoặc ở thôn quê, phần nhiều đều gần nhau và người Phật tử đến chùa dự lễ thoải mái không phải lo việc kiếm chỗ đậu xe. Phần đông là người ta đi bộ hoặc có đi xe thì cũng chỉ đi xe gắn máy mà thôi. Vì vậy nên chỗ đậu xe không có hạn chế.

Tại những thành phố lớn xưa và nay, có nơi người ta còn thiết kế những chiếc xe hoa tuyệt đẹp diễn hành trên đường phố. Với mục đích là để dâng lên cúng dường đức Thế Tôn. Trên những chiếc xe hoa người ta đặt một tượng Phật sơ sanh và bốn góc đều có những cô thiếu nữ phục sức xinh đẹp duyên dáng đứng hầu đức Phật. Trên tay các cô đều có cầm những lẵng hoa tinh khiết thảnh thảng các cô tung hoa cúng dường. Đây là nơi theo truyền thuyết cho rằng, khi đức Phật ra đời đều có chur thiên rải hoa cúng dường.

Dọc theo hai bên đường xe hoa đi qua, người người nô nức hân hoan đứng nghiêm trang kính cẩn chấp tay đón chào. Thật là một quang cảnh tung bừng náo nhiệt khác nào như quần chúng xưa kia chào mừng khi vua Tịnh Phạn cho xe rước Thái tử về triều. Đó là biểu dương hình thức bằng tất cả tấm lòng trân kính dâng lên cúng dường đức Phật. Hơn mười năm qua, đại lễ Phật đản đã trở thành một lễ hội Vesak trọng đại do Liên Hiệp Quốc (LHQ) chủ động phân phối tổ chức. Theo chỗ chúng tôi được biết, Phật đản năm nay 2014, Phật giáo Việt Nam đăng cai tổ chức với sự phối hợp của Ủy ban Tổ Chức quốc tế (ICDV), dưới sự giúp đỡ và bảo trợ của chánh phủ Việt Nam. Đại lễ Phật đản sẽ diễn ra từ ngày 7 đến 12/5/2014 tại khu du lịch văn hóa tâm linh Bái Đính thuộc tỉnh Ninh Bình. Theo dự kiến có khoảng 10.000 đại biểu từ khoảng 90 - 100 quốc gia và vùng lãnh thổ trên khắp thế giới cùng với 8,500 Phật tử Việt

Nam tham dự. Phải nói, đó là một vinh dự lớn lao cho Phật giáo Việt Nam.

Tuy nhiên, nếu chúng ta chỉ một bề phô trương trên mặt hình thức không thôi, chúng tôi thiết nghĩ điều đó cũng chưa đủ. Nếu hình thức mà thiếu phẩm chất nội dung, thì hình thức đó cũng chỉ là rỗng tuếch, vì nó không mang ý nghĩa sâu sắc trong vấn đề chuyên hóa tâm linh. Sự kiện ra đời của đức Phật nhằm nói lên cái vấn đề chuyên hướng đó. Bởi sự có mặt của đức Phật trong cuộc đời, với mục đích là nhằm chuyển mê khai ngộ mở bày tri kiến Phật cho hết thảy chúng sinh. Bởi mỗi chúng sinh đều sẵn có yếu tính giác ngộ và giải thoát. Sở dĩ con người chưa giác ngộ giải thoát được, là vì con người còn bị những thứ vô minh phiền não trói buộc che ngăn. Đức Phật là người đã phá vỡ hoàn toàn bức màn vô minh vọng chấp, cho nên Ngài đã đạt thành quả vị Chánh Giác.

Đạo Phật là nghệ thuật khai sáng con đường nội tại. Hình thức bên ngoài chỉ là yếu tố trợ duyên. Nói cách khác tất cả chỉ là phương tiện, khác nào như ngón tay chỉ mặt trăng. Người khôn khéo là chỉ nương ngón tay để nhìn thấy mặt trăng. Cũng thế, người Phật tử chỉ nương phương tiện để đạt cứu cánh. Cứu cánh là cái đích nhắm tới mà mọi người cần phải đạt cho kỳ được. Thế nên, chúng ta hướng về thiết lễ uy nghiêm để bày tỏ lòng thành cúng dường Ngài, điều đó là một sự kiện hình thức trang nghiêm tốt đẹp không ai có thể phủ nhận được. Tuy nhiên, điều quan trọng là chúng ta nên nhận diện chuyên hóa vô minh phiền não ở nơi chính mình. Đó là chúng ta mới thực sự tri ân cúng dường Ngài. Cúng dường là nghĩa nuôi lớn căn lành, là làm tăng trưởng pháp thân huệ mạng. Mỗi phút giây chúng ta đều xoay lại quán chiếu sâu sắc thật kỹ ở nơi chính mình. Có quán chiếu sâu sắc kỹ càng như thế, thì chúng ta mới thấy được những tri giác sai lầm và tà kiến vọng chấp của ta. Từ

đó ta mới thấy rõ để hoán chuyển theo con đường chân lý giác ngộ. Bằng không, thì chúng ta chỉ một bề chạy theo hình thức ngoại tại và rồi sẽ bị chết chìm trong vũng lầy của những lễ nghi phương tiện hình thức đó.

Thử nhìn vào thế giới của loài người hiện nay, có quá nhiều những biến động đau khổ từ nội tại đến ngoại tại. Nội tại, thì lòng người luôn luôn loạn động bất an. Ngoại tại, thì thiên tai như họa ác liệt dồn dập xảy đến hằng ngày. Quả chúng ta hiện đang sống trong một ngôi nhà lửa rực cháy thiêu đốt, như trong Phẩm Thí Dụ Kinh Pháp Hoa đã diễn tả. Thế mà những đứa con ngây thơ của ông trưởng giả, vẫn vui chơi đùa giỡn với nhau trong căn nhà hư mục đổ nát và lửa đang cháy hừng hực dữ dội mà

họ không hề hay biết. Thật là đáng thương cho thân phận của những người con đó. Ngẫm lại, thân phận và thế giới loài người của chúng ta hôm nay cũng thế!

Kỷ niệm mùa Phật đản lần thứ 2638, nơi gương đức Phật, chúng ta ngoài việc phô trương hình thức cúng dường ra, mỗi người chúng ta cũng nên ý thức đến những nỗi khổ đau, tiếng kêu trầm thống của nhơn loại mà hãy cùng nhau chuyển hóa thân tâm, kiến tạo một nền hòa bình thực sự vĩnh cửu trong tâm thức của mỗi người. Có thế, thì chúng ta mới có thể hóa giải hết mọi nội kết, mọi hận thù tranh chấp và mới thực sự mang lại cho thế giới loài người chúng ta một nền hòa bình an vui và hạnh phúc vậy. /.



*Phật đản đã về rồi đó anh
Chị ơi! dâng cúng một tâm thành
Về chùa lễ Phật thành tâm nguyện
Nguyện cõi nhơn gian hết chiến tranh.*

*Phật đản đã về rồi đó em
Xe hoa lễ hội đón mừng xem
Hương thơm phảng phất mùa sen nở
Tiếng gọi tình thương chẳng nệ hèn.*

*Phật đản đã về rồi đó ba
Từ bi trải khắp rộng chan hòa
Gương xưa đạo hạnh xa mùi tục
Đạo quả viên thành Tất Đạt Đa.*

*Phật đản đã về rồi đó con
Vô ưu hoa nở mãi vẫn còn
Ngàn xưa vạn vật đều thay đổi
Tâm thế vĩnh hằng dạ sắc son.*

Thanh Trì

Phaät
Nàun

Muøa Sen Nôu



Diệu Tánh

Lần đầu tiên, tôi đi tham dự khóa tu học ngoài trời một ngày. Tôi không phải là một bạn sen trong đạo tràng Quang Minh. Tôi chỉ là một Phật tử bình thường như bao nhiêu người Phật tử khác. Gia đình tôi là một gia đình có truyền thống theo đạo Phật. Ông bà bên nội, bên ngoại của tôi đều quy y Tam bảo. Nghe đâu, ông nội tôi là người rất hâm mộ đạo Phật. Đến đời ba tôi, ông cũng thường xuyên tới lui chùa chiền. Ông hay đến chùa làm công quả mỗi khi chùa cần đến. Mẹ tôi hỏi nhỏ ông bà ngoại cho đi sinh hoạt trong Gia Đình Phật Tử (GDPT). Vì vậy, nên mẹ tôi cũng hiểu chút ít về giáo lý đạo Phật. Theo lời mẹ tôi kể lại, thì bà sinh hoạt trong GDPT cho đến khi lập gia đình. Còn ba tôi tuy ông không có gia nhập sinh hoạt trong GDPT, nhưng ông thường đến chùa từ thuở nhỏ. Ông được vị Sư trụ trì trong chùa ở làng tôi rất thương mến. Nhất là vào những dịp lễ lớn, ba tôi hướng dẫn một số thanh niên trong làng đến phụ giúp công quả trang trí trong chùa. Nhờ vậy, mà ông cũng hiểu được chút ít về những lễ nghi phép tắc trong chùa.

Do hấp thụ truyền thống theo đạo Phật, nên từ nhỏ tôi cũng được cơ hội tốt là theo mẹ tôi tới lui chùa thường. Tôi bị ảnh hưởng ba mẹ tôi từ lúc nào mà tôi cũng không hề hay biết. Có lẽ nhờ ảnh hưởng đó nên khi lớn lên tôi không thể quên chùa được. Dù cuộc sống của tôi có trôi nổi thăng trầm đến đâu, lúc nào tôi cũng nhớ đến chùa và nhớ đến Phật pháp. Khi nhỏ tôi thường nghe mẹ tôi ngâm hai câu thơ:

*Mai này tôi bỏ quê tôi
Bỏ trăng bỏ gió chao ôi! bỏ chùa.*

Thật vậy, dù cho có bỏ quê hương ra đi nơi xứ lạ quê người, hay dù cho có bỏ trăng, bỏ gió đi chăng nữa, nhưng làm sao mình bỏ chùa cho được phải không các bạn? Tôi còn nhớ hai câu thơ của thi sĩ Huyền Không:

*Mái chùa che chở hồn dân tộc
Nếp sống muôn đời của tổ tông."*

Trở lại vấn đề trên, khi tôi nghe một người bạn đạo cho biết là đạo tràng Quang Minh có tổ chức một buổi sinh hoạt ngoài trời sáng đi chiều về. Người bạn còn nói thêm, địa điểm sinh hoạt là ở đầm sen do Thầy Phước Thái tổ chức hướng dẫn. Đối với Thầy Phước Thái, tuy tôi ít tiếp xúc với thầy, tôi chỉ thấy Thầy trong những khi tôi tới chùa khi có lễ lộc, nhưng tôi cũng thường đọc sách của Thầy. Những khi đến chùa Quang Minh, tôi thường thỉnh sách của Thầy về xem. Những quyển kinh sách do Thầy viết, không quyển nào mà tôi không có. Vì là sách ấn tống để cho Phật tử tùy ý thỉnh, nên ai muốn thỉnh bao nhiêu cũng được. Nay nghe nói Thầy tổ chức nên tôi cũng muốn tham gia sinh hoạt cho biết. Vì tôi cũng thường nghe nói là Thầy thường hay giảng pháp ở chùa Quang Minh vào mỗi buổi chiều chủ nhật hằng tuần. Tôi thì ít khi đến chùa nghe giảng, chỉ có thỉnh thoảng nghe đĩa của quý thầy giảng pháp thôi. Sau khi ghi tên, tôi chờ đến ngày để đi.

Một buổi sáng đẹp trời chủ nhật ngày 2/3/2014 tôi đến chùa thật sớm. Đến nơi, tôi thấy có một số quý ông, quý bà trò chuyện xôn xao đứng chờ đợi xe buýt. Tôi cũng hòa mình vào các vị đó để chờ xe đến. Một lát sau, có 2 chiếc xe buýt lớn: một chiếc của chùa và một chiếc thuê, cả hai đều chạy đến đậu ở phía trước văn phòng chùa. Hai ông tài xế đều là người Việt Nam. Thầy Phước Thái kêu gọi mọi người nên sắp hàng để chuẩn bị lên xe. Trong đạo tràng có chia ra từng chúng, nên cô Tâm Hải sắp xếp từng chúng để lên xe. Tôi may mắn được ngồi chung chiếc xe thuê cùng với thầy Phước Thái. Còn bên chiếc xe chùa thì có Thầy Phước Nguyễn do tài xế Thuận lái. Sau khi mọi người lên xe, thì xe bắt đầu chuyển bánh. Vì xe chùa chạy chậm, nên thỉnh thoảng chiếc xe thuê phải dừng lại chờ. Người tài xế của chiếc xe thuê là một người đàn ông trung niên. Tôi không nhớ rõ tên ông. Ông là một tài xế

chuyên nghiệp. Ông ta nói, chiếc xe này có chở thủ tướng Úc.

Thời gian từ chùa đến đầm sen mất khoảng hơn tiếng đồng hồ. Đến nơi mọi người xuống xe và theo sự hướng dẫn của nhân viên quản lý đầm sen. Trong khi đó, Thầy Phước Thái đi tìm một chỗ thích hợp cho sự sinh hoạt, vì số người tham dự rất đông khoảng trên 120 người. Ngoài hai chiếc xe buýt ra, còn đi thêm một chiếc xe van của chùa. Sau khi tìm được chỗ, anh Trí Lạc (sau này tôi mới biết) kêu gọi chúng tôi vào bên trong. Trong khi đó thì tôi thấy Thầy Phước Thái đang đứng chờ chúng tôi. Trông Thầy sức khỏe không được tốt lắm. Nhất là đôi chân của Thầy hơi yếu. Thầy đi không được vững vàng cho lắm. Tôi thấy cái cổ của Thầy hơi nghiêng một bên. Hỏi ra mới biết là Thầy đã mổ xương sống ở phía sau cổ nên mới bị như thế. Thầy chọn chỗ sinh hoạt tuy không gian không được rộng lớn lắm, chỉ vừa đủ số người chúng tôi. Tuy nhiên, phải nói nơi đây rất là yên tĩnh. Thật ra, chung quanh đầm sen không còn chỗ nào trống trải rộng rãi khác. Mặc dù cũng có một vài du khách đến tham quan, nhưng họ lặng lẽ âm thầm ngắm cảnh, không ai làm ồn náo. Quả đây là một phong cảnh rất nên thơ hữu tình ngoạn mục. Có một ngôi nhà lục giác nhỏ nơi mà hai Thầy dùng cơm trưa trong đó. Chung quanh đều có những hồ sen lá xòe bông nở rất tươi đẹp. Tôi mãi miết say mê ngắm nhìn những đóa sen hồng tươi thắm. Tuy không phải sen đầu mùa, nhưng nó vẫn còn tươi nở. Nghe đâu, một tháng trước sen nở rộ đẹp lắm.

Chỗ sinh hoạt thế đất không được bằng phẳng cho lắm. Các ông thiện nam cùng nhau trải tấm bạt lớn để ngồi. Trải xong, Thầy Phước Thái kêu gọi mọi người nên ổn định chỗ ngồi để Thầy thông qua chương trình sinh hoạt. Thầy cho biết, Thầy sẽ trình bày vài nét về ý nghĩa hoa sen và sau đó dùng trưa. Dùng trưa xong, mọi người đi tham quan tự do quay phim nhiếp ảnh, đến 1 giờ 30 chiều, tất cả đều trở lại địa điểm chính để tiếp tục sinh hoạt. Sinh hoạt buổi chiều Thầy sẽ giải đáp thắc mắc những gì mà Phật tử chưa rõ. Sau đó là văn nghệ ca hát một vài bản nhạc đạo. Cuối cùng là phần phát biểu cảm tưởng và hồi hướng ra về.

Thời tiết hôm nay, buổi sáng thì mát mẻ nhưng đến trưa và chiều thì trời có hơi nóng một chút. Tuy nhiên, phải nói là thời tiết ẩm áp rất đẹp. Thầy kêu gọi mọi người trong khi đi dạo cảnh xem hoa, ai có cảm hứng điều gì thì cứ viết ra văn xuôi hay văn vần gì cũng được. Ai có nhã hứng thì cứ tự ý làm thơ hay dở không thành vấn đề. Sau đó, đến giờ sinh hoạt thì Thầy sẽ đọc lên để cho mọi người nghe. Thầy nhấn mạnh, đây cũng là điều trao đổi chia sẻ với nhau trong tinh thần kiến hòa đồng giải. Đó là một trong sáu phép Lục Hòa mà Phật đã dạy. Tôi tuy không biết làm thơ nhưng thể theo lời kêu gọi của Thầy, tôi cũng bập bẹ làm một vài câu thơ để góp phần cho vui. Thầy gợi ý cho mọi người bằng những câu thơ mà Thầy mới vừa sáng tác. Ai cũng biết Thầy Phước Thái ngoài việc viết sách và giảng thuyết ra, Thầy còn có biệt tài làm thơ nữa. Tôi còn nhớ tập thơ đầu tay của Thầy là quyển "Hương Dương Thi Tập". Sau đó Thầy cũng có xuất bản một tác phẩm với danh đề là: "Thơ và Tạp Bút". Bài thơ của Thầy làm hôm nay có tựa đề là Sen Hồng. Thầy nói, mọi chủ đề hôm nay, tất cả đều tập trung nói về hoa sen. Bởi chúng ta đang sinh hoạt ở đầm sen. Trước mặt của chúng ta toàn là sen không. Sen đủ màu, đủ loại, đủ cỡ. Do đó, nên mọi người phải viết về hoa sen. Đó là chủ đề chính của buổi sinh hoạt hôm nay. Xin được ghi ra nguyên văn bài thơ của Thầy như sau:

*Sen hồng ngát tỏa khắp không gian
Chín phẩm liên hoa cõi Lạc bang
Sáu chữ Di Đà luôn nhớ mãi
Một lòng niệm Phật quyết sinh sang.*

*Đầm sen tinh khiết thẳng vươn cao
Đoàn người dạo ngắm dạ xôn xao
Từ cõi bần như khoe sắc thắm
Nhẫn hòa an tịnh đẹp thanh tao.*

*Một ngày sinh hoạt ở đầm sen
Thanh thoát tâm hồn mặc kệ khen
Thiên nhiên cảnh trí người an hưởng
Còn chi phân biệt cảnh sang hèn.*

*Tu học ngoài trời thật thích ghê
Người cảnh cùng vui hết chỗ chê
Sen nở không gian ngàn vẻ đẹp*

Hòa mình vạn vật hết buồn tê!

Đọc xong, mọi người tán thưởng bằng một tràng pháo tay vang dội cả một góc trời. Thầy khuyến mọi người nên bày tỏ cảm nghĩ của mình bằng những vần thơ gì cũng được.

Trong bài thuyết giảng của Thầy nói về ý nghĩa hoa sen tuy dài, nhưng ở đây, tôi chỉ xin nêu ra tóm tắt một vài điểm chính yếu mà Thầy đã trình bày. Trước hết, Thầy nêu ra nguồn gốc xuất xứ của hoa sen. Theo tài liệu dẫn chứng cho biết: "Sen có nguồn gốc ở Châu Á, xuất phát từ Ấn Độ, sau đó lan qua Trung Quốc và vùng đông bắc Úc Châu. Sen được trồng nhiều nơi trên thế giới, đặc biệt là Ấn Độ, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, các nước Đông Nam Á, Nga và một số nước Châu Phi. Sen cũng được trồng ở Châu Âu và Châu Mỹ nhưng với mục đích trang trí hơn là thực phẩm".

Thầy còn cho biết có nhiều loại hoa sen: trắng, đỏ, xanh, hồng tím thắm v.v... Mỗi màu đều mang một ý nghĩa đặc trưng khác nhau. Hoa sen có nhiều công dụng lợi ích thiết thực trong đời sống thường nhật như: cúng Phật, hoa cưới, thực phẩm và bào chế thuốc uống trị bệnh v.v... Ngoài ra, hoa sen còn được ca tụng nêu cao trong triết lý đạo Phật, cũng như trong văn hóa, hội họa, điêu khắc và mỹ thuật. Điển hình trong chùa chổ nào cũng có hình ảnh hoa sen. Phật ngồi trên tòa sen và có nhiều bộ Kinh Đại Thừa cũng lấy hoa sen mà đặt tên Kinh. Như Kinh Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa v.v...

Hoa sen còn được người ta đưa vào trong văn học, thi phú hay những câu ca dao bình dân tiêu biểu như bài:

*Trong đầm gì đẹp bằng sen
Lá xanh bông trắng lại chen nhị vàng
Nhị vàng bông trắng lá xanh
Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn*

Hoa sen còn nhiều đặc tánh tiêu biểu và ý nghĩa thâm sâu khác nữa, ở đây, chúng tôi chỉ nêu ra một vài nét đơn sơ mà Thầy Phước Thái đã trình bày trong buổi thuyết giảng của Thầy. Phải nói, đây là lần đầu tiên, tôi được dự nghe

Thầy thuyết giảng. Thật là danh bất hư truyền. Thời giảng pháp ngoài trời của Thầy, tuy không có đủ phương tiện âm thanh máy móc, Thầy phải cầm cái loa để nói, nhưng gây cho người nghe thật là hấp dẫn linh động thích thú. Thỉnh thoảng mọi người đều tán thưởng bằng những tràng pháo tay nồng nhiệt. Thảo nào mà chị bạn của tôi thường đi đến đạo tràng Quang Minh nghe Thầy giảng pháp. Sau khi nghe Thầy giảng vài lần, chị ta xin gia nhập đạo tràng luôn. Chị còn nói với tôi là Thầy giảng pháp hay lắm.

Sau thời giảng pháp của Thầy là đến giờ dùng cơm trưa. Thức ăn mỗi người tự túc mang theo. Ai nấy đều đem thức ăn ra rồi kiếm chỗ ngồi ăn cho thoải mái. Đã lâu lắm rồi, tôi mới có dịp ăn uống ở ngoài trời như thế này. Nhất là lại ăn chung với mọi người thì thật là vui. Trời lúc này có hơi nóng, nhưng cũng nhờ có những tán cây che mát nên cũng đỡ nóng. Một ấn tượng sâu đậm mà tôi không thể nào quên được, đó là mọi người đều đội trên đầu những chiếc nón lá quê hương để nghe Thầy giảng pháp, nhìn thấy thật là đẹp mắt và dễ thương làm sao!

Dùng trưa xong, mọi người đi dạo chung quanh ngắm cảnh. Tôi thì không thích đi dạo. Tôi đến ngồi trên bờ hồ nhìn ngắm những đóa sen tươi nở khoe hương khoe sắc. Nhìn những đóa sen tinh khiết thơm tho, lòng tôi thật thanh thoi an tịnh. Tôi biết trong tôi cũng có những đóa sen hồng tinh khiết. Đóa sen thanh tịnh sáng suốt nhưng vì tôi không khéo gìn giữ để cho bụi trần phiền não bám vào nên nó mất đi tính chất trong sáng tinh khiết đó thôi. Tôi ngồi trong tư thế tĩnh lặng, không suy tư phân biệt theo trần cảnh, vì cảnh vật và tôi nào có ranh giới ngăn cách. Sen là tôi mà tôi cũng là sen. Sống trong giây phút hiện tại mới thấy mình và cảnh vật chung quanh hòa mình thật là màu nhiệm vô cùng. Bất giác, lúc đó có người đến bên tôi và gọi tôi trở lại chỗ cũ để sinh hoạt tiếp. Thế là tôi trở lại với cảnh giới trần tục phân biệt chấp trước đủ thứ trong đó có tôi và người. Tôi đứng lên trong niềm an lạc và đi theo sau người bạn. Tôi cảm nhận được hình ảnh đức tánh của hoa sen: "*Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn.*" Nh^{ng} r^{ng} tⁱ c^h □

không hôi tanh trong một giây phút thôi. Nếu không nhiệm trước như hoa sen thì cuộc đời này nơi đâu mà không có hạnh phúc? Hạnh phúc ngay trong hiện tại đó là thứ hạnh phúc tuyệt vời. Cần gì phải tìm kiếm hạnh phúc ở đâu xa xôi. Ngồi với mọi người trong chánh niệm thì có hạnh phúc nào bằng.

Sau khi mọi người tập trung đầy đủ, Thầy đọc một vài bài thơ của một vài người đã làm. Có một bài thơ Thầy vừa đọc vừa phân tích giải thích rất hay. Bài thơ đó Thầy không có nêu tên tác giả. Cho nên tôi không biết tác giả là ai. Nội dung bài thơ mang nhiều ý nghĩa đạo lý siêu thoát. Bài thơ rất sinh động hướng thượng trong dòng sống của cuộc đời. Tôi thâm nghĩ, tác giả của bài thơ đó ít nhiều gì cũng có chút ít kinh nghiệm trong sự tu tập. Ý thơ đã hay thêm phân giải thích của Thầy thì lại càng hay hơn. Khác nào hoa đã thơm lại thêm có nhụy lại càng thơm hơn. Mọi người như say sưa lắng nghe Thầy giải thích từng câu thơ. Riêng tôi, tôi thâm thán phục tác giả của bài thơ đó. Tôi lại nghĩ thêm, thật không hổ danh là những người theo Thầy học đạo từ bấy lâu nay. Quả đúng với câu: "*Con nhà tông không giống lông cũng giống cánh.*"

Sau đó, có một vài người nêu ra những thắc mắc để Thầy giải đáp. Những câu hỏi và những giải đáp mang lại cho người nghe nhiều lợi ích trong việc học hỏi. Một buổi sinh hoạt thật sinh động và thật hào hứng. Sau đó, vì trời nắng nóng nên Thầy phải đi tìm chỗ khác có bóng mát để sinh hoạt tiếp. Đến nơi, có nhiều cây cao bóng mát mọi người quy tụ ngồi quây quần bên nhau để bắt đầu sinh hoạt ca hát thật vui. Có người phát biểu nói lên một vài cảm tưởng của mình trong chuyến đi này. Tôi nhìn thấy ai nấy cũng hiện rõ trên gương mặt một niềm vui thật hoan hỷ chứa chan đầy thâm tình đạo vị. Tuy đây là lần đầu tiên tham dự, nhưng tôi cảm thấy rất là thích thú. Tôi nói với một chị bạn, khi nào Thầy có tổ chức sinh hoạt như thế này nữa thì chị làm ơn cho tôi hay.

Nắng chiều dần tắt. Những tia nắng vàng nhạt như còn lưu luyến phơi mình trên những chiếc lá sen xanh thật yếu ớt. Những giọt nắng chiều như còn lưu luyến với chúng tôi chưa

muốn chìm sâu vào trong bóng tối. Buổi họp nào rồi cũng phải tan. Có loài hoa nào nở ra mà lại không tàn. Chúng tôi mọi người chuẩn bị thu xếp đồ đạc ra xe để về chùa. Trước khi ra xe, Thầy bảo mọi người nên thu dọn sạch sẽ ở nơi đây. Chúng tôi ra về trong niềm vui khó tả. Tôi vẫn còn lưu luyến mùi sen thơm của những tâm hồn tràn đầy cao thượng như những đóa sen mùa hạ nở. Quả mỗi người là một đóa sen và kết hợp thành một tòa sen tinh khiết cao đẹp. Tôi cầu mong những đóa sen hồng tinh khiết tươi thắm mãi mãi an trú trong lòng mỗi người, dù ở bất cứ môi trường sống nào hoa vẫn nở tươi mát trên đường mòn sanh tử.



Nội ngòi

Đời người một thoáng

qua

Mới trẻ đã thấy già

Như cây cần khô rế

Phút chốc phải lìa xa

Đời người phí phạm qua

Nếu không biết quay về

Nương tựa vào hơi thở

Chánh niệm ở trong ta

Đời người sống bôn ba

Từ trẻ cho đến già

Không phút giây an tĩnh

Khác gì một bóng ma

Đời người khó kiếm ra

Ý thức khổ đời ta

Phút giây hằng trân quý

Tu hành thoát lụy sa

Hơi thở nào cho ta

Một cuộc sống an bình

Hơi thở của chánh niệm

Không còn đắm lụy sa

T. Đức

Trang 9



NHÂN NGÀY PHẬT ĐẢN, HÃY THỰC HÀNH BỒ TÁT

Đông Minh

Đức Phật dạy chúng ta một phương thức thực hành Bồ tát đạo trong đời sống hằng ngày về các mặt như: luân lý, đạo đức, tự chế, vị tha và cố gắng theo đuổi hoàn thiện mọi việc.

Như vậy, nếu chúng ta tin tưởng thực hành sẽ được trí tuệ và đạt đến chỗ giác ngộ giải thoát. Chúng ta đang sống trong thế giới tân tiến hiện nay có nhiều căng thẳng, phức tạp, chia rẽ, nhiều khê, nhưng nếu biết áp dụng lời Phật dạy có thể cải thiện được đời sống và làm cho chúng ta tràn đầy sức sống, hiểu rõ sự sống chết, đồng thời khiến cho thế giới tiến bộ và hoàn mỹ hơn. Đức Phật đã dạy: “Tất cả mọi người đều có Phật tánh và mỗi người đều có thể thành Phật” nếu biết cố gắng tu hành.

Theo Phật giáo Đại thừa, chỉ có Bồ Tát mới đủ năng lực chứng thành Phật, nhưng một khi thành Phật rồi các Ngài không vào Niết Bàn mà muốn trở lại cõi này để hóa độ chúng sanh. Vậy Bồ tát là gì? Theo định nghĩa thì Bồ tát là bậc giác hữu tình, tức là tự mình đã giác ngộ rồi đem sự giác ngộ đó giáo hóa chúng sanh, khiến họ cũng được giác ngộ giải thoát như mình. Bồ Tát là người có đầy lòng từ bi, trí tuệ và nhiều thiện xảo, luôn luôn cứu giúp chúng sanh không tiếc thân mạng. Bồ tát không nhất thiết phải là tăng, ni, mà có thể là nam nữ cư sĩ qua nhiều hình thức như: thủy thủ, bác sĩ, nhà khoa học, tướng lãnh, thủ tướng, nông dân v..v.. đang làm việc hằng ngày trong xã hội. Trong kinh Hoa Nghiêm có một đệ tử hỏi Phật: “Bạch Thế Tôn! Có thể tìm thấy Bồ tát đạo ở đâu?” Đức Phật liền trả lời: “Ông có thể tìm thấy trong Ngũ Minh. Ngũ Minh có nghĩa là học vấn, mỗi loại bao gồm kiến thức các ngành nghề.” Ngũ Minh gồm có năm thứ:

Công Xảo Minh, Y Phương Minh, Thinh Minh, Nhân Minh và Nội Minh.

Trước hết, ở phạm vi bài này ta thử tìm hiểu về Công Xảo Minh. Công Xảo Minh là môn học về kỹ thuật, gồm các ngành nghề như: nông nghiệp, kỹ nghệ, toán, thiên văn, địa lý, kiến trúc, hàng không, nguyên tử v..v..

Vì sao Đức Phật lại chú trọng đến kỹ thuật? Lúc Phật còn tại thế, Ngài rất chú trọng kỹ thuật và xem nó như nhu cầu thiết yếu sinh hoạt trong đời sống hằng ngày. Ngài luôn luôn khuyến khích hàng Bồ tát học hỏi kỹ thuật và áp dụng nó trong việc giáo hóa chúng sanh bởi những lý do sau đây:

1. Phật muốn các đệ tử phải hiểu rõ đời sống thực tế khi làm việc và biết áp dụng luật tự nhiên vào việc sản xuất thực phẩm, vải và phương tiện giao thông.
2. Phật muốn các đệ tử phải tiếp xúc với xã hội.
3. Phật muốn các đệ tử phải phục vụ xã hội, làm lợi ích nhơn sanh, thể hiện lòng từ bi và phát huy trí tuệ.

Nhưng vì sao Phật dạy phải ứng dụng luật tự nhiên?

Trong kinh Hoa Nghiêm, Thầy Tỳ Kheo Thiện Kiến ở nước Tam Nhân khuyên Thiện Tài nên đến tham vấn ngài chủ Tự Tại. Khi Thiện Tài đến gặp ông trên một hòn đảo đẹp, lúc ấy, ông đang dạy đám thiếu niên dùng đất sét trộn với cát để xây một cái tháp đẹp đẽ. Ông trông rất trẻ đầy nghị lực và qua đôi bàn tay khéo léo làm tăng thêm sức sống của ông. Bấy giờ Thiện Tài đến đánh lễ và thưa với ông: “Đệ tử đã phát Bồ đề tâm và nghe lời khuyên đến đây xin Ngài khai ngộ cho”. Ngài chủ Tự Tại nói ngay: “Tôi đã biết trước chú đến tham vấn và còn biết rõ thầy của chú là Bồ tát Văn Thù đã dạy cho chú hai môn toán và kỹ thuật, chú cũng học được môn biện luận Diệu Vân Tập của đạo sư Ấn Thuận. Rồi Ngài chủ Tự Tại nói tiếp: “Tôi được giác ngộ và có thần thông là nhờ tu tập pháp môn kỹ thuật”. Thiện Tài kinh ngạc liền hỏi: “Kỹ thuật chỉ là ứng dụng khoa học và nghệ thuật, làm thế nào mà ngài bảo nhờ đó mà được giác ngộ và có thần thông?” Chủ Tự Tại cười đáp: “Bồ chú tưởng thần

thông là phép mầu hoặc ma thuật sao? Đó là những gì tuyệt diệu ứng dụng luật tự nhiên để sáng tạo, sinh sản, biến chế nhu yếu phẩm, làm lợi ích dân chúng, hưởng thụ khoái lạc trong đời sống hạnh phúc hằng ngày. Hơn nữa, nguồn tài nguyên thiên nhiên thì bao la và bản lãnh con người xử dụng thì vô cùng, như thế không gọi là thần thông thì gọi là gì? Như vậy, rõ ràng ngài chủ Tự Tại là một vị Bồ tát hành nghề kiến trúc sư dạy đám thợ dùng kỹ thuật trộn cát với đất sét để xây một cái tháp hoặc cao ốc.

Vậy, thần thông không gì hơn là ứng dụng khôn ngoan những luật tự nhiên để sản xuất những vật hữu dụng, làm lợi ích dân chúng hoặc hoàn thành những dự án đặc biệt phát triển làm hãnh diện cho quốc gia. Sự phát minh đèn điện, điện thoại, máy điện toán, những dụng cụ máy móc bay thám hiểm mặt trăng mang lại lợi ích con người cho thấy đều do kỹ thuật mà ra cả. Những thành công sau này cho thấy khả năng con người tổ chức kết hợp giữa khoa học kỹ thuật và tài quản lý các nhu cầu cần thiết cho mọi thời đại. Những phát minh thành công nói trên theo Phật giáo gọi là bố thí vô úy, người phát minh không vì lợi riêng, nên được xem như vị Bồ tát phát Bồ đề tâm nguyện làm lợi ích chúng sanh. Trường hợp ông Thomas Edison phát minh ra đèn điện, chỉ có 1% là do cảm hứng, còn 99% đều nhờ vào sức làm việc cực nhọc mới có. Vậy ai có thể phủ nhận ông ấy không có thần thông? Xa hơn nữa, kỹ thuật còn là phúc lợi xã hội.

Như chúng ta đã biết, vào thế kỷ 18, ông James Watt đã phát minh ra máy chạy hơi nước, nhờ đó mà con người giảm bớt sức lao động cực khổ. Nhờ sự phát minh này mà về sau nhân loại tạo được một nền văn minh mới và tiến tới thời đại cơ khí, do đó mà con người không còn mất nhiều sức lao động như trước. Con người biết lợi dụng máy móc để phát triển kỹ nghệ dệt vải khiến ngành may mặc gia tăng và xây dựng xưởng làm bột để sản xuất thực phẩm. Ông Henry Ford dùng động cơ nổ chế tạo ra xe hơi. Hiện nay, chúng ta có loại xe lớn chạy bằng xăng, dầu hoặc bằng điện chuyên chở rất tiện lợi.

Ngoài ra, con người còn phát minh ra công trình hóa học dung chế tạo xăng dầu, khí đốt, xi măng, các loại phân bón trồng trọt. Chúng ta còn nhiều thời gian phát triển máy móc tối tân, xây dựng cầu đường, xa lộ, cao ốc, cũng như các hải cảng, đường hỏa xa và phi trường. Ngoài ra, các kỹ sư cơ khí còn chế tạo máy bay, tàu thủy và các vệ tinh, phi thuyền, thám hiểm mặt trăng, sao Hỏa. Đức Phật đã khuyên các đệ tử cần phải học hỏi những kỹ thuật này bởi vì chúng là những nhu cầu cần thiết cho nhân loại.

Trong kinh Pháp Hoa, đức Phật đã thọ ký cho các đệ tử trong tương lai mỗi vị sẽ thành Phật ở một thế giới khác nhau, đất toàn bằng vàng, dân chúng sống lâu sung sướng, khi đi có hoa đỡ chân, không có ba đường ác v.v..

Như thế cho thấy lý tưởng của Phật là một thế giới giàu mạnh.

Chúng ta biết rằng lúc Phật còn tại thế, con người sống trong thế giới rất nghèo khó, không đủ lương thực và mọi nhu cầu rất thiếu thốn, khiến con người khổ sở vô cùng. Đức Phật biết rõ một khi cùng túng và mọi của cải không còn, con người đói rét và gặp nhiều chướng ngại khiến mất hết trí tuệ, cho nên con người cần phải có một cuộc sống đầy đủ, thoải mái trong một thế giới giàu mạnh. Theo như trong kinh Hoa nghiêm, ngài chủ Tự Tại giới thiệu Thiện Tài đến tham vấn bà Cụ túc Ưu Bà Di ở nước Trụ tại biển lớn, bà là một nữ Bồ tát duyên dáng, có nhiều thanh nữ đẹp theo bà học tập và rất vâng lời. Khi Thiện Tài đến, thấy bà đang ngồi chỗ cao đẹp, trước mặt bà là một cái bát lớn trống không, trong hội trường có vô số chỗ ngồi và mỗi chỗ ngồi đều có để một cái bát nhỏ. Thiện Tài đánh lễ bà và xin bà chỉ cho con đường giác ngộ. Bà liền nói: “Tôi chỉ tu được pháp môn Tự Tại Phước Đức Vô Tận Tạng” đang dạy cho đám nữ sinh thôi. Rồi bà bảo Thiện Tài: “Đợi một chút! Liên lúc đó có vô số dân chúng ở khắp nơi đi vào hội trường bằng nhiều cửa mở khác nhau, rồi ngồi vào chỗ yên lặng. Bây giờ trong bát lớn hiện ra đầy thức ăn và mọi người tự chọn lấy thức ăn kể cả món tráng miệng. Mỗi người ăn no xong rồi cảm tạ bà ra về. Thiện Tài tự nhiên cũng có phần được hưởng. Bây giờ bà cụ túc Ưu Bà Di

nói với Thiện Tài: “Đây là do công đức tu hành của tôi mà có được. Rồi bà giải thích thêm: “Cái bát trống không, nhưng chứa đựng công đức vô cùng tận. Từ cái không có thể nhận tất cả và chứa hết tất cả. Nó có thể cung cấp thức ăn cho muôn ngàn chúng sanh không bao giờ dứt”.

Qua câu chuyện trên, ta thấy nữ Bồ tát này đang hành nghề sản xuất “đồ gốm”, dùng đất sét và cát làm ra bát đĩa, chén, nồi niêu và các vật dụng bằng đất khác, bà đem bán cho mọi người xài rồi lấy tiền mua thức ăn cấp phát cho dân nghèo. Ta có thể xem chỗ bà là nơi ăn miễn phí, do bà bố thí cho kẻ bần cùng. Cái bát trống không thật sự bà muốn chỉ cho đất và chỉ có đất mới cung cấp thức ăn cho mọi loài không bao giờ dứt. Nếu ông chủ Tự Tại dùng kỹ thuật trộn cát và đất sét để xây cao ốc thì bà Ưu bà di này dùng kỹ thuật lấy đất sét và cát làm ra chén bát để phục vụ con người vậy.

Những câu chuyện như trên trong kinh Hoa Nghiêm vẫn còn nhiều, nhưng mục đích muốn nói lên lý tưởng cao siêu của đức Phật về một thế giới giàu mạnh mà trong đó con người có sức khỏe, đủ dinh dưỡng, có nhà ở, vệ sinh tốt, có đủ quần áo ấm, giao thông tiện lợi, người người vui vẻ làm việc. Một khi cuộc sống con người đầy đủ, họ cũng bớt đi tham, sân, si, nên rất hạnh phúc hòa bình và mọi người giúp đỡ lẫn nhau trong tinh thần lá lành đùm lá rách. Hiện nay, Liên Hiệp Quốc nhận ra được hai vấn đề lớn trên thế giới là lương thực và năng lượng. Trong khi vấn đề năng lượng chưa giải quyết xong thì ông tổng thư ký Liên Hiệp Quốc lại đề ra dự án bảo tồn lúa gạo quốc tế. Tổ chức lương nông được bảo trợ tại hội nghị lương thực thế giới vào năm 1974, điều này khiến các chánh phủ quan tâm theo dõi. Ý tưởng bảo tồn lúa gạo quốc tế sẽ giúp các nước nhập cảng nguồn lúa gạo được liên tục và giá cả phải chăng. Hơn nữa, Liên Hiệp Quốc, tổ chức FAO, ngân hàng thế giới bảo trợ việc mở rộng nghiên cứu nông nghiệp quốc tế và phát triển chương trình theo hai điều cần thiết có giá trị và đáng chú ý như sau:

1. Tăng gia sản xuất lương thực bằng biện pháp mạnh canh tác, mở rộng diện tích trồng trọt, xử dụng phân bón thích hợp từng vụ mùa.

2. Thiết lập cơ quan phát minh thí nghiệm vụ mùa trên khu vực rộng lớn để thẩm định nhanh chóng vụ mùa toàn cầu.

Thực ra vấn đề này đức Phật đã chú trọng rất nhiều và nói rõ trong kinh Hoa Nghiêm cách đây hơn 2500 năm. Theo kinh Hoa Nghiêm thì Bồ tát Văn Thù khuyên Thiện Tài muốn thực hành trọn vẹn Bồ tát đạo cần phải đi tham bái 53 vị thiện tri thức tức 53 vị Bồ tát đang thực hành hạnh nguyện độ sanh theo từng mỗi vị. Có vị hiện thân làm tỳ kheo, tỳ kheo ni, nam nữ cư sĩ, vua, trưởng giả, thầy thuốc, đồng nam, đồng nữ cho đến ngoại đạo tiên nhân, Bà la môn, thợ thuyền, kể cả ông vua tàn ác Vô Yểm Túc và bà ở lầu xanh Tu Mật Đa, lúc nào cũng thể hiện lòng từ bi cứu giúp mọi người. Theo Phật giáo thì con người quan trọng hơn cả, chỉ có con người mới làm được việc thiện. Do đó, đức Phật chú trọng đến một thế giới giàu mạnh là điều hiện thực chứ không phải chỉ là một giấc mơ trống rỗng. Theo như Phật giáo Tiểu thừa thì đi tu là bỏ hết tất cả việc đời vào chùa nhận của cúng dường giúp đỡ của bá tánh, nhưng đối với người tu theo Đại thừa Phật giáo thì phải đi vào đời tiếp xúc với xã hội, dùng phương tiện cứu giúp chúng sanh, chứ không phải ngồi yên chờ mọi người đến giúp đỡ cúng dường cho mình. Như Tổ Huệ Hăng vừa lo tu hành vừa giã gạo để nuôi tăng chúng. Như ngài Thái Hư Đại sư vừa lo tu vừa làm tạp dịch trong tiệm thực phẩm. Ở nước ta có thiền sư Nguyễn Minh Không dạy dân chúng biết các nghề để làm việc sinh sống và dân chúng nhớ ơn lập chùa thờ Ngài gọi là chùa Thầy. Hoặc như thiền sư Vạn hạnh vẫn lo tu hành và mỗi ngày vào triều giúp vua Lý Thái Tổ trị nước, mở mang bờ cõi khiến dân chúng ấm no. Vậy thì tụng kinh, niệm Phật chỉ giảm bớt phiền não, còn tăng gia sinh hoạt giúp ích đời mới có ý nghĩa. Bồ tát học Công xảo minh có thể chuyển tự nhiên thành lợi ích cho nhân loại.

Để kết luận xin mượn lời của Tổ Bách Trượng dạy đệ tử như sau: “Nhứt nhật bất tác, nhứt nhật bất thực” nghĩa là “Một ngày không làm việc thì một ngày không ăn”./.



Đức Phật khi còn ở Việt Nam. Sư cô Phước Chơn

Thay kính tồông nieam

Đai lão Hòa Thượng Thích Trí Tịnh



Như thường lệ Chủ Nhật ngày 30/03/2014, chúng tôi, đạo tràng Quang Minh vân tập trước chánh điện chùa Quang Minh để cùng nhau trì tụng Kinh Pháp Hoa. Tôi cũng không biết là mình có phải nằm trong Pháp Hoa Tông hay không? Nhưng thầy trụ trì luôn tụng kinh này vào mỗi sáng Chủ Nhật và mỗi buổi công phu chiều trừ ngày Sám hối. Khoảng hơn mười năm trước chúng tôi cũng có lạy kinh Pháp Hoa vào mỗi sáng Chủ Nhật nữa. Hôm nay thì rõ ràng là ai cũng nghe thầy Phước Tấn trong phần câu siêu đã xưng: “Ngưỡng mong Giác Linh Đại Lão Hòa Thượng Thượng Trí Hạ Tịnh sớm cao đăng Phật Quốc.” Hòa thượng là người dịch bản kinh Pháp Hoa mà chúng tôi hằng tụng đã viên tịch. Thật bàng hoàng trước tin này, sau đó thầy Phước Thái triệu tập đại chúng đến giảng đường vào lúc 1:30pm. Thầy cho biết vị Ân sư của mình đã an nhiên xả báo thân, thu thần thị tịch trong tiếng chuông Bát nhã liên hồi và tiếng niệm Phật không dứt của chư tôn đức lãnh đạo Tăng Ni GHPGVN và Phật tử là môn đồ đã ngưỡng mộ và thọ ân của ngài.

Sau đó thầy có đôi lời tưởng nhớ đến vị Ân sư của mình. Ai cũng thấy rằng trong các bản dịch kinh Pháp Hoa thì bản dịch của Hòa Thượng có sự giao cảm giữa người đọc tụng và lời kinh, chính nó thể hiện được cái ... “Cảm ứng đạo giáo nan tư nghi...” là vậy.

Chúng tôi, những Phật tử không nhiều thì ít cũng có một vài kỷ niệm với Ngài. Diệu Viên từng nằm trong đạo tràng tu học tại chùa Vạn

mỗi lần về Việt Nam đều đến viếng thăm ngài. Riêng cá nhân tôi đã có vài lần đến chùa Vạn Đức để thăm viếng Ngài, cứ mỗi lần nhờ người lái xe ôm chở từ ngã Tư Thủ Đức đến chùa là mỗi anh xe ôm có những huyền thoại khác nhau về Ngài. Có điều là khi đến thăm Ngài thì tôi có cảm nhận được cái gần gũi và thân thiện mà cả chùa Vạn Đức đối với khách thập phương đến viếng thăm Ngài. Càng gần gũi hơn nữa là đến tận mặt lạy lễ rồi ngồi nhìn ngài để cảm nhận được cái mát mẻ và dịu hiền toát ra từ vị thầy đạo cao đức cả uyên thâm cả Hán học và tiếng nôm lẫn tiếng Pháp.

Vậy là Chủ Nhật ngày 06/04/14 Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Úc Đại Lợi và Tân Tây Lan đã thống nhất tổ chức buổi lễ truy điệu Đại Lão Hòa Thượng Thích Trí Tịnh tại chùa Quang Minh.

Mở đầu là phần giới thiệu của thầy Phước Tấn với sự bày tỏ nỗi thương tiếc và sự mất mát lớn lao của toàn thể Phật tử từ Việt Nam đến cùng khắp mọi nơi trên thế giới, nơi nào có dấu chân của người Việt là nơi đó cùng tấm lòng hướng về Đại Lão Hòa Thượng. Người là tấm gương tốt cho hậu thế soi chung, trong cung cách an nhiên tự tại khi xử sự mọi việc trong đạo và đời. Ngài đã giữ một vai trò then chốt và rất quan trọng trong việc xiển dương Tịnh độ tông tại Việt Nam. Ngoài công đức dịch kinh sách Đại Thừa, Hòa thượng còn thể hiện được sự tri hành hợp nhất của mình trong việc xử thế và hành đạo. Đó chính là điều mà Ngài đã tạo được tín tâm cho hàng Phật tử xuất gia và tại gia.

Cuối cùng thầy kết luận bằng bốn câu thơ, mà tôi cho là thể hiện được tâm lòng ngưỡng mộ và thương tiếc của tăng chúng và toàn thể Phật tử hiện diện ngày hôm nay:

*Sáu chín năm một màu áo cà sa
Tròn hạnh nguyện sáng ngời ngôi phạm vũ
Người thị tịch an nhiên như giấc ngủ
Cõi Niết Bàn giờ nở một tòa sen.*

Tiếp đó là Thượng Tọa Thích Thiện Tâm đã tuyên đọc tiểu sử của Hòa Thượng; phần tóm lược này cho ta thấy rõ được những việc làm cho đạo pháp và vì chúng sanh của Hòa Thượng khó ai sánh kịp. Từ việc dịch kinh điển Đại thừa, đến việc giáo hóa tăng chúng, xây dựng đạo tràng thiết lập chùa chiền và các trung tâm Phật học chúng tỏ Hòa Thượng là bậc chân tu đã chứng đạo và đã làm tròn sứ mạng hoằng pháp lợi sinh của người sứ giả Như Lai.

Cuối cùng là Thầy Phước Hựu cũng kể một vài kỷ niệm với Ngài trong những năm còn tu học tại chùa Ấn Quang.

Buổi chiều, thầy Phước Hoan cùng chúng tôi tụng phẩm Phổ Môn trong Bộ Kinh Pháp Hoa để cảm niệm công đức của Đại Lão Hòa Thượng Thích Trí Tịnh .

Thầy Phước Hoan còn cho biết rằng Đức Đạt Lai Lạt ma đã gửi văn thư chia buồn cùng tăng đoàn Việt Nam cùng các Phật tử và bày tỏ lòng tiếc thương của Ngài đối với sự ra đi của bậc Đạo Sư có nhiều công hiến cho Phật giáo Việt Nam. Cùng trong lúc đó điện văn chia buồn của Công Chúa Vương Quốc Thái cũng đã phân ưu với Ban Tổ Chức Tang Lễ. Lãnh Sự Ấn Độ tại Saigon đã đến phân ưu và thăm viếng giác linh Ngài.

Ngài sống một cuộc đời với đầy đủ phạm hạnh của một bậc chân tu. Trước cổng chùa Vạn Đức có một bia đá ghi mười chữ sau đây: “Thương người ; Thương vật; Ăn chay; Niệm Phật; Tụng kinh” Đó là nội dung lời dạy của Ngài. Nó rất giản dị nhưng bao gồm triết lý đạo Phật và đi đúng tôn chỉ của Tịnh độ tông. Nếu ta thực hành đúng những điều này thì ta

không đi ngoài bước đường của chư Phật chư Tổ vậy.

Trước khi ra về, tôi nhớ lời dạy của thầy Phước Thái nên đề nghị với một số bạn đạo là trong vòng 49 ngày để tưởng niệm công đức của Hòa Thượng, chúng tôi mỗi người sẽ làm một việc gì lợi lạc cho mọi người chung quanh, rồi thành tâm cúng dường giác linh Hòa Thượng: đề gọi là chút lòng hoài vọng tưởng nhớ và tri ân vị Ân sư của quý thầy. Tri ân Hòa Thượng là người đã khai sáng phần nào trí óc ngu muội của chúng tôi bằng những bản kinh Việt ngữ rõ ràng và dễ hiểu như bản Kinh Diệu Pháp Liên Hoa này.

Keä nieäm Phaät

*Một câu A Di Đà
Không gấp cũng không hưỡn
Tâm tiếng hiệp khẩn nhau
Thường niệm cho rành rõ.*

*Nhiếp tâm là Định học
Nhận rõ chính Huệ học
Chánh niệm trừ vọng hoặc
Giới thể đồng thời đủ.*

*Niệm lực được tương tục
Đúng nghĩa chấp trì danh
Nhất tâm Phật hiện tiền
Tam muội Sự thành tựu*

*Đương niệm tức vô niệm
Niệm tánh vốn tự không
Tâm làm Phật là Phật
Chứng Lý Pháp thân hiện.*

*Nam mô A Di Đà
Nam mô A Di Đà
Cố gắng hết sức mình
Cầu đài sen thượng phẩm*

Hòa Thượng Thích Trí Tịnh
biên soạn

Quaùn Kinh Tôù Thiéáp Sôù

Tập ký: Đường, Sa Môn Thiện Đạo

Soạn dịch: Liên Hương Tịnh Lạc



(tiếp theo)

NGHE KINH ĐƯỢC LỢI ÍCH.

Kinh văn: Khi đức Thế Tôn nói lời ấy rồi Vi Đề Hi phu nhon cùng năm trăm thị nữ liền thấy tướng rộng dài của thế giới Cực lạc, sắc thân của Phật A Di Đà và hai vị Bồ tát. Tất cả đều sanh lòng vui mừng, khen là việc chưa từng có. Phu nhon hoá nhiên đại ngộ, chứng vô sanh pháp nhẫn. Năm trăm thị nữ phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác đều nguyện sanh về Cực lạc.

Đức Thế Tôn thọ ký cho tất cả đều được vãng sanh và sau khi sanh về tịnh độ đều chứng “chư Phật hiện tiền tam muội”. Vô lượng chư Thiên phát tâm vô thượng Bồ đề.

Giảng yếu: Trong đoạn này gồm 6 ý chính:

- Nói về người nghe pháp gồm có Bà Vi Đề Hy và năm trăm thị nữ.
- Phu nhon và thị nữ nhìn trên đài ánh sáng mà thấy tướng cõi Cực lạc.
- Phu nhon thấy thân Phật và 2 vị Bồ tát đây là lần thứ hai, lần đầu trong pháp quán thứ bảy, đã thấy Phật Vô Lượng Thọ và chứng được vô sanh.
- Các thị nữ thấy được thắng tướng này nên phát tâm vô thượng cầu sanh Tịnh độ.
- Thị nữ được đức Thế Tôn thọ ký được sanh về cõi Cực lạc, liền được “Chư Phật hiện tiền tam muội”.
- Chư Thiên phát tâm Bồ đề.

Chư Thiên này là các vị Thích Phạm Hộ Thế, trong duyên yếm khổ có nói, các vị ấy theo Phật đến vương cung, ở trên không trung nghe pháp, hoặc thấy đài ánh sáng của Phật

Thích Ca chuyển biến, hoặc thấy thân vàng của Phật A Di Đà, hoặc nghe chín phẩm vãng sanh khác lạ, hoặc nghe nhiếp hết hai môn định thiện và tán thiện, hoặc nghe hai hạnh thiện ác đều về, hoặc nghe tịnh độ ở phương Tây trước mắt không xa, hoặc nghe một đời chuyên chú quyết chí, chắc thoát khỏi sinh tử luân hồi. Chư Thiên đã nghe đức Như Lai nói những lời lợi ích khó gặp ít có, nên tất cả đều phát tâm vô thượng. Bởi vì Phật là bậc cao tột trong các hàng Thánh, lời nói là khuôn vàng thước ngọc, những kẻ phàm phu một khi được nghe, dẹp hết các nghi có muôn ngàn lợi ích.

VI. PHẦN LƯU THÔNG

Phần lưu thông này được chia làm hai:

- 1- Lưu thông ở vương cung.
- 2- Lưu thông ở núi Kỳ Xà Quật.

1- Lưu thông ở vương cung

Kinh văn: Khi ấy, Tôn giả A Nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy lễ Phật và bạch rằng: Bạch đức Thế Tôn, kinh này tên gọi là chi? Chúng con phải thọ trì pháp yếu kinh này như thế nào? Đức Phật bảo: Kinh này tên gọi là Quán Cực lạc Quốc Độ Vô Lượng Thọ Phật, Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát” cũng gọi: Tịnh trừ nghiệp chướng sanh chư Phật hiện” Ông nên như thế mà thọ trì, chớ để quên mất.

Người tu môn Tam muội này, hiện đời sẽ được thấy Phật Vô Lượng Thọ và hai vị Đại sĩ. Nếu thiện nam, thiện nữ nào, chỉ nghe danh hiệu của đức Phật và hai vị Đại sĩ kia còn trừ được tội trọng vô lượng kiếp sanh tử, hướng chi là tưởng niệm.

Như có người nào niệm Phật, nên biết kẻ ấy chính là hoa Phân Đà lợi trong loài người. Bồ tát Quán Thế Âm và Đại Thế Chí sẽ là thắng hữu của người ấy. Kẻ ấy sẽ ngồi nơi đạo tràng, sanh vào nhà chư Phật.

Này A Nan, Ông nên ghi nhớ lời này, thọ trì lời này chính là thọ trì danh hiệu Phật Vô Lượng Thọ.

Khi Phật nói lời ấy xong, hai Tôn giả Mục Kiền Liên, A Nan và Vi Đề Hy phu nhơn cùng quyên thuộc thấy đều hoan hỉ.

Giảng yếu: T□ Khi ấy đ³ n huớng chi là tướng niệm là ch□ nguyên do A Nan th□nh Phật và Phật trả lời, nêu y báo và chánh báo để lập tên kinh. Người nào y theo kinh này mà khởi hành, thì ba chướng dù nhiều như mây, cũng bị tiêu tan hết. Đoạn kệ là so lường để hiển bày chỗ thù thắng, khuyên người vâng làm, có 4 ý chánh:

- Trước nói về Định Thiện để thành lập tên của Tam muội.
- Y theo quán pháp tu hành sẽ được lợi ích là thấy được thân Phật và hai vị Bồ tát.
- Nói về những căn cơ có thể thật hành giáo pháp này.
- So sánh để hiển bày chỗ thù thắng, chỉ nghe hiệu của Ba Thân còn diệt được nhiều kiếp tội lỗi, hà huớng chánh niệm quy y mà không được chứng quả.

Từ *Nhø có người niệm Phật* đến *sanh vào nhà chư Phật* là h³ n bày công năng siêu tuyệt của niệm Phật tam muội, thật chẳng phải là hạng tạp thiện có thể so sánh được, gồm có 5 ý:

- Nói về chuyên niệm danh hiệu Phật A Di Đà.
- Chỉ chỗ khen ngợi của người năng niệm.
- Nếu có thể niệm Phật tương tục, người ấy thật là ít có, không có vật ở phương này có thể so sánh, nên dẫn Phân Đà Lợi làm thí dụ. Nói Phân Đà Lợi là chỉ loài hoa rất đẹp, loài hoa rất ít có, cũng gọi là hoa bực thượng thượng, cũng gọi là hoa tuyệt diệu tốt đẹp. Hoa này tương truyền là một loài hoa đẹp nhất trong các loài hoa. Người niệm Phật được là người đẹp trong loài người, người đẹp tuyệt diệu, người bực thượng thượng, người hy hữu, người

tối thắng trong loài người.

- Người chuyên niệm Phật A Di Đà thì Bồ tát Quán Thế Âm, Bồ tát Đại Thế Chí thường theo ủng hộ cũng như bạn thân thiện tri thức.
- Đời nay đã được ích lợi này, bỏ thân liền được vào nhà chư Phật, chính là Tịnh độ. Đến cõi ấy luôn luôn được nghe pháp, nhiều việc cúng dường, nhơn viên quả đủ, thì tòa ở đạo tràng sẽ dành sẵn.

Từ *Ph' t b^ho A Nan* đến hết là lời dặn dò thọ trì danh hiệu Vô Lượng Thọ để lưu truyền đời sau. Từ trước đến đây tuy nói lợi ích về định thiện và tán thiện. Nhưng bản nguyện của Phật là dạy chúng sanh nhứt hướng chuyên niệm danh hiệu Phật A Di Đà. Lời ân cần khuyên của Ngài là nên truyền hết những điều đã nghe, đã thấy, đã gặp cho tất cả chúng sanh.

2- Lưu thông ở núi Kỳ Xà Quật

Kinh văn: *Bấy giờ Đức Thế Tôn bay lên hư không, trở lại núi Kỳ Xà Quật. Khi về đến nơi, Tôn giả A Nan lại vì chúng trùng tuyên việc ấy. Vô lượng chư Thiên, long, dạ xoa nghe lời của Phật nói đều rất vui mừng, đánh lễ đức Thế Tôn, rồi cùng lui bước trở về.*

Giảng yếu: T□ng nghe, ch³ n tông r³ khó gặp, cốt yếu Tịnh độ khó nghe, muốn cho năm loài đều được vãng sanh, cần phải đời sau được nghe thấy. Vì thế, thần lực của Như Lai thâm diệu chuyển biến vô cùng, dạy bảo tùy cơ nên đến Vương cung dạy bảo. Thánh chúng ở Kỳ Xà không biết, người tiểu trí hoài nghi, nên Phật trở về hết lời phó chúc. Lúc ấy, A Nan nói pháp môn kỳ diệu, Phật dạy ở Vương cung, hai môn Định, Tán rõ ràng, toàn chúng nhơn đây được nghe, tất cả đều vâng làm triệt để.

LỜI BẠT

Kính bạch tất cả hữu duyên thiện tri thức! Tôi là kẻ phàm phu trong sanh tử, trí huệ thấp hèn, Phật pháp lại cao sâu, không dám sanh lòng giảng giải. Vì thế, chúng tôi hết lòng phát nguyện, thỉnh cầu được linh nghiệm mới được yên lòng, cúi xin gia hộ, chí tâm phát nguyện:

- ♦ Nam mô Quy mạng tận hư không biến pháp giới nhưt thiết Tam bảo.
- ♦ Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật
- ♦ Nam mô A Di Đà Phật
- ♦ Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát
- ♦ Nam mô Đại Thế Chí Bồ Tát
- ♦ Nam mô Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát.

Hôm nay con muốn giải yếu nghĩa của Quán Kinh, định lại các tác phẩm xưa nay, cúi xin chư Phật trong ba đời, đức Phật Thích Ca, đức Phật A Di Đà mở lòng đại bi gia hộ.

Nguyện con trong mộng thấy được Như Lai và tướng tất cả cảnh giới hiện ra cho con được thấy.

Đôi trước đức Phật đã phát nguyện như trên rồi, từ đó mỗi ngày tôi tụng ba biến kinh A Di Đà, niệm danh hiệu Phật A Di Đà ba muôn biến, hết lòng phát nguyện, chính trong đêm ấy, thấy trong hư không phía Tây, các tướng cảnh giới đã diễn tả ở trên đều hiện đủ ra: Núi báu nhiều màu, trăm lớp ngàn lớp, các thứ ánh sáng, chiếu xuống tới đất, đất như màu vàng ròng, trong ấy có chư Phật, Bồ tát, hoặc ngồi, hoặc đứng, hoặc nói, hoặc động thân tay, hoặc trụ chẳng động.

Đã thấy tướng ấy rồi, tôi chấp tay quán tưởng, một hồi mới tỉnh, tỉnh rồi không xiết vui mừng. Từ đó, tôi bắt đầu chép lời giảng yếu, về sau, mỗi đêm trong mộng thường có một vị Tăng đến chỉ dạy giảng nghĩa. Khi huyền nghĩa và khoa văn đã giải xong rồi, tôi không còn thấy vị Tăng ấy hiện đến nữa.

Sau khi đã duyệt lại toàn bản xong, tôi lại chí tâm cầu chứng nghiệm định kỳ bảy ngày, mỗi ngày tụng kinh A Di Đà 10 biến, niệm danh hiệu Phật A Di Đà ba muôn biến, đầu đêm, cuối đêm quán tưởng các tướng quốc độ trang nghiêm của Phật A Di Đà, một lòng quy mạng phát nguyện như kỳ trước. Đêm ấy, tôi thấy ba bánh xe lớn như cối đá lăn trên đường, bỗng có một người cỡi một con lạc đà trắng đến trước tôi khuyên bảo: Sư phải gắng sức, chắc chắn vãng sanh, đừng có lui sụt, cỡi này dơ bẩn ác độc, nhiều điều khổ não, đừng có

tham vui. Tôi thưa: Cúi mong hiền giả vui lòng chỉ dạy, tôi quyết lấy trọn đời làm kỳ hạn thật hành, không dám sanh lòng giải đãi.

Đêm thứ hai, thấy Phật A Di Đà thân màu vàng ròng, ngồi trên hoa sen vàng ở dưới gốc cây thất bảo. Có 10 vị tăng đi nhiễu chung quanh rồi trở về ngồi dưới gốc cây báu. Trên cây Phật ngồi có y trời rủ xuống. Tôi ngồi chấp tay hướng về Tây phương quán tưởng.

Đêm thứ ba, thấy có hai cột tràng phan rất lớn, cao vợi, tràng phan năm màu, đường xá dọc ngang, người xem không ngại. Đã thấy tướng ấy rồi từ đó về sau không còn thấy nữa.

Như trên chúng tôi đã thuật tướng linh nghiệm, trong tâm vì mọi người, không dám vì mình, đã mong nhờ thấy được tướng này, không dám che dấu, kính cẩn ghi ở phía sau, ước mong người nghe đời sau, tất cả mọi người nghe rồi sanh lòng tin, có ý muốn thật hành quán tưởng, để thân thấy Tây phương. Nguyện đem công đức này hồi hướng cho chúng sanh, đều phát tâm Bồ đề, từ bi tâm hướng thượng, thấy được chơn thân Phật, quyền thuộc với Bồ đề. Nghĩa này đã được chứng định, một câu một chữ không dám thêm bớt, lời chép đây đúng như kinh pháp.

Thiện Đạo cần bạt

PHỤ LỤC TIỂU SỬ THIÊN ĐẠO ĐẠI SƯ

Thiện Đạo đại sư người đời nhà Đường. Trong năm Trinh Quán, Ngài đọc bài văn "Tịnh Độ Cừ Phẩm Đạo Tràng" của Đạo-Xước Thiên-Sư, mừng lắm nói: "Đây mới thiệt là con đường mau thành Phật. Tu các hạnh môn khác quanh quất khó thành. Duy pháp môn này chóng thoát sanh tử".

Từ đó Ngài dốc lòng tinh tấn đêm ngày lễ tụng. Ít lâu Ngài đến Trường An khuyến khích tứ chúng niệm Phật.

Mỗi khi Ngài vào thất quỳ niệm Phật, nếu chưa thật đuối sức thời chưa chịu nghỉ. Lúc ra thời vì chúng mà diễn nói pháp môn Tịnh độ.

Cần khổ tự tu và siêng dạy người, trải ba mươi năm tròn, Ngài ít ngủ nghỉ.

Ngài lại được giới hạnh tinh nghiêm, không hề sai phạm, dầu là lỗi nhỏ.

Khi được dâng cúng thực phẩm, món ngon tốt, thời Ngài bảo đem dọn cho chúng dùng, còn phần Ngài chỉ dùng thứ xấu dở mà thôi.

Bao nhiêu tài vật của đàn na tín thí cho, Ngài dùng tả được hơn mười vạn bốn kinh Di Đà, họa cảnh tịnh độ được ba trăm bức. Ngoài ra thời dùng vào việc sửa sang chùa tháp, thấp đèn nổi sáng, không để dư một mảy.

Kẻ Tăng người tục đến quy đầu với Ngài rất đông, lấy số vạn mà tính. Mọi người cảm đức giáo hóa của Ngài, nên ai ai cũng đều tinh tấn tu trì cả. Người thời tụng kinh Di Đà từ mười vạn biến đến năm chục vạn biến. Kẻ thời mỗi ngày đêm niệm Phật từ một vạn đến mười vạn câu. Những người hiện tiền chứng tam muội, lúc lâm chung được vãng sanh có thối ứng, đông không thể kể xiết.

Có người hỏi: "Niệm Phật chắc được vãng sanh không?".

Ngài đáp: "Ông gắng niệm Phật thời sẽ được toại nguyện."

Đáp xong, Ngài tự niệm: "A Di Đà Phật", liền có một tia sáng từ trong miệng Ngài theo tiếng niệm mà xẹt ra. Ngài niệm mười câu đến trăm câu, cứ mỗi câu là xẹt ra một tia sáng dài nối tiếp nhau làm sáng rực cả chùa.

Sự thần dị này, truyền đến triều đình, vua Cao Tông phụng một tấm biển đề hiệu chùa là "Quang Minh Tự"

Ngài có bài kệ khuyên đời:

*Lần lần tóc bạc da mồi.
Thấm thoát bước đi lụn còm.
Dầu rằng: vàng ngọc đầy nhà.
Đâu khởi: già suy bệnh khổ.
Mặc ông sung sướng đủ điều.
Cái chết nó rồi cũng đến.
Duy có đường tắt tu hành.*

Chỉ niệm: 'A Di-Đà Phật'!

Có người gạn: "Sao Hòa Thượng không dạy người quán tưởng Phật, mà chỉ bảo người trì danh hiệu Phật thôi".

Ngài đáp: "Chúng sanh nghiệp chướng nặng nề, tâm ý thô phù, mà cảnh Thánh rất tế diệu, tình thức rộn ràng khó thành tựu quán trí được. Vì lẽ đó nên đức Phật xót thương, khuyên người chuyên xưng danh hiệu.

Chính vì xưng danh hiệu là hạnh dễ làm nên nơi tâm mau được tương tục. Nếu có thể niệm niệm tương tục mãi đến trọn đời, thời mười người niệm, mười người vãng sanh, trăm người niệm, trăm người vãng sanh.

Tại sao mà được như vậy? Vì không có tạp duyên nên được chánh niệm. Vì tương ưng với bốn nguyện của Phật A Di Đà. Vì không trái kinh giáo. Vì thuận theo lời Phật dạy. Nếu bỏ hạnh chuyên niệm Phật, mà tu nhiều hạnh nghiệp xen tạp khác, thời trăm ngàn người tu, khó có được ba bốn người giải thoát. Tại sao vậy? Vì tạp duyên loạn động nên mất chánh niệm. Vì không tương ưng với bốn nguyện của Phật. Vì trái với kinh giáo. Vì không thuận theo lời Phật dạy. Vì nhiếp niệm không được tương tục. Vì tâm không thường nhớ ơn Phật. Vì dầu thật hành Phật sự mà thường tương ưng với danh lợi. Vì thích đeo theo việc tạp làm chướng ngại chánh hạnh vãng sanh của tự mình và của người.

Ngày gần đây, thấy những hàng tăng tục các nơi giải hạnh không đồng nhau: người thường chuyên tu, kẻ thích tạp hạnh.

Nếu chuyên tâm niệm Phật thời quyết định mười người vãng sanh cả mười. Còn tạp hạnh mà không chí tâm, thời ngàn người tu khó được một giải thoát.

Trông mong mọi người nên suy xét cho chín chắn, đi đứng nằm ngồi, đều nên kèm tâm nhiếp niệm, khẩn chặt nơi Phật, ngày đêm chớ để hở, thê quyết đến hơi thở cuối cùng. Nếu niệm trước mạng chung, niệm sau liền sanh Cực lạc. Từ đây, vô lượng vô biên a tăng kỳ

kiếp thọ hưởng pháp lạc vô vi, nhẫn đến thành Phật, như thế há lại không đáng sướng thích lắm ư!

Ngài từng dạy phương pháp trợ chánh niệm cho người lúc lâm chung:

Phàm người lúc lâm chung muốn sanh về Tịnh độ, cần nhất chẳng dặng sợ chết. Nên tự suy nghĩ như vậy: báo thân này là gốc khổ. Nó là dây da đưng dây đồ như nhóp. Nó là gốc của tất cả sự khổ lụy. Nếu ta rời được đồng thịt hôi thúi này mà siêu sanh Tịnh độ, thọ thân vàng kim cương, hưởng vô lượng sự vui thanh tịnh, giải thoát hẳn sanh tử luân hồi. Như cởi áo rách mà đổi lấy trân phục, còn gì thích ý bằng.

Suy nghĩ như thế rồi liền phóng hạ thân tâm, đừng có quan niệm tham luyến. Vừa mang phải bệnh, bèn quán vô thường, nhứt tâm niệm Phật chờ chết.

Lại cần phải dặn người nhà và người đến thăm, hễ khi đến gần mình thời vì mình mà niệm Phật. Nhứt quyết không được nói chuyện đời nọ kia, cùng việc nhà việc cửa. Cũng chẳng cần cầu chúc an ủi, vì đều là sự hư hoa vô ích cả.

Nếu bệnh ngặt sắp chết, quyền thuộc chẳng được khóc than, không được mắt mũi sụt sùi, làm loạn động tâm thân, hư mất chánh niệm của người bệnh. Chỉ nên nhắc nhở nhớ Phật, niệm Phật, tưởng Phật, cùng rập nhau to tiếng niệm Phật, để giúp chánh niệm cho người bệnh. Như vậy luôn đến lúc người bệnh dứt hơi thở. Nhưng cũng chẳng nên vội động đến thầy, phải luân phiên niệm tụng càng lâu càng tốt.

Lúc bệnh cho đến lúc chết, nếu được có người hiểu rành pháp môn Tịnh độ, thường đến nhắc nhở chỉ bảo thời may mắn lắm. Dùng phương pháp trợ niệm này thời quyết được vãng sanh không còn nghi ngờ gì nữa.

Chết sống là việc lớn, cần phải tự mình gia công, gắng sức mới được. Một niệm sai lầm ắt phải chịu khổ nhiều đời nhiều kiếp, ai thay thế cho mình được! Nên tự xét lấy! Nên tự nghĩ lấy!

Một hôm, Ngài vội bảo mọi người rằng:

"Thân này thật đáng nhàm chán, ta sắp sửa về Cực lạc đây". Rồi Ngài tự leo lên ngọn cây dương liễu trước chùa, chấp tay hướng về Tây Phương mà nguyện rằng: "Xin Phật tiếp dẫn con, Bồ tát giúp đỡ con chẳng mất chánh niệm để con được sanh về Cực lạc."

Nguyện xong Ngài tự gieo mình xuống. Thân nhẹ nhàng rơi, và tự nhiên ngồi kiết già ngay thẳng trên mặt đất. Đại chúng chạy đến, thời Ngài đã viên tịch rồi.

Trích ở những bộ: "Phật Tổ Thống Kỳ"
"Lạc Ban Văn Loại"

Phoả Nào caûm nieãm

*Phổ Đà tiếng hát êm như mây
Gió chiều thổi nhẹ mát hây hây
Núi non chón chở tình thơ mộng
Biển nước soi hình bóng rõ đây*

*Phổ Đà chuông sớm âm ngân vang
Tiếng khóc trẻ thơ lắm muộn màng
Ai bảo chào đời chi lại khóc?
Đỡ gì cho nín khỏi khóc than!*

*Phổ Đà soi sáng nẻo tối tăm
Cam lồ thanh tịnh bóng Quan Âm
Hương niệm lòng ta thôi chấp trước
Thanh nhàn buông bỏ giữ tâm an*

Tiểu Đệ





hữu đó? Xin Thầy giảng trách cho.

Boà taùt Quaùn Theá Âm cõu ñoã chuùng sanh ñhõ theá naø?

Khiêm Từ

Trước năm 1965, tôi thường đi lễ Phật tại chùa Trúc Lâm thuộc ấp Cô Giang Đà Lạt. Mỗi lần có lễ vía Quán Thế Âm là tôi tới chùa trên dự lễ cầu an và sau được nghe TT Thích Viên Tịnh giảng về phẩm Phổ Môn trong kinh Pháp Hoa. Trong phẩm này có nhiều chỗ rất khó hiểu, mà tôi kỳ vọng lần này TT Trụ trì sẽ từ bi thuyết cho nghe. Tôi đã xin Thượng Tọa giải đáp thắc mắc như sau:

- ♦ Kinh nói: “Có người niệm Quán Thế Âm Bồ tát thì dù vô trong lửa, lửa cũng không cháy”. Trong xóm con, đã có một đám cháy lớn, nạn nhân là đạo hữu Nguyễn Tư và con trai bị cháy phỏng rất nặng, đang được điều trị ở bệnh viện Lâm Đồng! Như vậy kinh nói sai hay sao? Xin Thầy giảng trách cho.
- ♦ Chỗ này đạo hữu căn cứ trên lời Kinh, mà không hiểu ý Kinh. Ý Kinh là “Niệm danh hiệu Quán Thế Âm thì mọi nguy hiểm, tai nạn sẽ vượt qua được. Ý sâu trong Kinh: lửa đây là lửa sân và si, chẳng phải lửa cháy trong nhà! Tỷ dụ có một đạo hữu bị một số bạn vác dao, gậy đuổi đánh, nhớ tới Bồ Tát Quán Thế Âm, đạo hữu niệm “Nam Mô Bồ Tát Quán Thế Âm cứu khổ cho con”, tất nhiên lòng sợ hãi, thù hận sẽ giảm đi và tan biến! Như vậy là nhờ niệm Quán Thế Âm được vô sự rồi!
- ♦ Còn chỗ nữa Thầy! Kinh nói: “Nếu bị nước lớn sắp cuốn trôi mất mạng, niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm sẽ tới chỗ cạn bình an vô sự”. Trong mùa nước lũ, con sông Đa Nhim đã nhận chìm vô số đạo hữu khi qua sông! Vậy Quán Thế Âm có thiêng, sao không cứu các đạo

- ♦ Lời Kinh là thí dụ, không phải thật! Nước lớn đây là lòng tham dục vô độ của chúng sanh đó, nào tham tiền, tham danh, tham tình, đánh bạc, xì ke v.v... Nếu vừa khởi tham mà các đạo hữu biết quay về niệm Bồ Tát Quán Thế Âm cứu khổ cứu nạn... thì ngay lúc đó, lòng tham sẽ bớt ngay và tâm bình yên trở lại. Hiểu vậy mới là đúng ý Kinh, còn đạo hữu theo y từng chữ trong Kinh mà hiểu là sai! Đạo hữu còn thắc mắc gì nữa không?
- ♦ Dạ! Thưa con còn một thắc mắc lớn nữa: Các chị trong xóm Thống Nhất của con thường cầu Bồ tát sanh con trai để có con nối dõi tông đường bên chồng, mà sao đa số sanh con gái không à? Xin Thầy giảng trách giùm, con tri ân Thầy.
- ♦ Đạo hữu hỏi câu này rất hay! Lời Kinh là như vậy, đây là ẩn dụ mà thôi, không phải là Bồ Tát Quán Thế Âm ban phép cho sanh con trai theo ý các Bà trong xóm! Lời thì vậy, mà ý khác, chỗ này ý rất sâu và rất khó hiểu! Chúng sanh thời nay phải lo đủ thứ, lo không xong thì tâm loạn lên và cầu Phật cầu Bồ Tát phù hộ cho được toại nguyện! Lo nghĩ là bệnh tương, tương nhiều nên khô! Bồ Tát Quán Thế Âm muốn trừ cái tương trên, nên khuyên Phật tử tu theo các pháp như sau:

1/ Khi đạo hữu niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, tâm đạo hữu được yên, an lạc, tự nhiên các niệm tương, lo âu, sợ hãi, nghiệp bức bách đều tan biến! Vậy phải chăng các đạo hữu nhờ niệm Bồ Tát Quán Thế Âm mà được hết sầu bi khổ não, có đúng vậy không? Nên nhớ Bồ Tát

Quán Thế Âm đã nguyện “Dùng phương tiện cứu độ tất cả chúng sanh”, nên chi Bồ Tát đã ứng thân làm các vị Thanh Văn, Duyên Giác, Vua Trời Phạm Vương, Đế Thích, Tỳ Kheo, Trưởng giả, Cư sĩ v.v.. để nói pháp giúp Phật tử phá các tướng ám, để hết lo sợ, loạn tâm, loạn tướng, loạn thân... để tâm được yên ổn, an lạc trong cuộc sống! Đó là phá trừ ngã, trừ ngã tướng, quá tuyệt vời! Trong Tâm Kinh Bát Nhã các đạo hữu tụng hằng ngày có câu “Ngũ uẩn giai không” trong đó Thọ, Tướng, Hành, Thức thuộc về tâm, Bồ Tát cũng dạy về tánh không, do duyên giả có, nếu chấp vô tướng là kẹt là khổ!

2/ Trong Kinh Thủ Lăng Nghiêm, các đạo hữu đã rõ hạnh tu của Bồ Tát Quán Thế Âm là “Phản văn văn tự tánh”, tức nghe lại tánh nghe của mình. Nghe cách nào đây? Tâm chúng sanh hay phóng ra ngoài, tìm cầu đủ thứ, nên sanh ra loạn động, khổ sở! Tại sao? Cảnh ở ngoài là vô thường, nay nắng mai mưa, người tốt, kẻ xấu, công việc thành, bại...liên tục! Khổ là vậy! Tại sao chúng ta không biết quay vô trong tâm, tức phản quan tự kỷ, dẹp phiền não để tâm yên, và trở về chơn tâm thanh tịnh, trùm khắp, thường ứng dụng ra sáu căn, làm chủ thân năm uẩn, hằng tri, hằng giác..., mà quý Phật tử ai cũng có sẵn; nhưng vì mãi phóng tâm ra ngoài, nên quên luôn tâm bản thể, tâm giác, tâm Phật, ông chủ kho báu trong nhà! Phóng ra ngoài là bấn mê, quay về là bờ giác! Vậy tại sao không quay về có tốt hơn không?

Trở lại các câu hỏi của đạo hữu, tôi muốn lưu ý quý Phật tử về hai điểm thôi, nhớ và làm thì niệm Bồ Tát Quán Thế Âm nhất định có lợi lớn!

1/ Thứ nhất, sáng tối nhớ niệm Bồ Tát Quán Thế Âm với lòng thành, tâm theo nhất tâm xưng danh, quý đạo hữu sẽ được lợi vô cùng; vì tâm thanh tịnh của quý đạo hữu và tâm đại bi, đại nhân nhục, đại thanh tịnh của Bồ tát Quán Thế Âm sẽ ứng hợp nhau, tức có cảm ứng; có cảm ứng tất nhiên có thay đổi, có lo sợ, loạn tâm, chướng ngại, bệnh, tai nạn... sẽ giảm thiểu và an lạc sẽ về với quý đạo hữu vậy.

2/ Quay lại tánh nghe, là bắt chước Bồ Tát Quán Thế Âm, tức quay về tâm giác, tâm Phật có sẵn của quý đạo hữu, nên chi mọi việc tự động sẽ suông sẻ, kết quả tốt đẹp! Cầu con trai, được con trai, cầu con gái được con gái là vậy.

Được Thượng Tọa giảng rõ phẩm Phổ Môn Bồ Tát Quán Thế Âm cứu nạn, cứu khổ, tôi hết sức cảm động, đến rơi nước mắt! Tôi đã đại diện đạo tràng chùa Trúc Lâm – Đà Lạt, tri ân Thượng Tọa Thích Viên Tịnh và hứa làm một Phật tử kiên trì tu học, cùng các Phật tử đồng tu, đóng góp xây dựng cho chùa Trúc Lâm – Đà Lạt ngày một khang trang hơn và đông đảo Phật tử xa gần ở Đà Lạt – Lâm Đồng, cùng tới nghe pháp của TT, sống trong lục hòa, hộ trì Tam Bảo không ngừng nghỉ!

... Thế rồi ngày 30/04/1975 xảy ra, tôi đã lại thăm TT, rồi tôi phải đi lao động xa Đà Lạt! Khi về, tôi lại TT thì TT lâm bệnh, tuy lâm bệnh mà vẫn cố lo cho một số Tăng Ni sinh đi du học ở Ấn Độ! Sau đó TT thị tịch, một mất mát lớn cho chư Tăng, Ni và Phật tử Đà Lạt – Lâm Đồng, lý do TT đã có viễn kiến đó là việc đào tạo Tăng Ni cho tương lai của GHPGVNTN để có đủ những vị tài, đức, đã qua chúng nghiệm tâm linh, để tùy căn cơ của chúng sanh dắt họ bỏ mê về giác.

« Khiêm Từ viết xong sau lễ vía Quán Thế Âm Bồ Tát để hồi hương công đức cho hai vị tôn túc, ân nhân và bốn sư của con và gia đình con là :

- ♦ Cố Hoà Thượng Thích Từ Mãn, Hội Trưởng Hội Phật Học Lâm Đồng, trụ trì chùa Linh Sơn Đà Lạt.
- ♦ Cố TT Thích Viên Tịnh, trụ trì chùa Trúc Lâm Đà Lạt, Trưởng Ban Hoằng Pháp, chuyên về tánh không và thiền tịnh song tu.

Con cầu Phật thù từ lân mẫn rước linh giác của hai vị tôn túc ân nhân của con, về Tây Phương Cực Lạc, Thượng Phẩm Thượng Sanh!



(tiếp theo)

82. Sau khi chết nghiệp còn hay mất ?

Hỏi: Kính thưa thầy, sau khi mình chết rồi nghiệp còn hay mất ? Con chưa hiểu rõ vấn đề này, xin thầy từ bi chỉ dạy.

Đáp: Tôi xin thưa ngay, con người sau khi chết, nghiệp không bao giờ mất. Trừ phi, những người hiện đời đã dứt sạch ý nghiệp. Nói rõ ra, là những người đã đạt đạo, thì mới thấy được: “*nghi-p tánh b, n lai không*”. Tuy nhiên, nghiệp nhân đã gây, tất nhiên phải có nghiệp quả. Dù người đó đã ngộ đạo. Trường hợp như đức Phật vẫn còn phải trả quả. Ngài còn phải trả quả báo “*kim thọng mã m-ch*”. Và như trường hợp Tổ Huệ Khả phải bị ngồi tù, hay Ngài Mục Kiền Liên bị đám côn đồ đánh chết. Tuy nhiên, đối với các Ngài khi trả nghiệp thì khác hơn chúng ta. Chúng ta trả nghiệp trong sự thống khổ kêu khóc rên la. Còn đối với các Ngài không có gì là khổ đau cả. Vì sao ? Vì các Ngài đã thấy rõ “*ngũ u-n giai không*”. Đã thấy, thì nói gì trả hay không trả. Cho nên, sự trả nghiệp của các Ngài như trò chơi, không có gì phải lo âu sợ hãi.

Nói thế, để chúng ta thấy rằng, một khi nghiệp nhân đã gây, thì sẽ không bao giờ mất. Nếu nói như vậy, thì nghiệp không có thể chuyển được sao? Dĩ nhiên, là chuyển được. Nếu không chuyển được, thì chúng ta tu làm gì. Nên nhớ, chuyển là chúng ta chuyển nặng thành nhẹ. Chớ không thể nào chuyển cái có, hoàn toàn trở thành cái không được. Kinh nói :

*“Giả sử bá thiên kiếp
Sở tác nghiệp bất vong
Nhân duyên hội ngộ thời
Quả báo hoàn tự thọ”.*

Tạm dịch :

*Dù trải qua trăm ngàn kiếp
Chỗ tạo nghiệp không mất
Khi nhân duyên đến rồi
Quả báo tự chịu lấy.*

Như thế, thì làm sao hoàn toàn mất được.

100 Câu hỏi Phật pháp

PHƯỚC THÁI

Chúng tôi xin nhắc lại, để Phật tử khỏi phải nghi ngờ, nghiệp tuy không mất, nhưng nếu chúng ta biết tu, ăn năn sám hối, thì có thể chuyển nghiệp quả nặng thành nghiệp quả nhẹ.

Thí như anh A vì nóng giận đánh anh B bị trọng thương, lẽ ra, thì anh B và thân nhân của anh B sẽ tìm cách đánh trả thù anh A cho hả giận, nhưng anh A, sau đó, biết lỗi lầm sai quấy mà anh ta đã gây ra, anh liền đến anh B để năn nỉ, xin anh B tha lỗi. Thế là, anh B thay vì đánh anh A để trả thù, nhưng nay, thấy anh A đã tỏ lòng ăn năn hối cải lỗi lầm, nên anh B tha thứ. Thay vì đánh anh A, anh B chỉ dùng những lời lẽ nặng nề trách móc anh A mà thôi. Anh B nói để cho hả cơn giận, chớ không đến nỗi phải đánh anh A trả thù. Đó là anh A đã chuyển được cái nghiệp quả nặng thành ra cái nghiệp quả nhẹ rồi. Chuyển nghiệp là như thế. Còn hành động anh A đánh anh B bị trọng thương, không bao giờ mất ở trong lòng anh B. Bởi hành động đánh đập (nghiệp) đó không bao giờ mất. Tuy anh B đã tha thứ, nhưng trong lòng anh không bao giờ quên.

Xin nêu thêm một thí dụ nữa, như có 3 gia đình cùng tọa lạc trên một đường phố. Trong 3 gia đình đó, ông A làm nghề thầy giáo, ông B làm nghề bác sĩ, ông C làm nghề kỹ sư. Bỗng một hôm, cả 3 căn nhà đều bị cháy sạch hết, tất cả đồ đạc, của cải trong nhà đều bị thiêu hủy, chỉ có những người trong 3 gia đình đó còn sống. Như vậy, nhà cửa của cả tuy cháy hết, nhưng nghề nghiệp của 3 ông đó có cháy mất không? Ông thầy giáo vẫn tiếp tục hành nghề dạy học. Ông bác sĩ vẫn tiếp tục hành nghề chữa bệnh và ông kỹ sư cũng vẫn tiếp tục hành nghề như cũ.

Như thế, để chứng minh rằng, cái gì có hình tướng đều bị hư hoại, thiêu hủy, nhưng còn cái

nghe nghiệp không hình tướng kia không hề bị mất. Qua ví dụ này cho chúng ta thấy, ngày mai khi thân chúng ta chết, nhưng nghiệp chúng ta đã gây, thì không bao giờ mất, nó sẽ theo sát chúng ta như hình với bóng. Chúng ta tu Tịnh nghiệp, thì được vãng sanh về cõi Tịnh, vì còn nghiệp, nên nói là vãng sanh, mà không nói là Vô sanh. Do đó, nhân và quả không bao giờ sai chạy vậy.

Đến đây, chúng tôi cũng xin nói rõ thêm, nếu không, thì khi quý vị đọc hoặc nghe trong Chứng Đạo Ca của Ngài Vĩnh Gia Huyền Giác nói: “*Sát na di-t khơ ʼc A tỳ nghi-p*”. Nghĩa là, Ngài nói cái nghiệp A tỳ, tức là Vô gián địa ngục, chỉ diệt đi trong một sát na thôi. Nếu không hiểu chỗ này, quý vị sẽ đâm ra hoang mang nghi ngờ và cho rằng, có sự mâu thuẫn với nhau. Nên nhớ, Ngài Huyền Giác nói, là Ngài đứng trên lập trường của giáo lý tối Thượng thừa, thuộc Kinh Liễu Nghĩa. Người ta đọc câu đó mà quên câu đầu của bài Ca nói: “*Ch ʼng th ʼt t ʼng v ʼ nh ʼn pháp*”. Nghĩa là, người chứng được Thật Tướng, tức Vô Tướng, thì còn gì là Nghiệp A Tỳ ? Bởi vì, đến đây là người chứng đạo, sống trọn vẹn với cái chân lý Tuyệt Đối, nên thấy rất rõ : « **Nhơn Không và Pháp Không** », nh ʼ vậy, thì có gì là nghiệp với không nghiệp ? Đó là cái thấy cùng tột, vượt ngoài đối đãi của người chứng đạo.

Như trên đã nói, đối với các Ngài thì không thấy có, nhưng không phải là không có địa ngục A tỳ. Có là có, đối với những ai còn si mê vọng chấp. Còn không là không, đối với những ai đã tròn chứng Pháp thân, nghĩa là không còn vô minh vọng chấp. Hiểu như vậy, thì chúng ta sẽ không còn nghi ngờ và cho là mâu thuẫn với nhau nữa.

Tóm lại, vì biết rõ nghiệp quả không mất, nên người Phật tử mới gia công nỗ lực tu tạo phước lành, để mai sau sanh về cõi lành, hưởng quả báo tốt đẹp, chớ nếu mất đi, thì ai tu tạo điều lành làm gì. Người không tin nhân quả nghiệp báo, đối với tự thân và xã hội đều là họa hại lớn, vì họ mãi gây tạo nghiệp ác. Một khi đã gây tạo nghiệp ác, thì vĩnh kiếp trầm luân trong bể khổ. Thật là đau xót lắm thay!

83. Người chết bất đắc kỳ tử, thì nghiệp quả sẽ ra sao?

Hỏi: *Kính bạch Thầy, nếu người sắp chết, được có nhiều người tụng kinh, niệm Phật, thì người đó niệm Phật theo, nên sau khi chết được sanh về cảnh giới lành. Ngược lại, đối với những người họ bị tai nạn chết bất đắc kỳ tử thì sao? Kính xin Thầy hoan hỷ giải đáp điều này cho con rõ.*

Đáp: Điều thắc mắc này, tuy Phật tử lo hơi xa, nhưng xét kỹ ra cũng thật là chánh đáng. Nhưng Phật tử đừng lo, vì xưa kia, ở thời Phật, cũng có một người thắc mắc hỏi Phật, y như Phật tử hôm nay hỏi chúng tôi vậy.

Xưa kia, Ngài Ma Ha Nam là em bà con chú bác với đức Phật. Khi đức Phật trở về hoàng cung giáo hóa trong thân tộc, thì ông đến xin Phật cho ông quy y giữ 5 giới và tu thập thiện. Đức Phật tán thán sự phát tâm của ông và cho ông được toại nguyện. Từ ngày đó, ông trở thành một vị Ưu bà tắc rất thuần thành.

Một hôm, ông nêu ra vấn đề đó hỏi Phật. Ông nghĩ rằng, cả đời vâng theo lời Phật dạy tu hành, bỗng một hôm nào đó, bất thần xảy ra tai nạn, chết bất đắc kỳ tử, như vậy, thì thân thức sẽ sanh về đâu? Có bị sa đọa không? Vì chết như thế, đâu có ai hộ niệm cho mình mà được siêu thoát!

Đức Phật không trả lời thẳng câu hỏi của ông, mà đức Phật hỏi vặn lại:

- Này Ma Ha Nam, giả như có một cái cây mà nó đã nghiêng sẵn, bỗng một hôm có người đến cưa, thì cây đó ngã về đâu ?

- Thưa Thế Tôn, cây nghiêng chiều nào, khi cưa thân cây sẽ ngã theo chiều đó.

Phật dạy: “*Cũng vậy, hàng ngày ông thọ ʼng tạo nghiệp lành, khi chết thì ông sẽ theo nghiệp lành mà tái sanh vào cõi lành. Ngược lại, nếu người nào hàng ngày tạo nghiệp ác, thì khi chết sẽ tái sanh vào cõi ác. Không phải chết bất đắc kỳ tử là đọa địa ngục*”. Chúng ta chết nghiệp không mất, mà thân thức theo nghiệp thiện hoặc nghiệp ác sanh vào cõi lành

hay cõi dữ.

Điều quan trọng là hàng ngày chúng ta nên kiểm điểm lại mình tạo nghiệp lành nhiều hay nghiệp ác nhiều. Hiện đời mình nặng về nghiệp gì, thì khi nhắm mắt mình sẽ đi theo nghiệp đó.

Căn cứ theo lời Phật dạy cho ông Ma Ha Nam ở trong Kinh A Hàm, thì chúng ta đừng lo sợ, khi chết bất đắc kỳ tử không biết có sanh về cảnh lành hay không? Vấn đề này, nếu nghiệm vào đời sống thực tế, thì chúng ta cũng thấy rõ.

Người có thói quen niệm Phật, bất thần ai làm họ giật mình, thì họ liền Mô Phật. Vậy tiếng Mô Phật đó, họ đâu có cần phải suy nghĩ. Do « *tập quán nghiệp và tích lũy nghiệp* » hàng ngày của họ huân tập, mà tự động họ phát ra như thế thôi. Ngược lại, người có tập quán nghiệp hay văng tục chửi thề, bất thần có ai chọc giận họ, thì họ sẽ tự động cho văng tục bằng tiếng chửi thề ra ngay, mà không cần phải suy nghĩ.

Lại như, hai người cùng đi chung một đường, một người thì ghiền cờ bạc; một người thì thích chơi kiếng. Khi đi ngang qua, có một khu vườn trung bày đủ thứ hoa kiếng, người thích chơi kiếng liền vội ghé vào xem. Trong khi đó, người thích chơi đồ đen, thì không ngó ngang đềm xia gì đến vườn hoa kiếng đó, mà họ đi riết tới nhà chứa bài để chơi. Cũng vậy, chết là một, (dù như cùng đi chung một đường) nhưng tùy theo nghiệp thiện ác của mỗi người mà thọ sanh có khác. Và quan trọng là ở nơi Tập quán nghiệp và Tích lũy nghiệp. Khi hai nghiệp này thuần thực, sẽ đưa đến « *Cực trọng nghiệp* ». Nghĩa là nghiệp nào nặng sẽ lôi đi trước. Nghiệp lành nặng sẽ lôi người đó đi vào đường lành. Ngược lại, nghiệp ác nặng, thì cũng sẽ lôi người đó đi vào con đường ác. Tất cả đều đi đúng theo luật nhân quả báo ứng, không ai thường phạt mình cả, mà do nghiệp thiện ác của mình dẫn dắt mình đi mà thôi.

Vậy Phật tử đừng lo sợ, cứ ráng lo tu tạo phước lành cho nhiều, thì khi chết, cũng sẽ theo con đường lành mà đi. Tuy nó không được thắng duyên bằng khi mình chết có người

hộ niệm nhắc nhở, vì lúc đó, tín tâm hướng về Phật của mình mạnh hơn, nên sẽ được vãng sanh về cõi Phật. Nhưng có điều, theo lời Phật dạy cho ông Ma Ha Nam ở trên, thì chắc chắn sẽ không bị đọa vào đường ác vậy.

Kính chúc Phật tử tinh tấn tu hành, để khỏi phải lo sợ sau khi chết không như ý sẽ bị rơi vào đường ác.

84. Tập tục đốt giấy tiền vàng mã.

Hỏi: *Kính bạch thầy, tục lệ đốt giấy tiền vàng mã có phải là của Phật giáo mình bày ra không? Hay là do ai bày ra? Có một người bạn hỏi con như thế mà con không hiểu, kính xin thầy từ bi giải đáp cho con được rõ.*

Đáp: Tôi xin trả lời khẳng định một cách dứt khoát rằng, tục lệ này không phải do Phật giáo bày ra. Theo chỗ chúng tôi được biết, đây là một tục lệ có từ lâu đời trong dân gian. Truy nguyên về nguồn gốc của tục lệ đốt giấy tiền vàng mã này, chúng tôi thấy, xuất phát từ thời cổ đại trong xã hội Trung Hoa. Theo nhà tư tưởng Vương Dương Minh đời Đường cho rằng: “*Từ thời nhà Hán, đã có tục chôn tiền và đời sau lấy giấy thay tiền*”. Theo niềm tin thuần phác của người Trung Hoa ở vào thời cổ đại thì, người ta tin rằng, người chết không phải là mất hẳn mà biến thành quỷ (nhân tử viết quỷ – Nguyễn Tôn Nhan, Kinh Lễ, Thiên Tế pháp, NXB. Văn Học, 1999, tr. 192). “*Quan niệm nhân tử viết quỷ*” đã hình thành thành thục Ngũ đại (khoảng hơn 2000 năm trước Tây lịch) Từ quan niệm này, người ta tin rằng, người chết cũng như người sống, tức sự sanh như sự tử. Những gì mà người ta lúc còn sống tiêu xài như thế nào, thì khi chết cũng cần đến như thế đó. Do tin tưởng như vậy, nên sau khi chết đi, thân nhân của người chết họ chôn theo những vật dụng cần thiết kể cả tiền bạc để cho người chết tiêu xài. Đây là họ biểu lộ mối thâm tình sâu đậm khi sống sao thì lúc chết cũng như thế.

Theo các nhà khảo cổ, họ đã khám phá từ những cuộc khai quật và đã xác quyết điều này. Nhưng về sau, người ta thấy rằng, việc chôn theo các đồ vật dụng và tiền bạc thiết, thì

quá lãng phí, cho nên dần dần người ta mới bày ra cách sử dụng những đồ vật dụng và tiền bạc làm đồ giả, giấy giả, để cho người chết tiêu xài.

Như vậy, việc đốt giấy tiền vàng mã là tập tục của người Trung Hoa có nguồn gốc từ thời cổ đại. Dĩ nhiên, tục lệ này có tác động ảnh hưởng rất lớn trong tinh thần biểu lộ tình cảm sâu sắc của người dân Trung Hoa. Từ đó lan rộng ảnh hưởng đến những quốc gia chịu ảnh hưởng nếp sống văn minh văn hóa của họ. Việt Nam là một trong những nước chịu ảnh hưởng sâu đậm nhất, vì đất nước ta đã trải qua một thời gian dài bị họ cai trị.

Cần nói rõ tập tục này, theo cái nhìn của Phật giáo, thì đây là một việc làm lãng phí tốn kém vô ích. Vì Phật giáo quan niệm, người chết chậm nhất là sau 49 ngày nhất định sẽ tùy nghiệp thác sinh vào những cảnh giới thiện ác khác nhau, do hiện đời người đó đã gây tạo. Cảnh giới khác nhau, thì vật dụng của mỗi loài tùy nghiệp thức, mà họ cũng thọ dụng khác nhau. Do đó, không thể đem những vật dụng ở cõi người mà cung cấp cho những chúng sinh ở các cõi khác. Như thế, thì làm sao họ thụ hưởng cho được?

Thí dụ cùng là loài người sống chung trên một trái đất, chỉ khu biệt khác nhau ranh giới thời, ấy thế mà giữa tiền của nước này, không thể mang sang qua nước khác mà có thể xài được, muốn tiêu xài, cần phải đổi ra. Như thế, thì thử hỏi tiền bằng giấy đốt ra thành tro bay hết, làm sao mà người chết nhận để tiêu xài được? Đây chẳng qua, là để biểu lộ tấm lòng thương tưởng hiếu thảo của người còn sống đối với người đã khuất bóng. Việc làm này, xuất phát từ nỗi lòng ước nguyện thành kính của người sống muốn cho người chết được đầy đủ an vui. Nhưng đối với Phật giáo, hoàn toàn không chấp nhận việc làm này. Vì nó không đem lại lợi lạc gì cho người chết, mà chỉ lãng phí tiền của, công sức và gây thêm ô nhiễm môi sinh, nhiều khi bất cẩn sẽ gây ra tai nạn hỏa hoạn nữa không chừng.

Đối với những Phật tử vì chưa thông hiểu giáo lý Phật dạy và chưa có một niềm tin nhân quả

thấu đáo sáng suốt, nên có đôi khi cũng hay đốt giấy tiền vàng mã cho người chết. Thay vì, bỏ tiền ra mua đốt giấy tiền vàng mã, thì tại sao chúng ta không làm những việc khác có lợi ích cụ thể thiết thực hơn như mãi vật phóng sinh, bố thí giúp cho những kẻ tàn tật nghèo đói v.v...? Đem những việc làm này, hồi hướng phước đức cho hương linh người chết, thì người chết sẽ hưởng được lợi lạc biết bao! Đây mới là việc làm chánh lý “*âm đòng lương lợi*”, đúng theo quan điểm m□ bi và trí tuệ của đạo Phật. Là Phật tử, chúng ta nên nghe theo lời Phật Tổ dạy mà tránh những việc làm mê tín vô ích, chỉ có gây thêm thiệt hại cho mình mà thôi.

85. Vấn đề thờ ông Địa và Thần Tài.

Hỏi: *Kính bạch thầy, lâu nay con có một thắc mắc, quý thầy thường dạy, người Phật tử sau khi quy y, trong nhà chỉ thờ Phật thôi. Thế nhưng, con thấy có nhiều Phật tử trong nhà vẫn còn thờ ông Địa và ông Thần Tài. Con muốn biết nguồn gốc ông Địa và ông Thần Tài như thế nào mà người Phật tử phải thờ? Và thờ như thế có lỗi gì không? Kính mong thầy hoan hỷ giải đáp cho con hiểu.*

Đáp: Qua câu hỏi của Phật tử, Phật tử chỉ nêu ra trong phạm vi Phật tử của mình, nên chúng tôi cũng chỉ xin trả lời và nhắc nhở trong phạm vi giới hạn của Phật tử mình thôi. Ngoài ra, thì chúng tôi không dám có ý đề cập đến bất cứ ai. Đó là chúng tôi tôn trọng niềm tin của mỗi người.

Có nhiều Phật tử quy y mà không quan tâm ghi nhớ những lời quý thầy giảng dạy trong khi làm lễ quy y. Khi quy y, quý thầy y theo Kinh có nêu ra và chỉ dạy rất rõ: *Trong Tam quy y, quy y đầu tiên là quy y Phật. Quy y Phật, thì người Phật tử nguyện suốt đời chỉ quy y Phật thôi, tuyệt đối, không được quy y Thiên, Thần, Quỷ, Vật. Đó là lời phát nguyện của Phật tử nói trước Tam Bảo.*

Thế mà, sau khi quy y rồi, có lẽ, một, là vì lu bu bận rộn lo tính toán với nhiều công việc làm ăn, nên Phật tử đó quên những gì mà mình đã phát nguyện, nay lại thỉnh ông Địa và ông

Thần Tài về thờ trong nhà. Hai, là vẫn nhớ, nhưng vì không bỏ được cái tập tục thờ cúng các vị Thần này. Vì muốn thờ các vị Thần này phụ lực với Phật phò hộ thêm cho mình và gia đình luôn được bình an, mua may bán đắt, tiền vô như nước.

Nếu quả thật thờ Thần Tài mà ông hộ độ cho mình được giàu có, tiền vô trong túi ào ào, thì mấy nhà sản xuất ông Thần Tài chắc là họ phải giàu to, trên đời không ai sánh kịp. Thử hỏi mấy ông đó, có thật giàu to không? Và thật sự ông Thần Tài có phò hộ cho mấy ông không? Hay là mấy ông đó cũng phải làm ăn trôi chết mới kiếm ra tiền.

Nói thế, để Phật tử thấy rằng, tuy Phật tử đó đã quy y Tam Bảo, nhưng lòng tin Tam Bảo và tin nhân quả không được vững chắc. Đây cũng là bệnh chung của đa số Phật tử chúng ta chưa có đủ niềm tin nơi Tam Bảo và lý nhân quả nên mới có tình trạng thờ ông này ông kia.

Trở lại vấn đề, Phật tử hỏi về nguồn gốc của hai ông này, theo chỗ tìm hiểu của tôi, thì cho đến hôm nay, người ta cũng chưa khẳng định rõ ràng về nguyên lai của hai vị Thần này. Đại khái, có nhiều thuyết quan điểm khác nhau. Ở đây, tôi chỉ xin nêu ra một số nét chung về xuất xứ của tập tục thờ tự này. Thật ra, tập tục thờ Thần đối với người Việt Nam cũng đã có từ lâu đời. Có thể nói, từ khi có người Việt là đã có đạo thờ Thần. Cũng như các dân tộc khác, người Việt Nam quan niệm và tin tưởng mỗi một hiện tượng là có một vị Thần ngự trị cai quản. Như Thần Thổ Địa hay còn gọi là Thổ Công là vị Thần cai quản đất đai trong khu vực vườn tược nhà cửa. Trong dân gian có câu: “Đất có Thổ Công, sông có Hà Bá”. Ngoài Thổ Công, các vị Thần khác cũng được người ta thờ tại nhà như Thần Tài, Tiên Sư, Tiên Chủ, Đức Thánh Quan v.v...

Thổ Công là một vị Thần được dân gian thờ cúng rất quan trọng. Vì vị Thần này trông coi gia đình, dự định họa phúc. Trong gia đình muốn được bình an, và ruộng vườn muốn được sung túc, tất cả đều do Thần Thổ Công trông coi và phò hộ. Về hình tượng tôn thờ, có khi là một ông già to béo (ông Địa) bụng phệ, vẻ mặt

hiền lành, miệng cười thoải mái. Có lúc, tượng Thổ Địa được thể hiện dưới hình thức râu tóc bạc phơ, mặc áo dài, đội mũ mỏ quạ, râu trắng như cước. Sở dĩ có những hình tượng sai khác như thế, là do ảnh hưởng văn hóa của từng khu vực. Đạo giáo rất coi trọng và siêng năng thờ cúng vị Thần này.

Còn Thần Tài, theo tập tục dân gian cho rằng, vị Thần này đem lại tài lộc cho mọi người. Thông thường những nhà kinh doanh thương mại, người ta rất quý trọng thờ vị Thần này. Đây là một tập quán tín vọng, xưa bầy nay theo, cứ thế mà thờ, còn việc linh ứng có không tùy ở nơi người tin. Về bàn thờ của 2 vị Thần này, người ta chỉ thờ ở một góc khuất nào đó trong nhà hay trong shop, không cần phải bài trí ở chỗ cao ráo. Thường ở Việt Nam, có một số nơi, người ta thờ chung hai vị Thần này, chớ không thờ tách riêng, vì theo họ, tài và lợi phải đi đôi với nhau. Thổ Công thuộc về lợi, Thần Tài thuộc về tài. Khi thờ chung, chúng ta thấy có đôi câu đối dán trước bàn thờ hai ông như thế này: “Thụ năng sinh bích ngọc, Địa khả xuất hoàng kim”. Nghĩa là : Đất thường sinh ngọc tốt, vàng ròng cũng từ đất mà ra.

Rải rác trong các Kinh điển Phật giáo, đôi khi cũng có đề cập đến các vị Thần. Như Kinh Địa Tạng cũng có nêu ra rất nhiều vị Thần. Tuy nhiên, theo Phật giáo, Quỷ Thần cũng là một trong nhiều loài chúng sanh. Cho nên, Phật dạy người Phật tử không được quy y với các vị Quỷ Thần. Người Phật tử, sau khi quy y Tam Bảo, trong nhà chỉ nên thiết lập một bàn thờ Phật và nếu có thờ thêm, thì cũng chỉ thờ tổ tiên, ông bà, hay cha mẹ mà thôi. Ngoài ra, không nên thờ bất cứ vị Thần nào khác. Vì thờ như thế, là trái với lời Phật Tổ dạy. Đã chống trái lại, tất nhiên, là mình đã có lỗi rồi. Nếu là Phật tử, thì chúng ta nên lưu tâm về vấn đề này. Có thể, thì chúng ta mới xứng danh mình là người Phật tử chơn chánh tu học Phật vậy.

(còn tiếp)





Bình minh trên sông nồôc Haäu giang, Caàn Thô

Bình minh hay hoàng hôn, đêm hay ngày, Xuân hay Thu, năm trước và năm nay... cũng chỉ là những mốc thời gian mang tính chất rất tương đối mà con người tự đặt ra để thể hiện chính mình, để áp đặt bản ngã của mình lên dòng thời gian mà tự nó, không có bắt đầu mà cũng chẳng kết thúc. Thời gian đi từ vô thủy đến vô chung trong rỗng lặng, không bám víu; rất thênh thang và không hề đòi hỏi; cũng chẳng dừng lại nghỉ ngơi hay vội vã biến mất đâu đó! Có chăng là cảm nhận từ tâm của từng con người để gán cho dòng đời những biến hiện theo đời sống thế tục mà thôi!

Chính vì vậy mà những thời điểm bình thường của cá nhân này lại trở nên tuyệt vời, khó phai của những con người khác! Mỗi thời điểm bình minh, mang một dấu ấn khác nhau, tỏa sáng chẳng đồng đều vào tâm thức của từng thành viên cùng đón nhận một buổi ban mai trên cùng một thời điểm, cùng một nơi chốn như nhau.

Tôi muốn nói đến một buổi bình minh, một ngày mới bắt đầu trên dòng Hậu-giang mênh mông của thành phố Cần Thơ vào buổi chớm Thu năm 2013.

Đến Cần Thơ từ chiều hôm trước, chúng tôi - một nhóm Phật tử Sydney - qua cầu Mỹ Thuận, rồi cầu Cần Thơ để vào thành phố trên đại lộ Hòa Bình rất quen thuộc. Phố xá đông người qua nhưng không xô bồ, huyên náo mà mang âm sắc êm ả của một thành phố miền sông nước Nam Bộ.

Tờ mờ sáng hôm sau, khi chúng tôi còn chưa nhìn rõ mặt nhau và có thành viên đang còn ngái ngủ, chúng tôi đã rời khách sạn, theo người hướng dẫn ra bến sông. Mảnh trăng hạ tuần lơ lửng trên bầu trời tối đen không đủ ánh sáng cho chúng tôi yên tâm bước bên nhau mà chính là nhờ những ánh đèn vàng từ một vài mái hiên, từ những trụ đèn đường và xa xa là

những đốm sáng lung linh trên những con thuyền đang neo trên dòng sông Hậu, như tạo thêm niềm thích thú cho mục đích chuyến đi hôm nay!

Một chiếc thuyền đang đợi để đưa chúng tôi đến bến cá gần đó. Tại bến cá, do đã được chuẩn bị trước, một chiếc thuyền khác chờ đầy ắp cá dưới khoang, tách bến, song hành cùng thuyền chúng tôi, trực chỉ ra mé cửa sông.

Trời vẫn tối đen như mực, không có lấy một vì sao! Có chăng chỉ là những ánh đèn nê-ông trên bến cá hắt xuống, tạo nên những vạt ánh vàng xao động, lấp lánh trên mặt nước nhấp nhô. Đây đó, thấp thoáng những chiếc thuyền nhỏ, đi lại với ánh sáng nhỏ nhoi của cây đèn bão, hắt ra từ cửa trước của mỗi thuyền.

Dù trời chưa sáng, nhưng bến cá đã nhộn nhịp với tiếng trao đổi mua bán, tiếng sóng đánh vào mạn thuyền, dội từ vách thuyền này qua thuyền kế cận, hòa trong không khí mát rượi của buổi ban mai nhưng lại đầy ắp mùi dầu máy, mùi cá mắm, mùi rong rêu!

Tàu chạy thêm chừng 30 phút, ánh bình minh đầu ngày đã cho chúng tôi nhìn rõ mặt nhau, nhìn rõ cảnh sông nước mênh mông của dòng Hậu-giang đầy ắp phù sa muôn thuở!

Cả hai thuyền cùng dừng lại và cặp sát vào nhau. Chúng tôi bắt đầu công việc phóng sinh đã được chuẩn bị sẵn.

Trên chiếc tàu cá kế cận, hai thanh niên lưng trần, bắt đầu mở những tấm ván của sàn tàu, để lộ ra nguyên phần thân tàu bên dưới là một hầm nước đục ngầu, chứa đầy đặc cá linh.

Một người đứng trong lòng thuyền, dùng vợt, rô và xô nhựa vớt cá, người đứng trên, đặt lên cân rồi giúp chúng tôi thả cá xuống sông. Su

Cô Phước Hỷ - chùa Phước Huệ/ Sydney - là người đầu tiên cứu mạng những con cá bé nhỏ về với sông nước trong tiếng tụng Kinh râm ran, thành kính của cả đoàn.

Cứ mỗi lần cân, thành viên trong đoàn phải ghi lại trọng lượng của rô cá để tính tiền.

Ánh bình bình tỏa rạng dần để soi rõ màu bạc lấp lánh trên thân những con cá linh đẹp và nhỏ chưa bằng ngón tay út; cũng đồng thời tỏa sáng trên từng khuôn mặt trang trọng, tín tâm của mỗi thành viên. Ánh sáng tuyệt vời của buổi ban mai xinh đẹp trên sông nước chỉ là ánh sáng bên ngoài của thiên nhiên mà ai ai cũng có thể thưởng thức được nhưng trong thời điểm này, tôi biết, tự trong tâm thức của mỗi thành viên, đang có những tia sáng của lòng từ, của niềm hỉ lạc, của những “Cảm ứng đạo giao” khi nhìn từng đoàn cá đang mừng rỡ trở về với sông nước. Chưa bao giờ trong đời, tôi có một buổi ban mai tuyệt diệu như bây giờ. Một buổi bình minh thanh thang trên sông nước Hậu Giang với niềm xúc cảm dạt dào vì được chứng kiến hàng ngàn con cá đang trở về với sông nước!

Từng thành viên trong đoàn thay phiên nhau cùng anh thanh niên đỡ từng rô cá xuống dòng nước trĩu nặng phù sa.

Chúng tôi được biết, hằng năm vào mùa nước lũ, những con cá linh mẹ của thế hệ trước, từ hai dòng Tiền-Giang và Hậu-Giang sẽ bơi ngược về Biển Hồ Campuchia, đẻ đẻ trứng. Sau đó từng đàn cá con nở ra rất nhanh chóng để cùng nhau xuôi dòng Cửu Long trở về chốn cũ.

Đây chính là nguồn hải sản lớn lao mà người dân đồng bằng Nam Bộ xem như quà tặng từ thiên nhiên! Người ta không chỉ đợi cá về đến hạ lưu mới đánh bắt, mà do nhu cầu cuộc sống, ngư dân dong thuyền lên tận biên giới Việt Nam- Campuchia để đón đầu và đánh bắt cho sớm, cho nhiều...những con cá bé tẻo, mỏng tanh, chỉ bằng đầu dũa!

Chính vậy mà người bán cá cho chúng tôi cho biết: “Hằng năm, cứ đến mùa nước lớn, ghe thuyền tập trung lên Châu Đốc, đánh bắt cá, chứ chẳng đợi nó bơi về! Bắt đầy khoang, đưa

về tại chợ đầu mối Cần Thơ để bán si...”

Chúng tôi đã mua nguyên một ghe cá tại đây để thả trên phần hạ lưu của dòng sông, với hi vọng chúng sẽ thoát được những chiếc vọt khổng lồ của dân chài phía trên vùng nước ngược! Ít ra, chúng cũng có thể sống thêm được cho đến mùa sau, nếu thoát được những chiếc lưới ở miền cửa sông!

Tôi nghiệp cho những ngư dân miền sông nước Cửu Long, vì đời sống hay vì nghiệp duyên mà họ đã phải miệt mài từ đời này qua đời khác, nối tiếp từng thế hệ... chấp nhận sống trong ánh nhìn “đau đáu” của muôn ngàn đôi mắt mở to của không biết bao nhiêu sinh linh mà họ đánh bắt từ dòng sông này!

Tôi biết là thành viên nào trong nhóm chúng tôi cũng đã từng phóng sinh nhưng có lẽ cũng như tôi, chưa có ai được tham dự lần phóng sinh đặc biệt như thế này!

Có quá nhiều sinh mạng được trả về lại với cuộc sống thiên nhiên. Chưa có lần phóng sinh nào trong quá khứ làm tôi cảm thấy xúc động như lần này! Đặc biệt là khi nhìn hình ảnh Sư cô Phước Hỷ và quý anh chị trong nhóm - đang phụ giúp với người bán cá- cúi xuống, nhặt từng con cá rơi vãi trên sàn thuyền, be thuyền...để trả chúng về với sông nước.

Không biết vì không khí mát rượi của buổi ban mai, vì phong cảnh sông nước mênh mông, vì tiếng tụng kinh thành tâm lan xa trong gió sớm hay vì ánh bình minh rạng ngời trên dòng Hậu giang... đã êm ả đã phá vào lòng tôi cảm giác lâng lâng, thanh thoát đến tuyệt vời! Nhưng có lẽ, điều làm chúng tôi vui sướng hơn cả là số lượng cá mà chị em chúng tôi phóng sinh được hôm nay là không thể nào đếm được!

Chúng tôi quyết định vét đến con cá cuối cùng dưới lòng thuyền, tổng cộng được 418 ký.

Không ai còn nhớ là mình đã rất mệt khi phải ngồi xe suốt ngày hôm qua, cũng chẳng ai phàn nàn là ngủ chưa đủ giấc đã bị đánh thức ra đi trong đêm tối chẳng khác nào đi vượt biên của hơn 30 năm trước (như nhận xét của vài thành viên trong nhóm!). Về mặt rạng ngời

của từng thành viên được soi rõ đến từng ánh mắt, từng khoé môi cười trong ánh mặt trời đang tỏa sáng rạng ngời của buổi bình minh trên sông nước Hậu giang.

Niềm hân hoan của tất cả thành viên trong đoàn đã lan qua những người bán hàng rong trên những con thuyền trên khu chợ nổi! Thôi thì tha hồ cho anh chị em chúng tôi ăn quà vặt với tất cả các loại cây trái của miệt vườn Cửu Long vang danh muôn thuở này! Thử hết món này, qua món khác, nào chôm chôm, măng cụt, dâu da...cho đến xoài, chuối tiêu, bưởi, dứa xiêm ...và có cả cà phê đá nữa!

Thật là thú vị khi được ngồi trên thuyền, với tay qua thuyền bên cạnh để mua món này món kia, nhâm nhi trên suốt đoạn sông trong buổi mai nhộn nhịp của một ngày mới đang bắt đầu tại khu chợ nổi trên sông! Những con thuyền lớn với những cây tre cao ngất ngưỡng, treo những nông sản hay đồ dùng

thay cho lời giới thiệu mặt hàng đang được bán trên thuyền! Muốn mua hành củ ư? Bạn hãy nhìn thuyền nào có cây tre treo lủng lẳng các chùm hành khô thì hãy dong thuyền của mình đến đó! Hay bạn muốn mua bắp, chuối, bí ngô...hãy tìm đến chiếc thuyền mà trên cây tre, lủng lẳng những nải chuối, những chùm bắp hay những trái bí tròn trĩnh đáng yêu! Lướt một vòng quanh khu chợ nổi, thuyền chúng tôi trở về bên sông - nơi đã khởi hành lúc trời chưa sáng - lòng tràn ngập niềm vui. Mặt trời đã lên khá cao, chiếu những ánh vàng rực rỡ xuống dòng nước êm ả về xuôi - đang ôm ấp hàng muôn ngàn sinh linh bé bỏng vừa mới được trở về - Bước chân lên bờ, bỏ lại sau lưng tất cả khung cảnh náo nhiệt thật sự của một ngày mới bắt đầu, chúng tôi đang mang về, đang cất dấu chút xíu khoảnh khắc tuyệt vời cho riêng mình về một buổi bình minh êm ả trên dòng Hậu-giang hiền hòa của đồng bằng Nam bộ Việt Nam./.

Vòng Hoa Sen

*Sen nở rộ sắc màu tươi thắm
Hương dịu thơm tỏa khắp không gian
Lá sen xanh vườn sen bát ngát
Ngồi giữa trời nghe đạo mê tan.*

*Sen gần bùn nhưng không ô nhiễm
Tâm thanh cao chẳng nhuốm bụi trần
Mặc ai đấm say mùi danh lợi
Ta an nhiên giữa phố chợ đời.*

*Nước lắng trong hồ tâm thanh tịnh
Định tâm thần rõ biết nguồn chơn
Phiền não tận Bồ đề hiển hiện
Vén mây mù trắng sáng ngàn thu.*

*Củ rễ nằm an nghỉ suốt Đông
Nhân duyên đủ nảy mầm sự sống
Kiên nhẫn vượt muôn ngàn thử thách
Nhập Niết bàn dứt khổ long đong.*

*Hè nóng bức khí trời oi ả
Sen thuận mùa khoe sắc tỏa hương
Nước cam lồ tưới mát mọi đường
Đập tắt lửa đảo điên sân hận.*

*Hoa vừa nở gương hột sẵn đầy
Rõ nhân mới gieo, quả có ngay
Làm lành tránh ác tích nhân đức
Yên vui an ổn ngay đời này.*

*Ruột trống thông không lưu cấu uế
Chuyên thị phi nghe đó rồi không
Di Lặc giữa đời cười hoan hỷ
Buông xả tham dục sống thong dong.*

*Thân ngay thẳng đạp đất đội trời
Tâm chánh trực nói không hai lời
Chánh pháp truyền thừa muôn thế kỷ
Ấy nhờ đạo lý hợp lòng người.
Cánh bao bọc gương sen tròn trịa
Thanh khiết sáng ngàn viên giác tâm
Tròn đầy rộng khắp trùm thiên địa
Tự tánh không vạn pháp duy tâm.*

*Tâm lắng nghe sen ca vi diệu
Pháp âm mâu nhiệm của mười phương
Vũ trụ thênh thang niềm an lạc
Trong sát na đã tới Tây phương.*

Trí Lạc

Hữu tình và Vô tình

Đức Phật đã kết thúc kinh Kim Cang bằng bốn câu kệ "tứ như" rất sâu sắc như sau:

Nhất thiết hữu vi pháp
Như mộng, huyễn, bào, ảnh
Như lộ diệc, như điện
Ứng tác như thị quán.

Bài kệ "bốn cái như" được dịch như sau:

Tất cả các pháp hữu vi
Như mộng, huyễn, bọt, bóng, có gì khác đâu
Như sương, như điện chớp mau
Quán chiếu như thế, khác nào chiêm bao.

Tương tự bài kệ trên, trong kinh Pháp Cú, Đức Phật cũng nói:

Yatthà buppumlakam dhammany
Yatthà passa markukama
Ecam lokam avekkkhamtam
Marurajà na passati

Tạm dịch

Hãy nhìn các pháp tựa bọt trôi
Hãy nhìn các pháp như ảnh trôi
Ai nhìn thế giới quán như vậy
Ma có đi tìm bất lối trôi.

Pháp mà Đức Phật đề cập đến bao gồm chung các loài hữu tình và vô tình. Đối với chúng hữu tình thì luật vô thường chi phối và sự cảm thọ như khổ, lạc đã quá rõ ràng, còn các loài vô tình thì sao? Dù là hàng hậu học, sự hiểu biết kém cỏi nhưng tôi cũng cố gắng tư duy, phân tích đôi dòng dưới đây:

Câu trả lời của thầy giáo thọ Thích Phước Thái:

Nhớ lại một bạn sen trong đạo tràng Quang Minh trong giờ vấn đáp Phật pháp thỉnh cầu thầy giáo thọ giải thích hai câu: "Tình dữ vô tình, Đồng viên chung trí" (hay đồng thành Phật đạo) trong bài hồi hướng của các thời khóa. Câu hỏi này được thầy giải thích như sau:

Muốn hiểu ý nghĩa của hai câu này, trước hết, chúng ta cần hiểu ý nghĩa của những từ ngữ: "Phật đạo và Chung trí". Phật đạo ở đây không có nghĩa là chỉ cho Phật quả. Mà ta có thể hiểu là chỉ cho Tánh giác. Còn danh từ "chung trí" cũng là tên khác của Tánh giác mà thôi. Bởi trong kinh có nói đến 3 loại trí: 1. Nhất thiết trí là trí của hàng Thanh Văn. 2. Đạo chung trí là trí của Bồ tát. 3. Nhất thiết chung trí là trí của Phật. Như vậy, chung trí nói cho đủ là "Nhất thiết chung trí", tức cái trí biết tất cả chung loại. Còn tình, nói đủ là hữu tình, tức chỉ cho những loài có tri giác tình thức phân biệt. Còn vô tình là những loài không có tri giác. Mà những loài không có tri giác, thì làm sao biết tu hành thành Phật được. Cho nên, nếu chúng ta hiểu hai chữ Phật đạo là Phật quả, thì không làm sao giải nghĩa được hai câu trên. Còn nếu chúng ta hiểu Phật đạo hay chung trí ở nơi cái Tánh thể, thì mới giải thích được. Lý do tại sao? Bởi vì tất cả các loài hữu tình hay vô tình đều có chung một Tánh thể. Vạn vật đồng nhất thể. Dụ như muôn ngàn lượn sóng to nhỏ có khác nhau, nhưng tất cả đều từ nước mà có. Sóng tuy có khác mà nước thì chỉ có một. Nước là thể mà sóng là tướng và dụng của nước vậy.

Tánh thể này là tánh thanh tịnh bản nhiên của muôn vật. Ở nơi loài hữu tình, thì gọi nó là Phật tánh; ở nơi loài vô tình, thì gọi nó là Pháp tánh. Như vậy, giữa Phật tánh và Pháp tánh, danh từ tuy khác, nhưng Thể không hai. Tuy nhiên, nếu ta nói một cũng không đúng. Tại sao? Vì tánh thể này khi tác dụng ở nơi loài hữu tình, tiêu biểu như loài người, thì gọi đó là trí huệ và dùng trí huệ này nhận ra được tánh thể của muôn loài, thì gọi đó là pháp tánh. Người nào nhận ra và sống trọn vẹn với cái tánh thể đó, thì gọi người đó là Phật hay bậc Đại giác. Như vậy là hai mà không hai, (trong kinh thường gọi là Pháp môn bất nhị), vì giác ngộ việc đó nên thành Phật thì Phật cũng không ngoài Pháp tánh. Nói chung, hữu tình và vô tình đều có chung một bản thể sáng suốt thanh tịnh, nên nói là đồng thành Phật

đạo hay đồng viên chúng trí cũng thế."

Các pháp đều vô thường:

Sở dĩ nói là pháp hữu vi vì tất cả các pháp ấy đều do nhân duyên hòa hợp mà thành. Khi nhân duyên hòa hợp pháp tức các loài được sinh, khi nhân duyên ly tán gọi là pháp bị diệt. Pháp hữu vi tuy có mặt đó nhưng không thật, nên đức Phật dụ như là mộng, huyễn, bọt, bóng, như sương, như chớp loé trên bầu trời. Chúng ta, những phàm phu mê lầm tham chấp cho rằng các pháp hữu vi là chân thật nên cứ mãi bị trầm luân sanh tử. Đức Phật từ bi mở bày phương tiện chỉ ra các pháp hữu vi là sinh diệt, vô thường, không thật, giống như mộng, huyễn v.. v.. Quán chiếu thế gian thoáng qua nhanh như tia điện chớp để hiểu rằng vạn pháp đang tồn tại trước mắt ta đều không thực hữu. Có đó rồi lại mất đó. Đối với loài hữu tình thì quá rõ ràng với sanh già bệnh chết. Nhưng với loài vô tình có khác gì đâu. Từ đất, núi, sông cho đến loài cây cỏ cũng theo quy luật thành trụ hoại không. Ngọn núi trẻ nhô lên đỉnh đầu thẳng theo tháng năm mưa gió bào mòn và có thể vài ngàn năm sau ngọn núi đó đâu còn nữa. Đất đai sông biển cũng vậy bởi vậy người xưa nói: "*Thọng h^hi bi: n vi tang đi. n hay tang điền biến vi thương hải*". Cây c□t□ khi có đ□ nhân duyên nẩy mầm lớn lên, cây cỏ có thể bị bệnh, già cỗi và chết khô. Phân tích như vậy cho chúng ta thấy loài vô tình cũng như loài hữu tình đều bị luật vô thường chi phối sinh diệt diệt trùng trùng duyên khởi.

Cảm thọ của các loài:

Đến đây tôi nhớ lại đến bài kệ:

Hữu tình lai hạ chủng,
Nhơn địa quả hườn sanh,
Vô tình diệc vô chủng,
Vô tánh diệc vô sanh.

Dịch nghĩa:

*Hữu tình được gieo giống,
Nhơn gieo quả ắt sanh,
Vô tình thì vô chủng,
Vô tánh cũng vô sanh.*

Theo tôi loài vô tình cũng có chút cảm thọ như loài hữu tình. Người xưa nói "*Ngộ li bu. n cảnh có vui đâu bao giờ*". Loài ng^g □i b□đ□t tay chảy máu trong khi đó cây cỏ bị cắt cuống,

cành thì chảy mủ và cũng đau đớn. Dù cảm thọ của loài vô tình rất yếu ớt nhưng đâu phải là không có. Bởi vậy trong những giới của tỳ kheo là không được đốn cây. Cây cỏ biết nghiêng mình về phía có ánh sáng, có không khí để thở, rễ biết hướng về nơi có nước để hút nước mà sống. Hoa hướng dương trong mỗi ngày biết hướng theo mặt trời. Nhiều loại thảo mộc lưỡng tính hoa thụ phấn để cho ra trái như bầu bí mướp. Hoa cái biết tiết ra chất nhờn để hấp dẫn phấn hoa đực. Ngày xưa chơi kiểng khi các cụ qua đời các cây kiểng biết buồn rầu đến chết nên có tục lệ để tang cho cây. Dân ta có tục ăn Tết vườn vào ngày mùng ba Tết v v. Một nhạc sĩ đã viết bài ca "*Linh hồn tượng đá*" nổi tiếng một thời. Bởi vậy mới có thần cây, thần núi v v. Tôi có thể nói loài hữu tình là chánh báo, loài vô tình là y báo. Con người nương tựa (y báo) vào trái đất, thực vật để sống, trái lại không khí đất đai, núi rừng, cây cỏ là nơi chánh báo của loài hữu tình nương vào để sống còn. Thức ăn chúng ta là vô tình nhưng chúng ta ăn vào biến thành thức hữu tình. Mặt khác, thân xác loài hữu tình tan hoại sẽ làm thức ăn, biến thành loài vô tình. Như vậy hữu tình và vô tình hỗ tương lẫn nhau. Bởi vậy loài người phải bảo vệ môi trường đừng phá hoại thiên nhiên như phá rừng, làm ô nhiễm không khí v. v... Loài hữu tình phá hoại loài vô tình tức là hủy hoại chính mình vậy.

Tất cả pháp vốn chẳng có tự tánh, nên nói là vô tánh. Vậy thì hữu tình và vô tình, Phật và chúng sanh đều chẳng có tự tánh, đều là pháp vô sanh. Bài hát của Trịnh Công Sơn: "*H^ht b^hni nào hóa kiếp thân tôi, để một mai hình hài này lớn dậy*!" Ta là rừng núi hay rừng núi chính là ta? Để chấm dứt bài viết này tôi xin nhắc đến hai thông điệp của Đức Thế Tôn khi Ngài vừa mới thành đạo Chuyển Pháp Luân những ngày đầu tại vườn Lộc Giả và thông điệp cuối cùng tại Kusinara khi Ngài sắp viên tịch, hai thông điệp đó đều nhất quán, có cái nhìn giống nhau: "*Này các tỳ kheo, sắc, thọ, tưởng, hành, thức là thường hay vô thường? các con hãy tinh tấn*".

Tịnh Khang

Melbourne 12/03/2013

Chuyến viếng thăm đảo Galang loát. Anh

Lần đầu tiên, tôi tháp tùng cùng phái đoàn do Thầy Thích Phước Thái hướng dẫn đến viếng thăm và cầu siêu ở đảo Galang. Phái đoàn chúng tôi gồm có 8 người: Thầy Phước Thái, Thầy Phước Nguyễn, Diệu Phủ, Minh Bằng, Từ Phương, Diệu Quang 5 và hai mẹ con của cô Hạnh Phúc. Riêng hai mẹ con của cô Hạnh Phúc thì đi trước chúng tôi một ngày. Ngoài phái đoàn chúng tôi ra, còn có phái đoàn ở Tây Úc. Phái đoàn này gồm có 9 người mà 5 người thì từ Việt Nam sang. Sở dĩ có chuyến đi này, theo thầy Phước Thái cho chúng tôi biết, là do anh Sơn ở Perth mời Thầy. Anh Sơn và chị Diệu Tú là hai vợ chồng làm chủ một nhà hàng ở Perth. Theo anh Sơn cho biết, hằng năm, vào dịp tết Thanh minh, bà chủ khách sạn người Nam Dương gốc Hoa ở thành phố Batam đều có tổ chức cầu siêu bạt độ cúng tế cô hồn cho các vong linh đã chết ở trên đảo hoặc chết trên đường vượt biên. Thanh minh là một ngày lễ rất quan trọng đối với tập tục của người Trung Hoa. Ngày này họ đi tảo mộ và cúng tế. Vì thế, nên trong truyện Kiều cụ Tiên Điền Nguyễn Du đã diễn tả:

*Thanh minh trong tiết tháng ba
Lễ là tảo mộ hội là Đạp Thanh
Gần xa nô nức yến oanh
Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân
Đạp diu tài tử, giai nhân
Ngựa xe như nước áo quần như nêm.*

Ngày này như là một ngày lễ hội trọng đại của họ. Người sống nghĩ đến người chết và tạo thành một sợi dây liên kết tình cảm giữa người còn sống và người đã khuất bóng. Bởi thế, nên năm nào bà chủ khách sạn cũng đều có tổ chức cúng thỉnh các vị sư Tây Tạng đến Galang để cúng tế cầu siêu cả. Đây là do sự phát tâm từ tế của bà. Bà là người tu theo Phật giáo Tây Tạng. Pháp danh của bà là Fyvi Yolanda Damanik. Đặc biệt năm nay bà chủ khách sạn nhờ anh Sơn thỉnh một vị tăng và các phật tử người Việt. Vì anh Sơn cũng là người Hoa, nhưng anh nói tiếng Việt rất thông thạo lưu

là người rất vui tánh và hoạt bát.

Theo lịch trình chúng tôi phải có mặt tại phi trường quốc tế Melbourne vào lúc 11 giờ đêm thứ tư ngày 2. 4. 2014. Nơi đây, vì số người đi ít, và lại, không có ai mang theo hành lý nhiều nên việc làm thủ tục xuất cảnh rất dễ dàng và nhanh chóng. Sau khi làm thủ tục xuất cảnh xong, chúng tôi đi vào bên trong chờ đợi để lên máy bay. Chiếc máy bay Singapore air line rộng lớn cất cánh vào lúc 1 giờ khuya. Thế là suốt đêm không ai ngủ được. Bấy giờ tôi trực nhớ đến hai câu mà người xưa đã nói: "*Thâm lâu mới biết đêm dài, ở lâu mới biết lòng người ra sao.*" Và tôi lại liên tưởng đến trong Kinh Pháp Cú ở Phẩm Ngũ đức Phật có dạy: "*Đêm rất dài đối với kẻ mất ngủ, đường rất xa đối với kẻ lữ hành mỗi mệ. Cũng thế, vòng luân hồi sẽ tiếp nối vô tận đối với kẻ ngu si không minh đạt chánh pháp.*" Do không nghĩ được nên tôi mãi suy tư đến thân phận của kiếp làm người. Cô nhân thường than: "Vi nhơn nan! vi nhơn nan!" Nghĩa là làm người rất khó! làm người rất khó! Phải nói làm người thật gian nan khốn khó đủ thứ trăm bề. Chung quy, người ta cũng chỉ lo giải quyết đến ba cái nhu cầu then chốt hệ trọng đó là: "**ăn, mặc, ở**".

Nếu cuộc sống chỉ lo giải quyết ngần ấy sự việc, thì thật là một cuộc sống rất buồn tẻ và vô ý nghĩa. Cuộc sống đâu phải chỉ có lo cho phần vật chất không thôi, mà còn phải nghĩ đến lo cho phần tinh thần nữa chớ. Nếu như vật chất quá sung túc dồi dào mà tinh thần thì thiếu thốn èo uột đói khát, như thế thì thử hỏi đời sống của con người sẽ ra sao? Chắc chắn là sẽ đưa đến tình trạng mất quân bình và từ đó sẽ gây ra biết bao là tệ nạn xáo trộn bất an. Không những bất an đối với bản thân mà còn gây ra tác hại cho gia đình và xã hội nữa. Từ những hệ quả đó, tôi lại nghĩ đến thương thay cho mảnh đời của người tỵ nạn. Tùy theo nghiệp nhân đã gây tạo mà mỗi người có

những cái quả báo may mắn hoặc bất hạnh khác nhau. Có người thì được vận may đến được bến bờ tự do một cách suông sẻ an ổn. Ngược lại, có người thì phải chịu lận đận lao đao bầm dập trăm đắng ngàn cay. Có người phải trải qua nhiều lần tiền mất tật mang mà vẫn không đi được. Nghĩa là phải tốn hao nhiều tiền lắm bạc mà chẳng đi tới đâu! Có người thì trốn chui trốn nhủi, ngủ bờ ngủ bụi, hoặc bị bắt bớ giam cầm tù đày lao công khổ nhọc. Có người thì bị bọn hải tặc ác nhân hãm hiếp cho đến khi bất tỉnh ngất xỉu. Có người thì bị đói khát chết trên tàu rồi quăng xác xuống biển, thân nhân nhào lặn ra khóc một cách thê thảm. Có người được may mắn đến được đất liền vào trại chuyển tiếp thời gian không lâu được đi định cư. Có người khi lên đảo thì lại kéo dài cuộc sống lê thê chán chường, vì không có nước nào nhận và cũng không có thân nhân nước ngoài bảo trợ giúp đỡ. Có người thì bị bệnh nặng hết phương cứu chữa đành phải theo diện ông bà nằm yên dưới nấm mồ hoang lạnh. Có người không chịu nổi sự cưỡng bách hồi hương hay buồn chán quá rồi phải tự sát gởi xác ở trên đảo hoang vùn vùn và vùn vùn. Nếu phải kể ra mảnh đời của người tỵ nạn thì thật không sao kể ra cho hết được. Mãi miết theo dòng suy tư của kiếp người khổ nhiều, vui ít, cho đến khi nghe tiếng thông báo của nhân viên là yêu cầu mọi người nên cài dây an toàn vì máy bay sắp sửa hạ cánh. Bảy giờ tôi mới hoàn hồn tỉnh lại, vì đã biết mình thả hồn phiêu lưu rong chơi trong thế giới ảo tưởng. Đó là tôi đã mắc phải cái lỗi thất niệm mất rồi! Tôi không giữ được chánh niệm.

Máy bay hạ cánh an toàn. Chúng tôi mỗi người lần lượt ra khỏi máy bay và đến trạm kiểm soát hải quan để làm thủ tục nhập cảnh. Tuy nhiên, vì chúng tôi không có ở lại Singapore lâu, chỉ tạm một thời gian ngắn nên việc làm thủ tục cũng dễ dàng. Chúng tôi hẹn với anh Sơn là mọi người sẽ gặp nhau ở chỗ lấy hành lý. Vừa đến nơi thì vợ chồng anh chị Sơn và hai người đàn ông một trẻ một già cũng vừa đến. Đó là hai cha con của Long khởi hành từ Perth. Lấy hành lý xong, vì còn thời gian nên anh Sơn thuê hai chiếc xe van chở chúng tôi đi tham quan ngắm cảnh chung quanh thành phố Sin-

gapore. Nói đến thành phố ở Singapore thì ai cũng biết rất là thoáng mát sạch sẽ, có nhiều hoa kiểng cây cối xanh tươi rất là hữu tình ngoạn mục. Nhìn chung, nơi đây cũng rất xinh lịch đẹp mắt. Đi một vòng, trời đã trưa, anh Sơn bảo tài xế đi tìm chỗ ăn trưa. Ông tài xế chở chúng tôi đến một tiệm ăn của người Nhật. Thức ăn đặc sản truyền thống của người Nhật là mì nước. Lúc này, ngoài trời rất nóng bức oi ả không khác gì cái nóng bức khó chịu ở Việt Nam.

Dùng xong, chúng tôi trở lại phi trường Singapore để đón 5 người từ Việt Nam qua. Những người này định cư ở Tây Úc, nhưng họ về Việt Nam thăm chơi và rồi họ cùng sang đây tháp tùng với đoàn chúng tôi. Như vậy, chung lại cả đoàn gồm có 17 người: 8 người ở Melbourne và 9 người ở Perth. Lúc này khoảng hơn 4 giờ chiều. Chúng tôi đi xuống bến tàu để đến thành phố Batam. Tàu chạy với tốc độ khá nhanh khoảng hơn 45 phút thì cập bến. Đến nơi, nhìn đồng hồ tay là đúng 6 giờ chiều. Vài chiếc xe nhỏ đưa chúng tôi về khách sạn Amaris. Bà chủ khách sạn rất tử tế niềm nở đón tiếp chúng tôi. Bà kính cẩn chào hai thầy một cách rất lễ độ. Sau khi nhận phòng và tắm rửa xong, chúng tôi thả bộ dạo phố để tìm quán ăn. Quán ăn thì nhiều nhưng tìm một cái quán ăn chay thật không phải dễ. Cuối cùng, anh Sơn và Minh Bằng đã tìm ra được cái quán ăn có mặn, có chay. Vào bàn nhìn thực đơn thì đồ ăn chay rất ít. Chỉ có một vài món ăn đơn sơ thôi. Nhưng đói bụng thì ngon dở gì cũng nuốt ngon lành. Bởi ai nấy cũng đều cảm thấy đói bụng rã ruột. Thời giờ ở đây đi sau Úc khoảng 4 tiếng đồng hồ. Như 7 giờ tối ở đây thì khoảng 11 giờ tối ở Melbourne. Do sự chênh lệch giờ giấc như vậy nên việc ăn uống và ngủ nghỉ của chúng tôi cũng đều bị thay đổi. Ăn xong chúng tôi đi bộ về lại khách sạn.

Khách sạn tương đối khá khang trang và sạch sẽ. Họ dành cho 2 người một phòng. Riêng hai thầy, thì mỗi thầy một phòng. Khi chúng tôi đến đây, thì đã có mặt 9 vị sư Tây Tạng rồi. Những vị sư này đều ở trên lầu 3. Theo anh Sơn cho biết, thời gian chúng tôi ở đây 3 ngày và mỗi ngày chúng tôi phải trả cho họ là 50 đô Úc. Bao gồm tiền ăn ở và xe di chuyển tới lui.

Được biết, số tiền này bà chủ khách sạn sẽ cúng dường cho các vị sư Tây Tạng. Riêng hai thầy trong đoàn thì bà không có tính tiền ăn ở.

Do đi mệt, nhất là tối hôm qua thức suốt đêm không ngủ, nên đêm nay mọi người đều ngủ một giấc ngon lành. Khoảng 6 giờ sáng, mọi người đều có mặt ở phòng ăn. Người đầu bếp là hai chú thanh niên trẻ tuổi lo chuẩn bị thức ăn sáng thật gọn gàng và chu đáo. Họ đã chuẩn bị từ lúc nào mà chưa đầy 6 giờ thì thức ăn đã sẵn sàng tất cả. Theo anh Sơn cho biết, vào lúc 7 giờ sáng nay mọi người sẽ đi đến Galang để làm lễ. Ngoài đoàn chúng tôi ra, còn lại là những người Hoa và 9 vị sư Tây Tạng. Những người Hoa này họ đều tu theo Phật giáo Tây Tạng. Họ mặc đồng phục bằng những chiếc áo màu vàng. Từ khách sạn đến đảo Galang xe chạy mát hơn tiếng đồng hồ. Thịnh thoảng bị kẹt xe nên mất thời gian khá lâu.

Chúng tôi đến chùa Kim Quang vào lúc 8 giờ 30 sáng. Đây là ngôi chùa do người tỵ nạn xây cất dựng nên. Ngôi chùa được xây dựng hoàn tất vào năm 1985. Hiện nay, ngôi chùa đã được trùng tu nên cũng khá khang trang. Từ cổng vào chùa khoảng hơn trăm thước. Trước chùa phía dưới triền đồi là một cái sân tráng nhựa rộng lớn. Nơi đây là chỗ dành cho du khách đậu xe. Bởi Galang ngày nay đã trở thành một công viên du lịch rộng lớn. Du khách vào đây mỗi người phải đóng tiền lệ phí là ba ngàn đồng Indo. Một đô Úc đổi ra được mười ngàn Indo. Đến nơi, Thầy Phước Thái hướng dẫn chúng tôi vào trong chánh điện lễ Phật. Lễ Phật xong, chúng tôi đi ra bên ngoài nhìn cảnh trí chung quanh. Bên cạnh hông chùa, người ta căng một cái lều vải rộng lớn. Nơi đây là để cho mọi người ngồi nghỉ mát và dùng cơm trưa. Theo chương trình hành lễ, thì ngày hôm nay các vị sư Tây Tạng sẽ tụng kinh cầu siêu và chẩn tế cô hồn. Ban tổ chức chỉ dành cho đoàn chúng tôi khoảng 2 tiếng rưỡi đồng hồ vào buổi trưa để tụng niệm. Lợi dụng thời gian trống buổi sáng, Thầy Phước Thái liền mời những vị trong đoàn đến ngồi chung quanh một cái bàn tròn để thầy phỏng vấn. Vì trong đoàn của chúng tôi có một vài vị đã tạm cư nơi đây một thời gian. Như thầy Phước Nguyên, vợ chồng cô Từ Phương, chú Long và chú

Tâm. Thầy Phước Nguyên tạm cư khoảng 11 tháng. Minh Bằng thì hơn một năm. Từ Phương thì gần 3 năm. Chỉ có Long và Tâm thì ở đảo khá lâu. Mỗi người có trên 4 năm. Cần nói thêm, ở Galang xưa kia Cao Ủy chia ra làm 4 khu vực, gọi là Galang 1,2,3,4, mục đích là để dễ phân phối và kiểm soát. Galang 1 thì có ngôi chùa Quan Âm. Galang 2 thì có 2 ngôi chùa: Kim Quang và Kỳ Viên. Chùa Kỳ Viên là do quý thầy và các phật tử theo hệ phái Phật giáo Nguyên Thủy tạo dựng. Ngôi chùa này hiện nay cũng được tu bổ khá khang trang. Từ chùa Kỳ Viên đến chùa Kim Quang khoảng cách không xa lắm. Nếu đi tắt thì rất gần. Nhưng vì cây cối chằng chịt nên khó đi. Vì thế nên người ta phải đi vòng. Bên cạnh ngôi chùa Kỳ Viên là nhà thờ Vô Nhiễm của Thiên Chúa giáo. Hiện nay, tất cả đều còn nguyên vẹn và đã được chánh quyền địa phương cho tu bổ lại rất nhiều. Đặc biệt Galang 3 là nơi dành để mai táng cho những đồng bào đã chết trên đảo. Người ta gọi là nghĩa trang của người tỵ nạn. Còn Galang 4, là nơi dành cho những người trau dồi thêm Anh ngữ để chuẩn bị đi định cư ở Mỹ. Riêng về Galang 4 vì địa thế nằm sâu bên trong, nên chúng tôi không tiện đi vào. Còn ba nơi kia chúng tôi đều có đến. Nhất là Galang 2 là nơi chúng tôi làm lễ ở đây 2 ngày.

Trở lại vấn đề phỏng vấn. Trước khi phỏng vấn, thầy Phước Thái có nói sơ qua một vài điểm chính yếu về bối cảnh ở nơi đây. Thầy nói, theo một tài liệu cho biết, thì trại tỵ nạn này là do Cao Ủy Tỵ Nạn Liên Hiệp Quốc thành lập vào năm 1978. Quần thể kiến trúc bao gồm:

- Bệnh viện, chùa, nhà thờ, trường ốc, văn phòng, các khu gia cư, khu giải trí v.v...
- Trại mở cửa vào năm 1979 để tiếp nhận thuyền nhân từ thập niên 1980 cho đến những năm đầu thập niên 1990.
- Trại thực sự đóng cửa vào năm 1996. Về các đảo ở Nam Dương có khoảng 17,507 hòn đảo lớn nhỏ.
- Có khoảng 120,000 thuyền nhân Việt (có tài liệu nói trên 200,000 người tạm cư).
- Khoảng 2000 trẻ em ra đời tại hòn đảo này.
- Khoảng 503 người đã vĩnh viễn yên nghỉ nơi đây.

Đó là một vài yêu điểm mà thầy đã nêu ra cho mọi người được biết. Kế tiếp, thầy hỏi chú Long về những gì mà Long đã từng trải qua đời sống cũng như chứng kiến những sự việc xảy ra kể từ đầu thập niên 1990 trở đi. Long cho biết những thảm cảnh ở đây thật là kham khổ. Cái nỗi khổ lớn nhất là những người bị rút thanh lọc bắt buộc phải hồi hương. Chính vì thế, nên mới xảy ra nhiều việc biểu tình chống đối và rồi đưa đến cái chết thảm thương do người ta tự sát như mổ bụng, thiêu thân v.v..., bởi họ không còn một con đường nào khác để lựa chọn. Đó là những năm sống trong hồi hộp lo âu tinh thần lúc nào cũng bị bức xúc căng thẳng. Từ hệ quả đó, nên mới sanh ra nhiều tệ nạn rối loạn không thể kể hết được. Nhưng Long được may mắn là nhờ ghép chung lôca với một thiếu úy cảnh sát và vợ của ông này lại là thông dịch viên cho Cao Ủy Ty Nạn. Nhờ vậy, nên Long mới được đi định cư ở Úc.

Còn Tâm là người không được may mắn như Long. Vì Tâm đã có gia đình một vợ hai con. Nên những ngày sống ở đây thật là gian nan cực khổ vất vả. Tâm không có thân nhân nước ngoài. Tâm là người rời đảo sau cùng. Do đó, những gì xảy ra ở đây của những năm cuối cùng, Tâm đều chứng kiến tất cả. Đó là những năm phải nói rất là rối loạn. Có nhiều người phần uất chịu không nổi cảnh áp bức nên phải tự vận một cách rất đau thương. Bây giờ nhớ lại, như là một cảnh tượng hãi hùng xảy ra trước mắt. Tâm và Long nói trong sự ghen ngào xúc động. Nhìn vào đôi mắt của hai người nước mắt lưng tròng mà chúng tôi cũng phải rơi lệ. Nghe qua tình cảnh đau thương như thế và người kể quá ư xúc động nói không ra lời, nên thầy Phước Thái cho tạm ngưng cuộc phỏng vấn để đi tham quan tận mắt một vài nơi chung quanh. Đi đến đâu thì Long, Tâm và Từ Phương kể tới đó.

*Người xưa cảnh cũ vẫn còn đây,
Bao năm nước mắt đã rơi đây
Xót xa ngán lệ từng chân bước
Nhiều nỗi đắng cay quá dạn dày*

Văn phòng Cao Ủy vẫn còn đây

*Bao người phỏng vấn ở nơi này
Kể đi người ở trong vui khổ
Lắm người tự sát chết phơi thây!
Bệnh viện, nhà đèn, miếu hai cô
Cung cấp thức ăn mì với khô
Ngôi nhà cũ kỹ đều hư nát
Trẻ khóc chào đời rất ngây ngô*

*Chùa chiền xoa dịu nỗi khổ đau
Bao kẻ đêm đen khóc bạc đầu
Tủi thân cô lẻ buồn tê tái
Vô Nhiễm nhà thờ dịu cơn đau!*

Những con đường mòn quen thuộc, một vài căn nhà "ba trắc" vẫn còn đó, đến bảo tàng viện, chuồng cọp tra tấn đánh đập tội nhơn hiện vẫn còn nguyên vẹn. Đến đâu, nơi nào lòng tôi cũng trào dâng lên bao nỗi thương tâm vì thương cho số phận hẩm hiu của những con người ty nạn bất hạnh. Đi một vòng tham quan xong, chúng tôi trở lại chùa. Lúc này các vị Sư và phật tử Tây Tạng đã tụng kinh xong, đến phiên chúng tôi tụng niệm. Thầy Phước Thái làm chủ lễ hướng dẫn đại chúng tụng thời Kinh A Di Đà Nghĩa và sau đó cúng thí thực cô hồn. Nghi thức cúng cô hồn do Thầy biên soạn. Có những bài văn tế khi thầy đọc lên mọi người đều cảm động rơi lệ.

Chúng tôi rời khỏi nơi đây vào lúc 5 giờ chiều. Tối lại, chúng tôi đến nhà hàng cũ kêu vài món thức ăn để bỏ bụng.

Sáng nay thứ bảy ngày 5/4/14 ngoài trời mưa rơi tầm tã. Anh Sơn cho biết, sáng nay chỉ có đoàn chúng tôi đến Galang. Quý Sư và phật tử Tây Tạng sẽ đến vào buổi trưa. Trên đường đến Galang 2, chúng tôi có ghé lại viếng thăm ngôi chùa Quan Âm ở Galang 1. Ngôi chùa đã được trùng tu rất khang trang đẹp mắt. Những dấu tích xưa kia nay đã đổi khác đi nhiều. Trong chùa có một vị sư già trụ trì và vài bà phật tử làm công quả. Lễ bái tham quan xong, chúng tôi rời nơi đây để đến Galang 2. Lúc này, trời vẫn tiếp tục mưa càng lúc càng nặng hạt.

Đến chùa Kim Quang, chúng tôi bắt đầu làm lễ. Tụng Kinh A Di Đà Nghĩa xong, chúng tôi ngồi yên để nghe Thầy Phước Thái thuyết

giảng. Buổi thuyết giảng của thầy tuy thời gian rất ngắn, nhưng những lời thầy giảng như đi sâu vào tâm khảm của mỗi người chúng tôi. Thầy luôn nhấn mạnh đến lý nhân quả nghiệp báo. Nhất là thầy luôn đề cập đến thân phận của người tỵ nạn. Lúc Thầy đang giảng thuyết thì phái đoàn Phật giáo Tây Tạng đến. Do đó, thầy tạm ngưng để chuẩn bị dùng trưa. Đây là một buổi ngộ trai giao hữu do bà chủ khách sạn khoản đãi. Tất cả đều ngồi quây quần bên nhau của những cái bàn tròn đặt sẵn. Một buổi cơm thật là đầm ấm thân mật trong tình huynh đệ của người con Phật.

Dùng trưa xong, mưa vẫn còn rơi nhẹ hạt. Quý Sư và phật tử Tây Tạng tiếp tục hành lễ. Lợi dụng thời gian này, chúng tôi thuê chiếc xe nhỏ đến Galang 3, nơi nghỉ trang của những đồng bào đã yên nghỉ nơi đây. Đâu có ai nghĩ rằng, sanh ra ở Việt Nam và chết ở Nam Dương. Nhất là chết trên đảo hoang vu như thế này. Chúng tôi đến đây bầu trời vẫn còn u ám và mưa vẫn rơi lác đác, Đó là những giọt nước mắt của trời đất như cảm thương khóc cho số phận của con người. Thầy Phước Thái hướng dẫn chúng tôi tụng một thời Kinh cầu siêu ngắn ở đây. Sau đó, chúng tôi đi một vòng để viếng thăm từng ngôi mộ. Dĩ nhiên, những ngôi mộ này theo thời gian phai màu cũ kỹ. Đây là nghĩa trang chung của người tỵ nạn nên không có phân biệt tôn giáo hay không tôn giáo.

Viếng thăm xong, chúng tôi trở lại Galang 2. Vì còn thời gian nên chúng tôi đến viện bảo tàng và tham quan một vài cảnh trí chung quanh. Nơi đây cũng lưu lại những vết tích đau thương mà đã hơn một thời đồng bào mình chung sống. Tôi bồi ngùi xúc động khi nhìn thấy căn nhà nơi tra tấn đánh đập tội nhân một cách tàn nhẫn dã man. Theo lời của Tâm và Long kể lại, ở đâu cũng có thành phần tốt và xấu. Tuy nhiên, thành phần xấu cũng do hoàn cảnh nào đó đưa đẩy họ vào con đường tội lỗi. Mỗi người chúng ta đều sẵn có những hạt giống tốt và hạt giống xấu. Tùy theo môi trường sống mà những hạt giống này hiện hành và phát triển.

Trước khi từ giã nơi đây, chúng tôi trở lại ngôi

chùa Kỳ Viên và đi vòng qua ngôi nhà thờ Vô Nhiễm. Cây cầu bắc ngang vào chùa và nhà thờ xưa kia đã bị hư mục nên người ta đã làm cây cầu khác an toàn đi vào. Theo pháp hữu vi vô thường không có gì tồn tại. Tuy nhiên, cũng là một ngôi nhà, nhưng nhìn thấy ngôi chùa và nhà thờ lòng ta cảm thấy ấm áp và an tịnh hơn. Ngược lại, khi nhìn thấy ngôi nhà đã từng nhốt tội nhân tra tấn đánh đập, thì lòng ta lại cảm thấy sợ hãi bất an. Chân lý tương đối hay Tục đế là như thế.

Đào qua một vòng, chúng tôi trở lại chùa và đứng trước sân chùa Kim Quang để hàn huyên tâm sự. Tâm và Long có dịp diễn tả lại cảnh đồng bào biểu tình và tự sát bằng cách mổ bụng và tự thiêu nơi con đường tráng nhựa này. Nghĩa là nơi con đường dẫn đến văn phòng Cao Ủy Tỵ Nạn của Liên Hiệp Quốc. Văn phòng này nằm đối diện ngôi chùa Kim Quang cách nhau khoảng hơn trăm thước. Căn phòng được xây cất bằng tôle nay đã hư sập đổ nát. Nghe thế, không ai lại không chạnh lòng buồn tủi!

Hàn huyên một vài câu chuyện có liên quan đến mảnh đời người tỵ nạn, sau đó, chúng tôi lên chùa và chuẩn bị ra về. Vì lúc này các Sư Tây Tạng đã làm lễ xong. Chúng tôi rời nơi đây vào lúc 5 giờ 30 chiều cùng ngày.

Theo chương trình là chúng tôi tham dự lễ phóng sinh ở ngoài biển do các Nhà Sư Tây Tạng chủ trì. Nhưng rất tiếc trong đoàn có vị phải về Việt Nam nên chúng tôi phải rời nơi đây vào buổi sáng sớm cho kịp chuyến bay. Vì làm thủ tục chiếu kháng nhập cảnh Singapore và chờ đợi chuyến tàu cũng khá lâu. Đến trạm kiểm soát hải quan biên giới của Singapore lại có việc trở ngại rắc rối xảy ra. Vì trong đoàn có người mua hai gói thuốc lá để về tặng bạn. Thế là hải quan làm khó dễ thời gian chờ đợi giải quyết có hơn tiếng đồng hồ. Tính sớm mà trở thành trễ. Số người về Perth và đi Việt Nam phải đi thẳng ra phi trường cho kịp chuyến bay. Thế là chúng tôi từ giã những vị này khi ra khỏi trạm hải quan.

Đến Singapore sau khi dùng cơm trưa, vì còn thời gian dài đến 9 giờ tối mới lên máy bay,

nên chúng tôi có đến viếng thăm ngôi chùa Quan Âm. Khi đến đây, chúng tôi thấy cảnh chùa đầy áp người và bên tai chỉ nghe tiếng lêu lắt các cửa các ống xam và tiếng xì xào của những người xin xam. Nhìn thấy cảnh tượng này, tôi cảm thương cho họ. Nơi đâu cũng có cái cảnh phật tử đi chùa chỉ biết van lạy Phật Bồ tát cầu xin thôi. Nếu tất cả đều như thế, thì không biết Phật giáo sẽ đi về đâu! Cũng may, cũng còn có những người sống đúng theo chánh pháp Phật dạy. Tin sâu vào Tam bảo và lý nhân quả, nghĩa là cũng còn có chánh tín không đến đổi mê tín như những người này. Nhờ vậy mà Phật giáo vẫn còn tồn tại trên thế gian để mang ánh sáng giác ngộ đến cho mọi người. Sau một phút trầm ngâm suy tư, tôi lui thủ đi ra chen lán lách mình trong đám người xin xam đoán quẻ.

Trước khi ra phi trường về Úc, chúng tôi có đến một siêu thị lớn để mua vài món quà về tặng người thân. Mỗi người mua được một ít dầu cù là của Singapore. Nghe dầu cù là này trị đau nhức hoặc cạo gió rất hay. Mua xong, trời đã chạng vạng tối, chúng tôi vội vã ra phi trường về về Úc.

Một số người ở Perth đã về trước chỉ còn lại 6 người chúng tôi (không có mẹ con của cô Hạnh Phúc, hai người này ở lại sáng mai đi Hồng Kông) và vợ chồng anh chị Sơn cùng hai cha con của Long. Tuy nhiên, những vị này về Perth sau chúng tôi. Nhưng tất cả cũng cùng check in một lượt. Chúng tôi chia tay nhau tại phi trường sau khi check- in hành lý xong.

Trải qua 3 ngày ở Indonesia và tính ra khoảng một ngày ở Singapore, tuy thời gian ngắn ngủi, nhưng chúng tôi cảm thấy rất vui. Vui là vì lần đầu tiên, chúng tôi theo thầy để làm một việc có đầy đủ ý nghĩa. Có đến tận nơi và thấy tận mắt những di tích còn lại nơi đây, chúng ta mới biết được cái tinh thần hy sinh dũng cảm hiên ngang của người ty nạn dám đánh đổi cái chết để tìm tự do. Dù không chúng kiến những sự việc xảy ra, chỉ nghe kể lại thôi, mà chúng tôi cũng rất là khâm phục kính nể sức chịu đựng những khó khăn của đồng bào. Nhất là trong giai đoạn thanh lọc rất là khủng hoảng. Có người đã hiên ngang tự sát kết liễu đời

mình chống lại sự cưỡng bách hồi hương. Ai có trải qua những tháng ngày dài sống ở đảo mới có thể hiểu và thông cảm được cái tâm trạng của những người mòn mỏi đợi trông. Người được đi định cư thì vui mừng hỷ hả, kẻ ở lại thì ngậm ngùi đau xót buồn thiu. Nhìn thấy những năm mò hoang sơ trợ trợ của những người đã ra đi mà chưa đạt thành ý nguyện, bất giác tôi động lòng rơi lệ. Vâng! Tôi khóc thương cho những người nằm xuống gởi thân nơi xứ lạ quê người mà cũng khóc thương tủi phận cho chính mình. Dù đã biết, thân tứ đại chỉ là giả tạm, sống gởi thác về, nhưng đứng trước những ngôi mộ lạnh lùng hoang vắng đều hiu sao không khỏi chạnh lòng thương tiếc! Trong niềm thương tiếc đó, chúng tôi chỉ xin được thắp nén tâm hương thành kính cầu nguyện cho các hương linh chóng được siêu thoát về nơi cảnh giới an lành.


Ghi lại đôi dòng tưởng niệm theo bước chân thầy trong niềm hoài vọng tiếc thương ...

Melbourne Ngày 14 /4/ 2014

Một Đoàn Viên

KÍNH MỪNG PHẬT ĐẢN

HUYEN MOTOR REPAIR



PARRAMATTA ← → VILLAWOOD, HUME HWY

WOODVILLE RD.

FAIRFIELD ST. LISBON ST. SEVILLE ST. MANDARIN ST. MALTA ST.

CROWN ST.

HUYEN MOTOR REPAIRS

VAN HUYEN
(02) 9755 0761

OPEN 6 DAYS
Unit 2, 92 Seville Street
Fairfield East NSW 2165

Mob: 0407 567 673

- * Sửa chữa tất cả các loại xe máy và điện
- * Elect Tune Up-Fuel Inject Cleaner
- * Wheel Alignment * Bơm ga máy lạnh xe
- * Cân bằng bánh xe. Thay vỏ ruột
- * Check xe đóng thuế lưu hành (Pink Slip)
- * Thay thắng, Clutch, Auto, Manual Transmission
- * Có xe cho quý vị mượn tạm

Duyên Khởi - Hỗ Trợ - Vô Ngã

Vô ngã là cái tinh túy của Phật Giáo, Đức Phật thuyết chư pháp duyên sanh, vạn hữu duyên khởi với mục đích làm sáng tỏ chơn lý vô ngã. Vì vậy từ duyên khởi đến vô ngã là một đường thẳng, không cần đi cong; vô ngã là kết luận tất nhiên của duyên khởi. Một Phật tử chân chánh, trước hết phải nhận thức được chơn lý từ duyên khởi đến vô ngã thì mới nhận thức được quan niệm căn bản nhất của đạo Phật.

Từ lý luận duyên khởi để nhìn vũ trụ nhơn sinh, ta thấy vũ trụ nhơn sinh như một tấm lưới đan dệt nhau và quan hệ lẫn nhau. Do đạo lý duyên khởi nói lên “có cái này thì có cái kia”, “cái này sinh thì cái kia sinh”, đồng thời cùng nghĩa “cái này diệt nên cái kia diệt”. Như vậy cùng là một sự vật mà sự sanh diệt của cái này hay cái kia đều có quan hệ hỗ tương là nhơn, là duyên với nhau, ta biết rằng mỗi sự vật không có cá tính độc lập cho chính nó, mà phải nương vào nhiều sức mạnh của nhiều phương diện để giúp đỡ, mới có thể sinh tồn với xã hội. Do đó, cá nhân này hay cá nhân khác, xã hội này hay xã hội khác, để tồn tại ý nghĩa của quan hệ như họ hàng, như nước hay chất ướt. Phật giáo từ trên ý nghĩa này mà triển khai lý luận hỗ trợ xã hội, tương tế nhơn sinh. Tất cả những lao khổ của Bồ Tát vì chúng phục vụ, chư Phật vì chúng quên mình, cứu độ chúng sanh, do việc thâm ngộ được lý pháp duyên khởi, biết rằng do duyên khởi đến vô ngã, trong pháp vô ngã, bất giác chính mình có được, cho nên mới hy sinh chính mình; nếu như cảm thấy có mình, thì có “ngã ái” “ngã sở ái”, như vậy sinh lòng ích kỷ, thì đừng nhắc đến chuyện vì người mà làm chi nữa.

Một người bình thường đều thấy chính mình có một thân thể, tức là có cái tôi. Cái tôi này quyết định tất cả mọi sự việc, thường nhất bất biến mà tồn tại. Đây là một cảm giác sai lầm, như đi trong đêm nhìn bóng cây mà tưởng là ma; như đạp nhầm sợi dây thừng mà tưởng là rắn. Sự thật không là ma cũng không là rắn, chỉ là cảm giác sai lầm đối với bóng cây trong đêm và sợi dây thừng mà thôi. Nhưng đối với kẻ hạ hành bất tri, thì chấp có ma, có rắn, không muốn buông bỏ thành kiến, vì vậy phát sinh tranh chấp mà sinh ra nhiều chuyện.

Phật và Bồ Tát là bậc đại trí tuệ, thấu triệt đạo lý duyên khởi vô ngã, đối với mọi sự vật của cuộc đời, đều thấu triệt một cách rõ ràng, giống như

một người đi trong buổi thanh thiên bạch nhật, nhìn thấy bóng cổ thụ, nhất định không cho là ma, gặp sợi dây thừng ở giữa đường thì không cho là con rắn. Thêm một bước nữa kể cả cây và sợi dây cũng đều biết nó là giả tướng của duyên khởi, ảo hữu, hưởng hồ ngoài cái ảo hữu của cây và dây lại sinh khởi cái cảm giác sai lầm, tự nhiên sẽ không có cảm giác như vậy. Đối với người không biết đến duyên khởi vô ngã, thì không tránh được cái cảm giác sai lầm này, nhận lầm cái ảo hữu của thân giả này là cái tôi khả đắc, do đó một mặt thương yêu cái ngã, một mặt lại buông thả cái ngã, dùng tất cả thủ pháp lường gạt hoặc áp chế, tạo nên tư tưởng “tung ngã ché vật” mở rộng quyền lợi của riêng mình, hổ dục khó lấp, tham lam tiền của, tranh chấp liên miên về vật chất, thế giới này người quý cũng không được yên, từ đó mà sinh nhiều chuyện!

Lại từ phương diện đơn giản mà nói, một con người sống ở thế gian, sinh mạng là do chính mình đem đến; thân thể là do cha mẹ sanh dưỡng, giáo dục của gia đình; y thực trú hành là do quần lực của xã hội hỗ trợ hợp tác mà thành; tất cả tài sản là do sự kinh doanh từ xã hội mà có; những kỹ năng tri thức của cá nhân cũng từ giáo dục của nhà trường, học tập kinh nghiệm nơi xã hội. Thử hỏi ngoài những điều kiện thành toàn của cha mẹ, gia đình, trường học và xã hội, nơi nào ta thấy sống đơn độc mà có thể sinh tồn, mà lại là cái tồn tại bất biến của cái ngã? Cha mẹ, gia đình, trường học và xã hội đều là chúng duyên để trợ thành cái ngã, không có những trợ duyên này thì không thể tạo thành ngã. Vì vậy trong đạo Phật phải từ duyên khởi để thuyết minh cái vô ngã.

Trên ý nghĩa này tiến thêm bước nữa để nghiên cứu, thì biết đạo Phật mặc dù tuy nói vô ngã, nhưng cũng không phủ nhận sự tồn tại của giả thân; chỉ chẳng qua từ cái giả thân của vô ngã đánh thức chúng ta biết rằng không có sự đơn nhất tồn tại của tiểu ngã để quy nhập chung của đại đồng, của đại ngã. Vì đại ngã mà quên đi tiểu ngã, tức là ta vì mọi người, mà người người vì ta. Duy chỉ có lý luận duyên khởi tánh không này mới có thể hiển minh một cách triệt để chơn nghĩa của cuộc đời vô ngã, cho nên chúng ta có thể nói vô ngã là kết luận tất nhiên của duyên khởi./.

Tâm Hòa suu tầm

18 ñieàu raên tạo công đức lành!

*(Trích Tập San Mahayana/Losang Dragpa
Buddhist Society – LDC, Selanqor Darul
Ehsan, Malaysia, số tháng 10/2006 do Quảng
Thành phỏng dịch)*

Trong Phật pháp, luật về “Nghệp” giảng rõ: Mỗi sự kiện xảy ra lại có một sự kiện khác phát sanh và sự kiện thứ nhì này có kết quả thiện lành hay xấu ác, tùy thuộc vào cái nhân có làm lợi hoặc làm hại cho tha nhân và chính đương sự. Một sự kiện lành xuất phát từ tâm ý làm lợi tha cho tha nhân, còn một sự kiện dữ xuất phát từ tâm tham lam và si mê! Các sự kiện tự nó không có ác, mà do tâm ác và hành động theo tâm ác!

Luật về ‘NGHIỆP’ dạy rõ cá nhân nào gây nghiệp ác phải lãnh trách nhiệm về việc của họ đã làm. Do vậy Nghiệp có nghiệp nhân và nghiệp quả! Mỗi hành động do mình tạo ra đương nhiên mang lại nghiệp quả cho mình, có nghĩa các nghiệp thiện hay ác đều do mình, do tâm ý và hành động của mình. Cho nên mình không thoát được NGHIỆP. Tuy nhiên có nhiều cách TẠO NGHIỆP LÀNH và CÔNG ĐỨC LÀNH như sau:

1/ Sức mạnh của Nghiệp...

Khi một hành động được lập lại nhiều lần, dù lành hay dữ, đều tạo ra sức mạnh của Nghiệp. Hành động nhắm các đối tượng quan trọng như cha mẹ, các tu sĩ hoặc Thầy Trụ Trì cũng tạo ra Nghiệp quan trọng, dù hành động đó là ác nhỏ hay thiện nhỏ. Hành động Ác sẽ gây đau khổ cho người, còn hành động Thiện mang lại an vui cho người. ‘Các hành giả tu hành cần nhất phải giữ chánh niệm để hướng mọi hành động tới quả thiện lành’. Nhất là trong thời đại này, các Thầy tu Ấn giáo (Hindus) cho rằng nghiệp quả chín quá nhanh, quả báo Nghiệp hiện ra ngay trong đời này!

2/ Đọc tụng danh hiệu vừa 35 vị Phật.

Kinh Bồ Tát Đạo khuyến hành giả tụng danh xưng của 35 vị Phật để giảm nghiệp ác. Khi

đọc tụng như trên bạn sẽ nảy sanh sám hối tội lỗi trong các kiếp trước và cả kiếp này. Sám hối còn giúp tâm trở về với Tánh Thiện ban sơ, khi xưng danh phải đọc ba lần, hai bàn tay chắp lại cung kính và khẩn: “Con kính lạy Phật và quy y Ngài”, lời khẩn nguyện này rộng như bầu trời và sâu như biển cả. Hãy nhắm mắt lại với lòng cung kính, mọi ác nghiệp sẽ tan biến dần! Cách hành trì này có sức mạnh làm tan đi các chướng ngại trong đời sống. Hãy kính lạy Ngũ Đại chư Phật mười phương để mọi tai ách được giải trừ.

3/ Đọc một câu THẦN CHÚ.

Đọc thần chú là cách hành trì dễ nhất trên con đường mở rộng tâm thức đến các chân trời mới của tâm, là một phương tiện thù thắng giúp mình giải trừ ác nghiệp. Nếu không có cách trừ ác, cái ác sẽ bám vô tâm thức suốt đời này qua đời khác! Nên đọc thần chú ‘ÚM MA NI BÁT DI HỒNG’ tức ‘OM MANI PADME HUM’ đó là thần chú của Bồ Tát QUÁN THẾ ÂM mà ai cũng biết! Công năng thần chú này làm tiêu tan mọi sợ hãi, lo âu, làm bớt khổ và có khi đáp ứng mọi sở nguyện của mình (tỷ dụ nguyện ‘Thế giới hòa bình, chúng sanh an lạc’, chứ không phải nguyện cho làm ăn giàu có, công danh toại nguyện!).

Chúng ta có thể đọc thần chú lớn hay đủ nghe, đọc trước khi ngủ, khi đã thức dậy, để thần chú đi sâu vô tâm thức và cả tầng thức! Tâm bạn nhân đó sẽ từ bi hơn, tha thứ nhiều hơn và giận hờn tiêu tan đi nhanh hơn! Các vị Lạt Ma tin rằng đọc ‘ÚM MA NI BÁT DI HỒNG’ giúp các vị mau Giác Ngộ, đó là một trong ‘Mười Thần Chú Thần Diệu Nhất’ trong bất cứ thời đại nào!

4/ Giúp một người qua đường.

Nên giúp một người qua đường ngay hôm nay khi họ cần giúp. Nếu gặp một bà già, hãy cầm tay bà và đi với bà qua đường. Làm vậy là thực tập từ bi, tức lòng tốt tự nhiên, coi như lối sống thường mỗi ngày, làm không tính toán hay do

đự! Làm vậy là tạo nghiệp lành và nên giúp người cần giúp như một thói quen không thể thiếu trong đời sống hàng ngày.

5/ Chép kinh Phật bằng mực vàng.

Chép kinh Phật là một việc làm thù thắng để tiêu trừ ác nghiệp. Trong các chùa Tây Tạng, chư Tăng có tài viết chữ, thường công hiến cả đời vào việc chép kinh Phật, các Ngài dùng thứ bột vàng hòa vô một thứ sơn tốt, kẻ sơn khô thì gấp tờ kinh và bọc trong lụa hoặc treo trên vách tường! Kinh này là vật thiêng liêng, nói lên lòng mộ đạo của chư Tăng! Chép một phần hay cả cuốn kinh tạo một công đức vô song, công đức chép kinh trên đã được ghi trong kinh Sanghata Dharma Paryaya. Phật đã so sánh như sau: Các giọt nước trong đại dương, các hạt bụi trần trên trái đất và cát trên sông Hằng (Ấn Độ) gom lại mới bằng công đức của một vị Bồ Tát tu Thập Địa; tuy nhiên công đức đó cũng không thể bằng công đức của một vị Phật! Thế nhưng khi chúng sanh nào nghe được kinh Phật ‘Sanghata Dharma Paryaya’ thì công đức đó còn lớn hơn công đức của Phật nữa!

Chú thích: Nếu Phật tử không kiếm ra sơn bột vàng để chép kinh, thì có thể chép kinh bằng bút thường viết trên giấy màu vàng cũng được, ý nói viết với tâm lòng chân thật, thanh tịnh cũng đạt kết quả tốt!

6/ Nhường ghế ngồi cho người khác.

Nhường ghế mình ngồi cho một người cần hơn mình là một cử chỉ tốt, dù là trên xe bus, hay tàu hỏa, hay máy bay. Cử chỉ trên không được tính toán hơn thiệt, mà làm do tâm từ bi phát ra. Hành động trên xuất phát từ các kiếp trước, đã gieo nhân tốt giúp người, nên kiếp này lại tiếp tục. Vậy kiếp này hãy vun bồi thêm công đức lành để tiến tu đạo pháp.

7/ Công đức lành làm tiêu tan ác nghiệp.

Trong tâm thức, đa số chúng ta vẫn sống với cả thiện nghiệp và ác nghiệp xảy ra mỗi ngày, mỗi tuần, mỗi tháng và mỗi năm và còn tiếp tục mãi mãi! Điều cần thiết là luôn luôn tích lũy thiện nghiệp và giảm dần ác nghiệp có từ các tiền kiếp! Chư Tăng Ni chỉ cho Phật tử chúng ta sáu cách tiêu trừ ác nghiệp như sau:

- ♦ Đọc tụng kinh Phật

- ♦ Quán tánh Không của các pháp (người, vật, cảnh v..v..)
- ♦ Đọc thần chú
- ♦ Tạc tượng, vẽ hình Phật, Bồ tát, Thánh chúng
- ♦ Cúng dường Thầy, Tổ, Tăng, Ni...
- ♦ Đọc tụng danh hiệu Phật....

Muốn tu theo một trong sáu pháp kể trên, hành giả cần gặp một vị cao Tăng để hướng dẫn quý vị tu tập, để bớt ác nghiệp và tăng trưởng các thiện nghiệp, để tâm quý vị được mở rộng, được an lạc, tiến lần tới giải thoát...

8/ Quay bánh xe pháp (Twirl a prayer wheel).

Người Phật tử Tây Tạng có thói quen quay bánh xe Pháp khi mới tới Thánh đường của họ. Bánh xe trên chứa các tờ giấy in các câu thần chú (mantras) và cả microfilms, nên có sức chứa tới 600 triệu câu thần chú. Ông Thầy Tây Tạng cho hay người quay bánh xe pháp chí thành sẽ làm tiêu ác nghiệp và tăng thiện nghiệp, không những có lợi ích cho người Phật tử đang làm mà còn lợi ích cho những người chung quanh nữa.

9/ Đi chiêm bái các thánh tích.

Đi chiêm bái các thánh tích nhằm đi thăm các thánh tích kết hợp với lịch sử tín ngưỡng của mình. Dù bạn là người theo Thiên chúa giáo, Hồi giáo hay Phật giáo, bạn sẽ đi tới các thánh địa khác nhau, tỷ dụ bên Thiên chúa giáo đi thăm La Mã, nơi có Đức Giáo Hoàng cư ngụ hoặc thành Lourdes bên Pháp, nơi linh thiêng có Đức Mẹ hiện ra để chữa bệnh; bên Hồi giáo có Thánh địa Mecca và bên Phật giáo có thánh địa Bodhgaya nơi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã giác ngộ và còn nhiều thánh địa khác nữa. Các Thánh địa tỏa chiếu ra một ánh sáng giác ngộ, đánh thức người hành đạo, truyền năng lượng cho họ và khiến họ tỉnh thức. Đi chiêm bái thánh tích còn làm khai mở tâm và truyền năng lượng Từ Bi cho họ.

10/ Đọc tụng kinh Phật.

Đọc một kinh Phật giúp ta mở mang trí tuệ và còn cho ta cơ hội học về các vị cổ Phật, các vị Phật đã có trước đức Phật Thích Ca, nhất là kinh Tâm Kinh Bát Nhã dạy về Tánh Không mà các thiền thất, thiền viện tụng hàng ngày. Tiếp đến kinh Kim Cang cần thấu bốn câu

quan trọng là: “Nhất thiết hữu vi pháp, Như mộng huyền bào ảnh, Như lộ diệt như điện, Ứng tác như thị quán”. Phải khởi quán như thế mới hàng phục tâm và sau mới an trụ tâm. Quán vậy ác nghiệp sẽ hết và hết sanh tử luân hồi (buông xả pháp & vọng tưởng= an trụ, tiếp không dính mắc 6 trần, được NHU NHƯ BẤT ĐỘNG, tức bố thí không chấp tướng...); còn muốn hàng phục tâm thì phải buông xả mọi vọng tưởng, việc này làm trước, sau mới tới an trụ tâm là không theo sáu trần! (Cần học kinh Kim Cang).

11/ Theo tôn giáo là thể hiện Tâm Từ Bi, đó là lời của Đức Đạt Lai Lạt Ma.

Như thế thiện nghiệp là phát tâm Từ Bi. Chẳng phải là phát tâm Từ trong một lúc mà là liên tục trong mọi mặt của cuộc đời, trong mọi liên hệ giao dịch khi chúng ta làm kinh doanh, giao tế...., khi ta làm bất cứ việc gì cũng cần tâm Từ, như vậy chúng ta tạo thiện nghiệp, khiến người khác cũng phát tâm từ như chúng ta. Đó là cách sống chắc chắn tốt đẹp để chiến thắng các sự kiện tiêu cực.

12/ Nhường đường khi lái xe.

Trong khi lái xe, chúng ta có nhiều cơ hội tạo ra thiện nghiệp, tỷ dụ nhường đường cho người khác tiến lên, lái chậm lại cho xe khác vượt lên, không thấy bực mình khi xe khác tiến lên lại đụng vô xe mình. Dù ở hoàn cảnh nào cũng nở nụ cười bình an, dù là mình lái xe đúng, cũng nên nhường đường và không bao giờ tranh cãi về ai được quyền ưu tiên, hãy vui vẻ nhường đường cho người khác, như vậy mình thắng được tánh thiếu kiên nhẫn của chính mình, đó là cách tạo thiện nghiệp...

13/ Nên đọc một cuốn sách nói về trau dồi tâm linh.

Nên đọc các cuốn luận của quý tu sĩ đặc đạo, tỷ dụ như cách luyện tâm để phát triển từ bi và trí tuệ, hiểu rõ tính chất của cuộc sống, Tánh Không và thuyết Nhân Duyên (emptiness & dependent arising) để thoát ra khỏi ba độc Tham – Sân – Si, thân tâm thanh tịnh, tự do, tự tại và hành từ bi, trí tuệ, sống đúng theo Phật pháp mỗi ngày.

14/ Son tượng Phật, Bồ Tát.

Khi họa các tượng linh thiêng, tỷ dụ họa chân dung các Thánh đã giác ngộ, có thể tiến tới giác ngộ, theo truyền thuyết các vị Lạt Ma cao cấp, nếu họa sĩ cung kính từng nét họa. Sáng tạo trên bất nguồn từ lòng thành kính và hết lòng vì đạo, nên công đức rất lớn! Các vị Lạt Ma Tây Tạng cho rằng họa các vị Thánh sẽ có được nguồn cảm hứng do đã cống hiến cả đời mình cho việc họa. Trong vài năm gần đây, các họa sĩ Tây phương tu theo Đại thừa Tây Tạng đã sáng tác một số họa phẩm, ảnh hưởng từ cung kính các Thánh đã giác ngộ. Các Phật tử cũng có khả năng học chân dung các Thánh, không cần vẽ hoàn hảo, miễn là xuất phát từ tâm cung kính các vị Thánh hoặc Phật mà quý vị ưa thích. Các trẻ em có khiếu họa như trên cũng tạo ra công đức như người lớn!

15/ Viết một Phật ngôn trên đá.

Hãy chọn các hòn đá nhẵn nhụi do nước sỏi mòn từ vài trăm năm và viết lên câu thần chú ‘Úm Ma Ni Bát Di Hồng’ (Om mani padme hum). Các loại đá trên thường có trên các dòng sông thiêng liêng chảy từ núi Hy Mã Lạp Sơn, như sông Bramaputra hoặc Ganges (sông Hằng). Nếu các bạn thấy khó kiếm thì có thể chọn loại đá lớn cỡ một bàn tay mà họa cũng tốt. Trước hết vẽ bằng mực tàu, sau đó dùng nhựa một thứ lá màu vàng tô lên, đó là tạo công đức! Tại thành phố Katmandu quý vị có thể kiếm ra các hòn đá loại trên có viết sẵn một câu Phật ngôn được trưng bày quanh các tháp của đô thị vùng Hy Mã Lạp Sơn.

16/ Hành thiền.

Cách đây vài năm, tôi được may mắn gặp Ngài Lama Zopa Rinpoche, xin Ngài từ bi chỉ cho tôi cách hành thiền, lý do tôi suy nghĩ điên đầu, xin Ngài chỉ cách cho tôi giảm lo âu và đầu bứt căng thẳng. Ngài Rinpoche mỉm cười và nói tôi rằng: “Bà Lillian, hành thiền rất thù thắng, chẳng phải chỉ có giảm lo âu mà còn có mục đích cao hơn nữa, như khi bà ngồi xuống bồ đoàn, bắt chéo chân, xương sống thẳng, mắt nhắm 2/3 hướng về ba bước trước mặt, rồi việc đầu tiên là nhắm vào mục tiêu của Bà như sau: Bà hãy chú tâm vào việc hành thiền là làm lợi cho chúng sanh, tức hành vị tha, đó là căn bản của hành Thiền! Sau đó bà quán chiếu về cuộc đời của bà đã diễn biến ra sao, bà rất may mắn

được sanh ra, sống còn và còn khỏe mạnh, bình yên, biết suy tư, phân biệt, hiểu và suy luận! Tất cả cách quán chiếu đó sẽ giúp bà sáng tâm ra, đạt trí huệ và tạo nhiều công đức!

17/ Cần một Thầy Bốn Sư hướng dẫn tu tập...
Hãy thiền tập để đạt Hạnh phúc Tột hậu, vĩnh cửu, chứ không phải tạm thời! Nên suy ngẫm tất cả sự kiện đang làm cho bạn hạnh phúc một cách chậm chạp không chắc chắn tí nào, vì các sự kiện thay đổi liên tục không thể cho bạn HẠNH PHÚC VĨNH CỬU được! Nhớ là bản chất cuộc đời là VÔ THƯỜNG! Hiện nay bạn đang sống nhưng có ngày sẽ từ giã cuộc đời này! Bạn phải suy tư và tìm ra cách sống mới khác để đạt HẠNH PHÚC VĨNH CỬU! Muốn đạt cứu cánh này, bạn nên tìm ngay MỘT VỊ BỐN SƯ có khả năng mở sáng mắt bạn ra, để bạn nhận ra TÂM GIÁC hay TÂM PHẬT luôn theo sát bạn trong cuộc đời! Chính Ông Thầy tâm linh sẽ hướng dẫn bạn tu Thiền; nên bạn phải có quyết tâm tìm ra ông Thầy đó. Chỉ khi nào bạn sẵn sàng tu, ông Thầy sẽ tới hướng dẫn cho bạn, tóm lại sự lựa chọn là do bạn trước!

18/ Hãy ấn tống một cuốn kinh sách Phật.

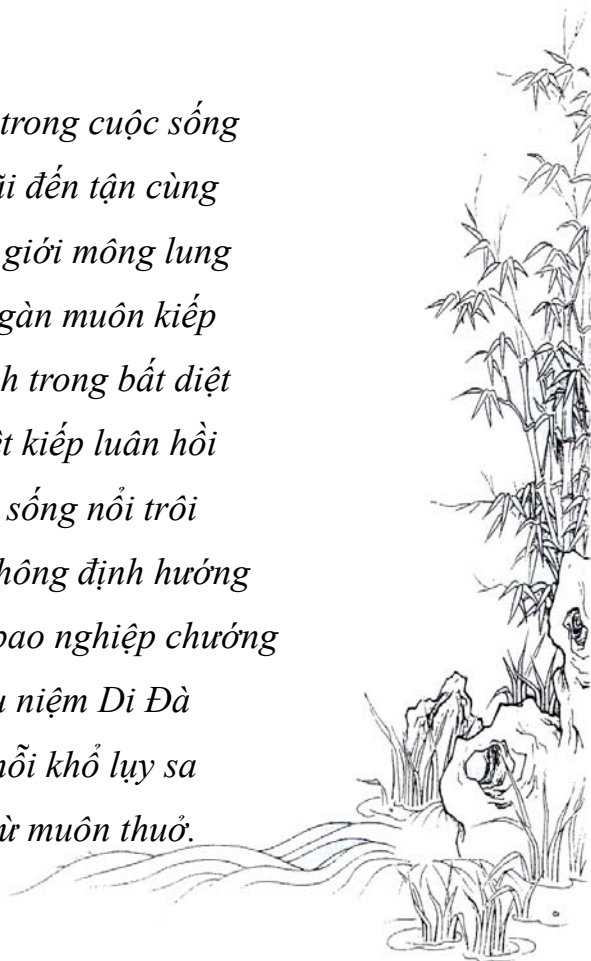
Bạn nhớ rằng ấn tống một cuốn kinh sách sẽ mang lợi ích cho rất nhiều người. Kinh sách chứa đựng lời giáo huấn của các bậc đã giác ngộ, bao gồm kinh, chú và luận do các vị Lạt ma soạn đã giúp cho Tăng Ni và Phật tử, qua nhiều thế kỷ Trong phái Đại Thừa Phật giáo, kinh sách được bảo quản kỹ và nếu các bạn hỗ trợ cho việc tái ấn tống sẽ mang lại nhiều công đức cho bạn và chính lời giáo huấn trong kinh sẽ giúp bạn đi tới giải thoát nếu bạn kiên trì và tinh tấn tu hành.

*Quảng Thành phỏng dịch từ
“Mười tám điều răn tạo công
đức lành” do Bà Lillian Too,
Chủ nhiệm Tập San Mahayana,
Hội Losang Dragpa Buddhist
Society – LDC, Selanpor Darul
Ehsan, Malaysia, sáng tác và ấn hành
Vì “lợi ích tất cả hành giả tu Phật”.*

Hoa Tinh Thông

T. Đại

*Hoa tình thương trải dài trong cuộc sống
Như dòng sông chảy mãi đến tận cùng
Ngậm ngùi chi trong thế giới mộng lung
Cho thêm khổ dật sâu ngàn muôn kiếp
Hãy tỉnh mộng hành trình trong bất diệt
Hãy vươn lên đoạn tuyệt kiếp luân hồi
Đã bao đời mang kiếp sống nổi trôi
Như cùng tử lang thang không định hướng
Sống chánh niệm tiêu mòn bao nghiệp chướng
Chỉ một câu Phật hiệu niệm Di Đà
Vượt muôn ngàn bao nỗi khổ lụy sa
Ta thoát kiếp tử sanh từ muôn thuở.*





Vaøi Suy Nghó Veà Caui Cheát

Là con người không ai thoát khỏi định luật: sanh, lão, bệnh, tử. Chúng ta vừa mới sanh ra đời đã bật tiếng khóc. Khóc cho sự lạnh lẽo, trống trải và bất an sau chín tháng mười ngày nằm yên ổn, ấm áp trong bụng mẹ. Khóc cho cái thân này rồi đây sẽ bị đau nhức khổ sở vì những căn bệnh quái ác. Khóc cho tấm thân trần đây nhựa sống bỗng chốc già nua, cằn cỗi và suy nhược. Khóc cho cái chết xảy ra trong mỗi sát na, không biết lúc nào sẽ từ già cỗi trần ai ra đi vĩnh viễn.

Chúng ta có thể thoát được lão bệnh, nhưng không thể thoát được tử. Có người chưa già và bị bệnh, nhưng chết bất đắc kỳ tử vì tai nạn. Có người cả đời không bị bệnh. Nếu có thì chỉ là những cơn bệnh nhẹ, thường, an vui sống cho đến già yếu rồi chết. Có người đang độ tuổi thanh xuân, khỏe mạnh yêu đời, bỗng bị bạo bệnh mà chết. Như vậy, chết là điểm chung của quy trình cuộc sống. Thế! Chết là gì? Chết là gì mà chúng ta lại lo sợ, tâm chúng ta bất an. Dầu biết cuộc đời buồn nhiều hơn vui, phiền não nhiều hơn an lạc, chúng ta vẫn luyện tiếc, níu kéo, không chịu buông xả, bình an trước phút lâm chung.

Kìa là những chiếc lá xanh tươi mơn mớn trên cành. Màu xanh của hy vọng và yêu thương. Đẹp biết bao nhiêu. Nhưng chỉ được một thời gian ngắn mà thôi. Khi mùa Thu về, lá sẽ úa vàng rơi rụng, không còn được trầm trồ yêu thích nữa. Chỉ có thi nhân với tâm hồn nhạy cảm ca ngợi những chiếc lá vàng mang dấu hiệu tử vong. Lá được gom lại thành từng đống dưới gốc cây. Qua thời gian, chịu sự tàn phá của nắng mưa, lá mục biến thành phân bón, bón lại cho cây sự sống. Sự sống nảy mầm thành lá non. Như vậy, cái chết của lá không ngừng lại ở lúc vàng úa rũ mục, mà chuyển thành đất, thành phân bón, chất dinh dưỡng cho cây. Truyền cho cây sinh lực để khi nhân duyên đầy đủ, cây nảy lộc non xanh biếc làm tươi mát lòng người và môi trường xung quanh. Cái chết của lá là biến thể hình thái và

công dụng, là sự luân chuyển sinh tử, sanh diệt diệt sanh. Lá trong rừng khi chết không chỉ là phân bón, là nguồn sống cho chính cái cây mà nó đã từng gắn bó, mà còn là nguồn sống cho các cây xung quanh. Cái chết của lá cho chúng ta bài học vô cùng sâu sắc về lẽ vô thường, lý tùy thuận nhân duyên, tánh bình đẳng không phân biệt và lòng bao dung rộng khắp.

Lá chết hữu ích như thế, còn người chết ra sao? Trong suốt tiến trình dựng nước và giữ nước, tổ tiên chúng ta đã không tiếc xương máu để bảo tồn, lưu lại một dải giang sơn gấm vóc cẩm tú. Trong cuộc chiến bảo vệ miền Nam, có biết bao chiến sĩ đã anh dũng hy sinh cho đồng bào miền Nam được sống tự do. Những cái chết như thế thật đẹp và ý nghĩa vô cùng.

Phật đã nhập niết bàn nhưng chánh pháp truyền thừa mãi cho đến ngày nay. Phật pháp giáo hóa nhân loại, vạch đường chỉ lối cho người đời dứt mê thoát khổ, sống an lạc hạnh phúc. Giáo lý của Ngài được thế nhân học hỏi và thực hành, ca tụng ngợi khen. Chết như thế sao gọi là chết? Các bậc thầy tổ, các vĩ nhân, danh nhân, anh hùng liệt nữ, theo luật sanh diệt không thể tồn tại mãi ở thế gian; nhưng đức hạnh, trí tuệ và anh linh thì bằng bạc khắp không gian, trường tồn mãi với thời gian. Chết mà không chết là vậy.

Chết không phải là hết, là mất tất cả. Trái lại, chết là điểm khởi đầu cho một cuộc hành trình mới. Chỉ là rũ bỏ bụi trần ai của kiếp này, để rồi khoác lên chiếc áo đầy bụi trần ai khác. Những gì chúng ta tác tạo trong kiếp sống này, chúng ta mang theo làm hành trang cho chuyển đi mới.

Không phải chỉ có Đức Đạt Lai Lạt Ma và các bậc Sư Tổ tái sanh, mà chúng ta cũng tái sanh. Tuy nhiên, khác với các vị này, là các bậc chân tu, đã đạt đại định, nên khi viên tịch, chánh báo hủy hoại nhưng nguyên thân còn nguyên

ven. Do đó, khi tái sinh thì hiểu biết và trí tuệ không mất. Chúng ta luyện ái tham dục, sống với lửa sân hận, vọng tưởng đảo điên. Nên khi chết, chẳng những thân mục rữa mà ngay cả thần hồn cũng không được sáng suốt minh mẫn. Với một thần hồn u mê ám chướng thì chúng ta làm sao tránh khỏi bị "đọa" vào trong cảnh giới không tốt đẹp khi tái sinh. Làm sao giữ được sự hiểu biết của tiền kiếp.

Muốn cuộc hành trình mới ít chông gai trắc trở, đi trên con đường bằng phẳng thênh thang thì ngay trong đời này, chúng ta cần phải tu tâm dưỡng tánh, tịnh tam nghiệp, làm điều thiện, tránh việc ác, gieo trồng nhân lành để được quả tốt. Muốn không mặc lại áo đầy bụi trần cấu uế, thì phải khởi tâm tin vào pháp môn Tịnh Độ. Tin Phật Thích Ca không dối gạt chúng ta. Tin vào đại nguyện của Đức Phật A Di Đà. Tin rằng hễ có cõi Ta bà thì có cõi Cực lạc. Tin rằng ta có thể thành Phật vì tâm ta là tâm Phật. Tin rồi nguyện sâu thiết tha cầu vãng sanh Cực lạc quốc. Về đó rồi, hóa sanh từ thanh liên, tiếp tục nghe pháp tu hành cho đến khi đạt đạo quả. Sau đó, trở lại Diêm phù đề để cứu độ chúng sanh. Nguyện rồi bền chí niệm Phật, kiên tâm niệm Phật, miên mật niệm Phật, lão thật niệm Phật, thì an lạc hạnh phúc hiện hữu trong từng hơi thở, hiện hữu ngay chính trong đời sống này, chẳng cần tìm cầu đâu xa. Khi tâm đã an lạc, sống trong niềm hạnh phúc thì lòng từ bi theo đó mà rộng mở. Chúng ta yêu đời, yêu người, yêu vạn vật xung quanh chúng ta. Chúng ta yêu từng cọng cây ngọn cỏ, quý từng tấc đất vườn rau, tôn trọng sanh mạng của chúng sanh cho dù là sanh vật nhỏ bé như côn trùng sâu bọ .v.v... Chúng ta hiểu biết và nhận thức được sự sống vô cùng quý giá và chết thì chẳng có gì đáng sợ. Chết là sự giải thoát trọn vẹn.

*Tôi đi giữa đất trời
Nghe gió ru chuyện đời
Những nỗi niềm thống khổ
Hạnh phúc và yêu thương.*

*Lá xanh, vàng rơi rụng
Đời người cũng chóng qua
Sanh diệt lẽ vô thường
Nhân duyên lý tan hợp.*

*Ai bảo rằng lá chết
Khi hiện hữu trong cây
Ngàn mầm non xanh biếc
Từ rễ mục tàn phai.*

*Tôi đi giữa đất trời
Nghe lá kể chuyện đời
Chuyện thời gian vô tận
Chuyện người chết sáng ngời.*

*Máu thấm tươi rùng sâu
Xương đắp bồi đồng ruộng
Thiên thu sử lưu truyền
Khí linh thiêng bất diệt.*

*Chánh pháp tự ngàn xưa
Dạy thế nhân tu hành
Dứt si mê thoát khổ
Sống thong dong an lành.*

*Tôi đi giữa đất trời
Tâm tự tại thanh thoi
Chết không còn đáng sợ
Thấu suốt đạo nhiệm mầu.*

*Rũ sạch bụi trần ai
Thênh thang đường về nhà
Sen sanh tu diệu pháp
Cực lạc quốc thuần vui.*

*Mai này trở lại đây
Thực hành nguyện bồ tát
Cam lồ tưới dịu mát
Căn nhà lửa thế gian.*

Tịnh An



NGHI THỨC CÚNG VONG TẠI NHÀ

Văn Thân

Việc cúng vong phần nhiều đều do quý thầy đảm trách, nhưng nghi thức cúng thì tùy theo quý thầy ở mỗi chùa, mỗi miền và mỗi tông phái mà có khác nhau, nhưng mục đích chung là cầu nguyện cho vong linh được siêu độ, sanh về cõi lành, như cõi Cực lạc ở Tây phương của Phật A Di Đà. Trong trường hợp không có gặp quý Thầy hay ở xa chùa, quý Phật tử chẳng may có người thân như cha, mẹ qua đời, ngoài việc tụng kinh, niệm Phật hộ niệm cho người quá vãng, còn phải cúng cơm mỗi thất (mỗi bảy ngày) trong bảy thất tức 49 ngày cho người mới chết. Theo kinh Địa Tạng, người mới chết thân hồn cứ bảy ngày bị nghiệp chuyển một lần và chuyển đủ bảy lần thì mới phân định được nghiệp thiện, nghiệp ác, để chuyển kiếp đầu thai ở một đời khác. Do đó, những người thân của người mới chết trong thời gian 49 ngày phải lo làm việc thiện như bố thí, phóng sanh, cúng dường chư tăng, ni, tụng kinh, niệm Phật và cúng thất cho người chết để họ nhờ đó mà sớm được siêu thoát. Vậy xin đề nghị:

NGHI THỨC CÚNG VONG TẠI NHÀ NHƯ SAU:

Chủ lễ xướng:

- ♦ Tàng quyền tự quỳ.
- ♦ Phần hương (*th'p hợng kh' n nguy' n*)
- ♦ Thượng hương (*C'm hợng vào lơ*)
- ♦ Trà chãm sơ tuần
- ♦ Lễ hương linh tam bái (*l'ry 3 l'ry*)

Chủ lễ xướng tiếp:

Tử kim nghiêm tướng diêu nan lường,
Vĩnh kiếp thường cư Cực lạc bang.
Thất bảo dương chi tiêu nhiệt nảo,
Bát công đức thủy mộc thanh lương.
Quang lưu xứ xứ u minh thất,
Ảnh hóa phân thân tọa đạo tràng,
Nguyện độ vong hồn quy bốn quốc,
Cửu liên đài thượng lễ Như lai.

Chủ lễ đọc tiếp:

Tiếp dẫn hương linh A Di Đà Như Lai (3 lần)

Hương linh văn triệu, văn triệu nguyện lai lâm (3 l'n)

Chuyện thân triệu thỉnh, ngưỡng vọng lai lâm, tang chủ thành tâm khấn đương bái thỉnh, hương hoa thỉnh, hương hoa triệu thỉnh.

Sơ thỉnh hương linh:

Nhứt tâm triệu thỉnh, u minh giáo chủ hoằng nguyện độ sanh, địa ngục vị không, thệ bất thành Phật. Chúng sanh độ tận phương chứng Bồ đề. Đại bi, đại nguyện, đại thánh, đại từ, bốn tôn Địa tạng Vương Bồ tát, thù từ chúng giám, tiếp độ phục vị hương linh tênlai đáo gia đường, thỉnh pháp văn kinh, thọ tài hưởng thực siêu sanh tịnh độ, hộ trì tang quyền phước thọ bình an. Hương hoa thỉnh, hương hoa triệu thỉnh.

Nhị thỉnh hương linh:

Nhứt tâm triệu thỉnh, thủ trì kim tích chân khai địa ngục chi môn, chưởng thượng minh châu quang nhiếp đại thiên chi giới, Diêm vương điện thượng, nghiệp kính đài tiền. Đại bi, đại nguyện, đại thánh, đại từ, bốn tôn Địa Tạng vương Bồ tát, thù từ chúng giám, tiếp độ phục vị hương linh tên lai đáo gia đường thỉnh pháp văn kinh, thọ tài hưởng thực, siêu sanh tịnh độ, hộ trì tang quyền phước thọ bình an.

Hương hoa thỉnh, hương hoa triệu thỉnh.

Tam thỉnh hương linh:

Nhứt tâm triệu thỉnh, khổ hải thao thao nghiệp tự chiêu mê, bất tỉnh bán phân hào tiền sanh bất bả Di Đà niệm ủng tại nhân gian tảo nhứt tao. Chung nhiệt danh hương, chung thân triệu thỉnh, triệu thỉnh phục vị hương linh tên..... lai đáo gia đường, thỉnh pháp văn kinh, thọ tài hưởng thực siêu sanh tịnh độ, hộ trì tang quyền phước thọ bình an. Hương hoa thỉnh, hương hoa triệu thỉnh.

Triệu thỉnh hương linh dĩ giáng lâm. Thọ thủ trai nghi phổ cúng dường. Y linh tự tọa thỉnh kinh văn. Diển kinh văn Bồ tát ma ha tát.

Chủ lễ xướng: Hiên phạn! (Gắp đồ ăn vào chén cơm và cắm đũa bung lên khăn).

Rồi đọc tiếp: (Nếu mẹ chết, đọc là mẹ, cha chết đọc là cha v..v..).

Hôm nay quỳ trước mẹ (cha) đây,

Con xin dâng chén cơm này mẹ (cha) xoi.

Bây giờ mẹ (cha) đã mất rồi,

Còn đâu hình bóng, những lời yêu thương.

Cuộc đời mẹ (cha) lắm đoạn trường,

Nuôi con cực khổ trăm đường đắng cay!
Con được khôn lớn hôm nay,
Đều nhờ thân mẫu (thân phụ) đêm ngày trông nom.
Lo từng manh áo, miếng cơm.
Mỗi lần con bệnh mẹ (cha) ôm không rời.
Ân mẹ (cha) nặng lắm mẹ (cha) ơi!
Công lao sanh dưỡng suốt đời mãi ghi.
Cơm này xin mẹ (cha) ăn đi!
Tâm lòng con thảo đôi khi chưa tròn.
Xin mẹ (cha) tha thứ cho con!
Tình thâm mẫu tử (phụ tử) mãi còn mẹ (cha) ơi!

Đồng tụng:

Biển thực, biển thủy chơn ngôn cần đương trì tụng:

- Nam mô tát phạ đát tha, nga đa, phạ lô chỉ đế.
Án tam bạt ra, tam bạt ra hồng (đ^s c 3 lⁿ)
- Nam mô tô rô bà đa, đát tha nga đa đa, đát điệt tha. Án tô rô tô rô, bát ra tô rô, bát ra tô rô, ta bà ha (đ^s c 3 lⁿ).
- Án nga nga năng tam bà phạ phiệt nhựt ra hồng (đọc 3 lần)

Thần chú gia trì tịnh pháp thực,
Phổ thí hà sa chúng vong hồn.
Nguyện giai bảo mãn xá xan tham,
Tộc thoát u minh sanh tịnh độ.
Quy y Tam bảo phát bồ đề,
Cứu cánh đắc thành vô thượng đạo.
Công đức vô biên tận vị lai,
Nhứt thiết vong hồn đồng pháp thực.
Nam mô Cam lô vương Bồ tát. (đ^s c 3 lⁿ)

Chủ lễ xướng :

Tây phương hữu Phật hiệu Di Đà,
Phổ khuyến chúng sanh xuất ái hà.
Lục độ huyền môn đặng bỉ ngạn,
Nhơn nhơn khải đáo mạc ta bà.
Tang chủ kiền thiên trà châm sơ hiến. Lễ hương linh nhị bái.
Tây phương tịnh độ hữu liên thai,
Phổ khuyến chúng sanh quy khứ lai.
Nhứt niệm hoa khai thân kiến Phật,
Vĩnh vô bát nạn cập tam tai.

Tang chủ kiền thiên trà châm tái hiến. Lễ hương linh nhị bái.

Quán Âm Bồ tát đại thần thông,
Thủ chấp dương chi quá hải đông.
Quán Âm năng cứu thế gian khổ,
Nguyện độ vong hồn vãng lạc bang.

Tang chủ kiền thiên trà châm chung hiến. Lễ hương linh tam bái.

Đồng tụng:

Vãng sanh quyết định chơn ngôn:

Nam mô a di đa bà dạ, đa tha dà đa dạ, đa điệt dạ tha, a di rì đô bà tì, a di rì đa tất đām bà tì, a di rì đa tì ca lan đế, a di rì đa tì ca lan đa, dà di nị dà dà na, chỉ đa ca lệ ta bà ha. (đ^s c 3 lⁿ)

Tán Phật A Di Đà:

A Di Đà Phật thân kim sắc,
Tướng hảo quang minh vô đẵng luân,
Bạch hào uyển chuyển ngũ tu di,
Cám mục trùng thanh tứ đại hải.
Quang trung hóa Phật vô số ức,
Hóa Bồ Tát chúng diệc vô biên,
Tứ thập bát nguyện độ chúng sanh,
Cửu phẩm hàm linh đặng bỉ ngạn.

Nam mô Tây phương Cực lạc thế giới đại từ đại bi tiếp dẫn đạo sư A Di Đà Phật.

Nam mô A Di Đà Phật (10 lⁿ).

Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát (3 lⁿ).

Nam mô Đại Thế Chí Bồ Tát (3 lⁿ).

Nam mô Địa Tạng Vương Bồ Tát (3 lⁿ).

Nam mô Thanh Tịnh Đại Hải chúng Bồ Tát (3 lần).

Ngưỡng nguyện Bản sư Vô lượng thọ,
Quán Âm, Thế Chí thánh hiền tăng.
Đồng chuyên oai quang phổ chiếu lâm,
Cộng tứ minh gia hàm cứu bạt,
Vô tử kim sanh chư tội chướng,
Lục căn tam nghiệp chúng khiêu vưu.
Nhứt niệm viên quang tội tánh không,
Đẳng đồng pháp giới hàm thanh tịnh.
Nam mô Siêu lạc độ Bồ tát (3 lần)

Phục nguyện:

Nhứt thành thượng đạt vạn tội băng tiêu, nguyện hương linh tên..... thừa tư Phật lực lai đáo gia đường, thính pháp văn kinh thọ tài hưởng thực siêu sanh tịnh độ, hộ trì tang quyến phước thọ bình an. Phổ nguyện âm siêu dương thới pháp giới chúng sanh đồng thành Phật đạo.

Nam mô A Di Đà Phật.
Tiêu diêu chơn thế giới,
Khoái lạc bảo liên đài.
Hiệp chương thế tôn tiền,
Như lai thân thọ ký.

Chủ lễ xướng:

Trà châm chung tuần.
Lễ tạ hương linh tất tứ bái.
Tứ sanh cử hữu, đồng đặng hoa tạng,
Huyền môn, bát nạn tam đồ,
Cộng nhập tỳ lô tánh hải.



Thiệp Mời

Đại lễ Phật Đản lần thứ 2638

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Trân trọng kính mời:

Quý Đồng hương Phật tử

Đến tham dự Đại lễ Phật Đản 2638

được tổ chức tại Tổ đình Phước Huệ

365 Victoria Street Wetherill Park NSW 2164

Điện thoại: (02) 9725 2324

Trong 2 ngày:

- * **Thứ Bảy 10/05/2014:**
 - Viếng thăm Tịnh xứ Hòa Thượng Tông Trưởng và dự lễ Phật Đản trên Đại Tòng Lâm Phật Giáo
 - Lễ Truyền Tam Quy Ngũ Giới vào lúc 15:00
 - Thuyết pháp vào lúc 20:00
- * **Chủ Nhật 11/05/2014:**
 - **Đại lễ Phật Đản tại Tổ Đình vào lúc 10:30**
 - Văn nghệ mừng Phật Đản vào lúc 13:30
 - Cúng thí thực thập loại cô hồn vào lúc 16.30

Sự hiện diện của quý vị sẽ góp phần vào niềm hoan hỷ chung của Phật giáo đồ Việt Nam trên đường phụng sự đạo pháp và dân tộc.

Kính nguyện kiết tường

Trân trọng

Ban Tổ Chức



GIA CHÁNH

Thuê Vân Cảm Tuê (Canh kiếm)



1. Vật liệu:

- 300g khoai môn
- 300g khoai lang bí
- 1/2kg bí đỏ
- 2 củ khoai mì
- 200g đậu phộng sống
- 400g dừa nạo
- 100g bột khoai
- Đường, muối, nước dừa tươi

- Đậu phộng luộc sơ, bóc vỏ, nấu cho mềm.
- Bắc nồi lên bếp, cho 2 tô nước dừa tươi, bột khoai vào nấu sôi, cho khoai mì, khoai môn vào khoảng 10 phút sau đến khoai lang, bí đỏ, đậu phộng, nêm nêm vừa ăn, mọi thứ mềm thì đổ tô nước cốt dừa, canh sôi, nhắc xuống.

2. Cách làm:

- Khoai môn, khoai lang, khoai mì, bí đỏ gọt rửa sạch, để ráo, cắt thành từng miếng vừa ăn.
- Dừa vắt lấy 1 tô nước cốt, 1 tô nước dảo.
- Bột khoai ngâm nước mềm, cắt khúc 4 cm.

Tâm Hòa soạn



Cúng tôi trân trọng cảm ơn quý Thầy, quý Sư cô, quý thiện hữu tri thức, các học giả, văn nhân thi sĩ đã đóng góp bài vở phong phú cho số báo mừng Phật Đản này. Trân trọng cảm ơn các vị mạnh thường quân, các cơ sở thương mại đã đăng quảng cáo và giúp đỡ tận tình tài cho việc phát hành số báo này.

Chân thành cảm tạ các Chùa, Phật học viện, Đại tông lâm, Tự viện, Ni viện, Niệm Phật đường và các nhà văn hóa, báo chí đã gửi tặng sách, báo và tạp chí trong thời gian qua.



Danh sách quý Phật tử ủng hộ tịnh tài cho số báo Mừng Phật Đản 2638

Thầy Phước Đạt	50	Lê Thị Lựu	100	Ngọc Hồng	20
Thầy Phước Viên	50	Diệu Đức	50	Viên Tịnh	20
Thầy Phước Quảng	50	Diệu Ngọc	20	Viên Ngộ	20
Thầy Phước Nghĩa	50	Huệ Trí	10	Giác Tâm	20
Sư Cô Phước Trường	20	Diệu Quỳnh	20	Viên Lộc	50
Sư Cô Phước Hải	50	Diệu An	50	Lan Chi	50
Sư Cô Phước Thanh	20	Tâm Thật và gia đình	50	Minh Châu & Thái Minh	200
Sư Cô Phước Chiêu	50	Diệu Hạnh	20	Tâm Hoa (Noumea)	30
Sư Cô Phước Niệm	20	Tâm An	20	Phổ Thành (Noumea)	30
Sư Cô Phước Lễ	30	Tâm Hiệp	20	Viên Chí (Noumea)	30
Sư Cô Phước Chí	30	Diệu Lai	20	Viên Tường (Noumea)	30
Sư Cô Phước Bình	30	Nguyễn Hương	100	Tâm Hương (Noumea)	30
Sư Cô Phước Tâm	30	Tâm Thạnh	20	Tâm Hợp (Noumea)	30
Sư Cô Phước Trường	20	Thọ Nhựt	20	Tâm Chơn (Noumea)	30
Sư Cô Phước Thọ	20	Chơn Huyền Hiền	20	Viên Đạt (Noumea)	30
Sư Cô Huệ Mãnh	100	Diệu Thuận	10	Diệu Huệ (Noumea)	30
Thiên Thai Đạo Tràng USA	100	Diệu Hằng	10	Minh Ngộ (Noumea)	30
Quincy Trí Việt	20	Ngọc Trang	10		
Emmy Phùng	20	Hoa Hương	10		
Nhật Giác	30	Diệu Hồng	20		

Danh sách quý Phật tử hỷ cúng nhân lễ Phật Đản

Cúng hoa quả		Ngọc Trang	10	Tâm Nguyệt	50	Nguyễn Phước Thọ	50
Diệu Hạnh (T. T. Bắc)	30	Trọng Trí & Thúy Vi	25	Viên Ngộ	50	Jimmy Nguyễn	50
Tử Kim Quang	50	Việt Trung & X. Hương	25	Huệ Trí	50	Alenna	50
Thiện Hỷ & Diệu Lạc	50	Quảng Thanh	100	Trí Chánh & Viên Hải	50	Tịnh Duyên	100
Gđ Nguyễn Tuấn Hải	20	Đức Trí	100	Wei Bầy	50	Quý CD - DVD	
Nguyễn Ngọc Lâu	20	Diệu Thiện	50	Tâm Huệ	50	Ấn danh	100
Trịnh Ngọc Thiên	20	M. Châu & Thái Minh	20	Thanh	50	Sư cô Phước Bình	20
Nguyễn Phước Thọ	20	Chơn Huyền Chiêu, Ngô		Diệu Nguyệt	50	Sư cô Phước Hòa	50
Viên Hương	20	Mỹ Anh, Ngô Ánh Tuyết,		Tịnh Thủy	50	Sư cô Phước Hải	100
Viên Hào	20	Ngô Thanh Hải, Ngô Bảo		Ngọc Trang	50	Thầy Phước Nghĩa	100
Viên Thủy	20	Phúc	50	Hoa Hương	50	Gđ Huệ Tâm	100
Jimmy Nguyễn	20	Lâm T. Ca Ng. Hương	30	Hạnh Thắng	50	Tử Kim Quang	30
Alenna	20	Tuệ Khai	20	Viên Toàn	50	Hồi hương cầu siêu	
Nhật Thành & Nhật Quả	30	Chơn Huyền Hiền	100	Viên Thủy	50	hl. Diệu Quả	200
Tịnh Duyên	20	Quý chá giò		Viên Hào	50	Quý bún riêu	
Tịnh Thủy	20	Tử Kim Quang	50	Viên Hương	50	Tặng Nguyễn Khiết	
Ong Phuội	10	Trương Thị Bắc	50	Nguyễn Ngọc Lâu	50	Trần Xuân Nguyệt	
Tâm Hương	20	Phổ Điền	50	Trịnh Ngọc Thiên	50		
Hoa Hương	10	Lâm Tây Diệp	70	Nguyệt Tuyền	50		

Danh sách các cơ sở thương mại ủng hộ quảng cáo cho báo Phật Đản số 57

- | | |
|------------------------------|-------------------------------------|
| - Nhà thuốc tây Mai | - Fairfield Funerals of Distinction |
| - Tiệm vàng Mỹ Tín | - Gạo thơm Hoàng Gia |
| - Tran's Aquarium | - Nha sĩ Phương Thảo |
| - Tiệm vàng Hưng Thành | - Nhà thuốc tây Mỹ Đức |
| - All-Villa Print | - Thực phẩm Á Châu Tường Phát |
| - Quán cơm chay An Lạc Vegan | - Huyện Motor Repair |
| | - Tiệm vàng Kim Châu |